

Y U O N G T R Í N H Ì À N

NHỮNG CHÂN
THƯƠNG
TÂM LÝ
HIỆN ĐẠI



Mục Lục

THÔNG TIN EBOOK

LỜI DẪN

PHẦN THỨ NHẤT

1. CÁI VỘI CỦA NGƯỜI MÌNH
2. DỤC VỌNG VÀ TAI NẠN
3. SỐNG TRÊN ĐƯỜNG
4. HỖN LOẠN TRONG GIAO THÔNG. HỖN LOẠN TRONG TÂM LÝ
5. HÀNG GIẢ VẪN ĐANG ĐƯỢC ƯA THÍCH
6. TỪ THAM LAM, NÔNG NÔI, ĐẾN CẢN RỖ BÁT LƯƠNG
7. TIẾNG ỒN ĐÁNG SỢ
8. THÔ BẠO NƠI NƠI
9. MỆT MỎI, BỮA BÃI, BUÔNG THẢ
10. NGÀY MỘT HUNG HÃN
11. NHẬT HỘI BỞI CHỪNG HỘI NHẬT
12. BÉ TẮC NÊN SINH CỜ BẠC
13. NÓI LỄ HỘI VÀO TRUY LẠC
14. TÌNH TRẠNG MẮT THIÊNG
15. CHƯA CHẮC ĐÃ LÀ NIỀM TIN THỰC SỰ!
16. NHÂN DANH HIẾU THẢO LÀM VIỆC DÃ MAN

17. TẤT CẢ CÓ THỂ LÀM KHÁC!
18. TÚI NY-LÔNG & MỘT TƯ DUY HIỆN ĐẠI
19. NĂNG LỰC TỰ KIỂM CHẾ
20. THÍCH ỨNG ĐỂ TỒN TẠI
21. CON NGƯỜI SUY THOÁI?
22. VÔ CẢM & BẤT LỰC
23. CHÔNG THAM NHỮNG KIỂU CHÍ PHEO
24. NHỮNG BAO KHOAI TÂY LÙNG CÙNG
25. XIN NHỚ NHẮC NHAU MỖI KHI BÀN CHUYỆN HỘI NHẬP!
26. QUA TIẾP XÚC VỚI NGƯỜI MÀ HIỂU THÊM MÌNH
27. HỘI NHẬP GIỮA ĐỜI THƯỜNG
28. NGÀY MỖI PHỤ THUỘC?
29. RÁC NGOẠI
30. CÁI VẠ CHẾT LÒNG HAY LÀ NHỮNG CHẤN THƯƠNG TÂM LÝ HIỆN ĐẠI

PHẦN THỨ HAI

1. NHỮNG DƯ ÂM CỦA THỜI XA VẮNG
2. TỪ ĐÔI DÉP ĐẾN CHIẾC MŨ BẢO HIỂM
3. CÁI NGHÈO DAI DẰNG
4. BỮA ĂN NGOÀI CHỢ
5. HIỆN ĐẠI ĐÁY MÀ CỔ LỖ ĐÁY
6. DÂN NHẬP CƯ TRONG VĂN CHƯƠNG VÀ BÁO CHÍ

7. HỒN TRƯỞNG BA, DA HÀNG THỊT
8. ẢO TƯỢNG, ĐÁU DỄ TỪ BỎ
9. TẤT CẢ ĐÃ CÓ TRONG LỊCH SỬ
10. MỘT LẦN LỖ TẤN NỔI CÁU
11. ĐỘC ĐÁO VỚI BẤT CỨ GIÁ NÀO!
12. MỘT NGÀN LÝ DO ĐỂ... MÃI MÃI LÃNG PHÍ
13. ẨN KÍN MỘT TRIẾT LÝ CHUNG
14. NGHĨ MÌNH CÔNG ÍT TỘI NHIỀU
15. CẦN NHỮNG KHÁNG SINH CHO NHỮNG CĂN BỆNH TÂM LÝ
16. TỘI LÀM HƯ DÂN
17. TÂM LÝ Ô-SIN
18. KHỔ VÌ LẮM TIỀN
19. THÔNG TIN TRONG MỘT XÃ HỘI TIỂU NÔNG
20. TÔI NGHIỆP DƯ, ANH NGHIỆP DƯ, NÓ CŨNG NGHIỆP DƯ
21. SỰ THA HÓA CỦA NGÔN TỪ
22. THÁI ĐỘ TRỞ TRÁO, LỜI LẼ RÁO HOẢNH
23. NHỮNG LỜI ĐOẠN TRƯỜNG
24. LẤY TƯƠNG LAI LÀM TIÊU CHUẨN
25. ĂN LẶN VÀO TƯƠNG LAI CỦA CON CHÁU!
26. SỰ CỐ TRƯỜNG DIỄN
27. TỔ CHỨC ĐỜI SỐNG NÔNG DÂN SAO ĐÂY?

28. ĐỌC LẠI KHÔNG TỬ ĐỀ HIÊU CON NGƯỜI HIỆN ĐẠI

29. SỰ ĐÔNG ĐÁNH CỦA MÙA XUÂN

30. TA CHỊU TRÁCH NHIỆM VỀ BẢN THÂN TA

THÔNG TIN EBOOK

Tên sách: Những Chấn Thương Tâm Lý Hiện Đại

Tác giả: Vương Trí Nhàn

Nhà xuất bản Trẻ - 2009

Thể loại: Culture

Tạo ebook: Hanhdb

LỜI DẪN

Chúng ta đang sống như thế nào? Tại sao lại có cái tình trạng nhân thế như chúng ta đang thấy? Ta đã hiện hành ra sao trong sự vận động của thời gian? Điều gì có thể thay đổi và điều gì sự phải chấp nhận mãi?

Có lẽ không riêng tôi mà nhiều bạn đọc cũng đang đối diện với những câu hỏi loại đó.

Để tìm cho mình câu trả lời, mười năm gần đây tôi đã hướng ngòi bút của mình vào thể phiếm luận. Sở dĩ tôi chọn thể tài này vì ở đó tôi cảm thấy viết cho mình mà cũng như là đang được đối thoại với bạn đọc.

Cả quan sát thể nghiệm lẫn những kiến thức sách vở mà tôi đọc được trong vai trò một người chuyên viết phê bình văn học đã được huy động. Những trang sách của Nguyễn Công Hoan, Thạch Lam, Nam Cao, Nguyễn Hiến Lê, Nguyễn Minh Châu, Nguyễn Khải và có những F.Dostoievsh, A.Tchekhov, Lỗ Tấn... mà tôi đã tiếp xúc suốt thời trai trẻ thường xuyên trở về có mặt trong các câu chuyện.

Khi cảm thấy có một mối liên hệ rõ rệt giữa ngày hôm nay với những thời gian đi qua, cũng là lúc người ta có thể sáng rõ hơn trong việc nhìn nhận chung quanh, có thể hiểu và đỡ bất ngờ hơn trước những diễn biến của đời sống trước mắt.

Những con người khác nhau trong tôi vừa nghĩ vừa bàn với nhau, tranh cãi với nhau. Và tôi ghi nó ra đây vì tôi biết rằng đó là cách tốt nhất để mời những bạn khác cùng nghĩ tiếp.

Phần lớn các bài phiếm luận tôi viết từ 2004 về trước đã được in ra trong cuốn sách Nhân nào quả ấy (NXB Hội nhà văn, 2004 & NXB Phụ Nữ, 2006)

Tập Những chấn thương tâm lý hiện đại này chủ yếu gồm các bài từ 2005 tới nay.

Khi được đưa vào sách, các bài vốn đã in lẻ trên các tờ báo như Nông thôn ngày nay, Người đại biểu nhân dân, Tuổi trẻ, Thời báo kinh tế Sài Gòn... chỉ sửa chữa chút ít để tránh những sự lặp lại không cần thiết. Trong một số trường hợp tên bài đã được thay đổi. Tôi cũng đã cố gắng tìm cách sắp xếp để các bài nối tiếp nhau trong một mạch chung tạm coi là liên tục.

Khi mở đầu tập Nhân nào quả ấy, tôi đã có lời thưa với bạn đọc thân mến, *“nếu bạn đã có lần cầm tới cuốn sách thì xin bớt chút thời giờ đọc tới trang cuối và hiểu cho cả những điều người viết chưa kịp trình bày trên mặt giấy”*.

Lần này tôi cũng muốn lặp lại lời đề nghị như thế.

PHẦN THỨ NHẤT

1. CÁI VỘI CỦA NGƯỜI MÌNH

Năm 1982, Larry Dossey, một bác sĩ người Mỹ đã đặt ra thuật ngữ “*căn bệnh thời gian*” để mô tả một tín hiệu đang ám ảnh nhiều người. Những người này thường tự nhủ: “Thời gian đang trôi đi, không còn đủ thời gian, và bạn phải nhanh hơn, nhanh hơn nữa mới bắt kịp nó”.

Sau khi dẫn lại một nhận xét tổng quát như thế, Carl Honoré (tác giả cuốn *Ngợi ca sống chậm* - bản dịch của Nhà xuất bản Phụ nữ) tự đặt cho mình một loạt câu hỏi: vì sao chúng ta luôn vội vã như vậy? Đây là nguyên nhân tâm lý? Liệu có thể - và có nên ao ước - sống chậm lại?

Những căn bệnh được tác giả miêu tả đủ loại, ăn nhanh, đi vội, sống gấp, làm việc đến kiệt sức, hưởng thụ ngoài sức tưởng tượng. Bởi ở mọi nơi mọi chỗ, chúng ta khao khát tốc độ, nên đã tự làm hỏng cuộc đời đi, ông bảo vậy “Thời đại của sự vội vã” - tinh thần của khái quát đó trở đi trở lại nhiều lần trong tác phẩm. Từ đó, ông giới thiệu một giải pháp ngược lại, đã tự phát hình thành trong thực tế và ngày càng được tin theo, đó là sẵn sàng sống chậm, cốt tìm tới sự hài hòa. Những biện pháp nêu ra, như bớt thời giờ xem ti vi, để thêm thời gian đọc sách và làm vườn hoặc đan lát... chỉ là gợi ý. Trước tiên người ta phải nhận thức được rằng cố sao cho nhanh thường đồng nghĩa với vội vàng, hời hợt nôn nóng, đặt số lượng lên trên chất lượng. Đó là thứ tư duy đã lỗi thời. Còn chậm nghĩa là thư thái cẩn trọng, suy nghĩ thấu đáo. Nhanh và chậm chỉ là tương đối. Cái chính là mỗi người tìm cho mình một nhịp sống hợp lý.

Từ chuyện bên Tây quay về Việt Nam, thấy chúng ta cũng đang bị cái vội cuốn đi thật. Một nhịp sống gấp gấp lôi cuốn. Gấp gấp đến liều lĩnh. Và vội vàng đến bất cần. Đường sá quay cuồng. Công việc cứ rối tung cả lên mà vẫn chẳng việc gì ra việc gì.

Một người bạn tôi mới đây dẫn ra nhận xét của một người dân Singapore có dịp sống ở vài thành phố lớn của ta:

- Người Việt các anh đã mất hết tính kiên nhẫn rồi hay sao? Nên biết là ngay ở Singapore, việc chờ taxi mất nửa tiếng với chúng tôi cũng là chuyện thường.

Vấn đề bây giờ chỉ còn là giải thích vì sao chúng ta lại sống vội như vậy và xem xem có phải là cái vội bộc lộ một cái gì to lớn hơn, cần phải gạt bỏ.

Tôi sống trong nghề viết văn viết báo liên tục đã bốn chục năm nay và có dịp chứng kiến hai giai đoạn nghề nghiệp. Từ 1986 trở về trước, ở Hà Nội báo lom đom dăm bầy tờ, sinh viết xong không chắc đã có giấy để in. Thế là

không ai bảo ai, viết cái gì cũng độn đà chậm chạp, không thiếu nhà thơ để cả tuân tính một hai chữ trong thơ. Còn nay thì làm ăn như ăn cướp, vừa nghĩ ra cái đầu đề đã ngồi ngay vào bàn, bản thảo chưa hoàn thành (nói như ngày xưa chữ chưa ráo mực) đã giục nhà xuất bản xin phép cho in. Lúc đầu tưởng phải viết cho nhanh mới giải phóng hết được sức sáng tạo. Sau nhìn lại cái đồng viết ra hồ lớn hỗn tạp - bằng chứng là bạn đọc ngày càng xa lánh - mới hiểu rằng mình đã rơi vào vòng tay của sự làm liều làm ẩu lúc nào không biết. Chậm mới hợp với trình độ của mình. Nhanh là ảo tượng giả tạo, bỏ môi bắt bóng.

Khôn khờ, có riêng nghề của bọn tôi đâu, nghề nào bây giờ chẳng vậy!

Xưa nay dân ta ít ai để ý tới chuyện cười cợt của người mình. Tới những thập niên đầu thế kỷ hai mươi, Nguyễn Văn Vĩnh mới đọc ra trong đó cả một triết lý sống. Trong bài Gì cũng cười, viết trên Đông Dương tạp chí, nhà văn này giả định “Trong cái cười của ta nhiều khi có cái vô tình độc ác, có cách láo xược khinh người; có câu chửi người ta; có nghĩa yên trí không phải nghe hết lời người ta mà đã gièm trước ý tưởng người ta, không phải nhìn kỹ việc người ta làm mà đã chê sẵn công cuộc người ta.”

Học theo Nguyễn Văn Vĩnh, tôi cũng muốn nói rằng trong sự nóng vội người đời bây giờ có cái hạn hẹp trong tâm nghĩ, chỉ thấy đời sống trước mắt mà không thấy đời sống thâm nghiêm lâu dài, có cái tự ti, biết rằng mình đã quá lạc hậu với thế giới nên phải lo truy đuổi trong tuyệt vọng; có cái hỗn loạn trong cảm giác về giá trị, từ đó tạo nên ám ảnh lấy thịt đè người, chỉ có nhanh mới hốt được của thiên hạ.

Với một số người, về vội vàng mà họ biểu hiện như vậy là cả một lời tố cáo. Rằng đời sống tinh thần họ tầm thường. Rằng họ không biết mình là ai trong thế giới này. Thậm chí ở một số trường hợp vội vàng đồng nghĩa với gian manh, cố tình tạo ra tình trạng hỗn loạn để đẩy đi thứ hàng kém cỏi mình làm, cái cuộc sống vớ vẩn mình muốn áp đặt cho kẻ khác. Vội trong trường hợp này là để lấp đi cái trống rỗng, mà cũng là cái bế tắc của tình thế.

Hồi còn thời bao cấp, tôi thường hình dung cái vội của dân mình như người có cái xe đạp đã tàng đã cũ, cứ phải rướn cổ cò mà đạp trên con đường quê gồ ghề. Còn ngày nay thường đến với tôi là hình ảnh những người xe máy rồ ga còi bóp inh ỏi đưa xe lên cả vỉa hè, nhưng chẳng để làm gì ngoài việc lấn từ đám tắc đường này sang đám tắc đường khác. Mà cả thành phố thì trì trệ ì ạch, dấu hiệu còn lại của thời buổi kinh tế thị trường chỉ là một sự nhốn nháo.

2. DỤC VỌNG VÀ TAI NẠN

Sau vụ đổ tàu E1 ở Trị Thiên Huế đầu năm 2005, tôi đọc được một bài

viết khá hay trên VietNamNet. Sau khi nói rằng thấp ít nén nhang cho người bị nạn, tác giả bảo muốn dành một nén cho con đường sắt cổ lỗ cũ kỹ. Đó là những con đường được làm thuở dân ta mới có hai mươi triệu. Ngày nay, nó chẳng khác gì những đôi chân suy dinh dưỡng buộc phải cõng trên mình bao nhiêu dục vọng ghê gớm của thời kinh tế thị trường. Tai nạn trước sau sẽ tới trên những con đường như vậy.

Mẫu chuyện này trở lại với đầu óc tôi khi đón nhận những tin tai nạn giao thông đang xảy ra với mật độ ngày một cao. Nhớ nhất là cái lần trong một tuần hai nhà khoa học một của Mỹ, và một của Việt Nam bị tai nạn. Một con số trên báo cho thấy hàng ngày cả nước trung bình có khoảng 40 ca tử vong, con số thuộc loại nghiêm trọng nhất thế giới.

Có hai lý do khiến cho tai nạn vô phương cứu chữa, một có liên quan tới phương tiện và một nữa liên quan tới tâm lý con người.

Sự lạc hậu của đường sá phương tiện bao gồm cả số lượng lẫn chất lượng. Ngay ở các thành phố lớn, đường sá không phát triển kịp theo dân số. Mà toàn đường làm từ lâu cày đi xới lại nhiều lần, đắp điếm tùy tiện, như ở Hà Nội, nhìn kỳ thật chẳng khác là bao so với cái thời cả nước mới có vài cái Pobeda, Moskovits tòng tọc, còn cả thành phố đi xe đạp.

Hàng ngày phải theo đê lên cầu Chương Dương đi làm, tôi rất sợ mấy quãng rẽ, quãng nào đường cũng mấp ma mấp mô; muốn tránh những chỗ mấp mô lượn sóng ỏ gà ỏ voi đó, người ta dễ làm phiền người khác và cũng gây ra tai vạ cho chính mình.

Phương tiện đã vậy, luật pháp lại đơn giản không theo kịp sự phát triển của thực tế. Các loại xe lẫn lộn trên một làn đường. Và sự thực thi luật pháp thì không nghiêm, phóng nhanh vượt ẩu không ai không sẵn sàng, cái lỗi vừa ngồi trên xe vừa gọi điện thoại di động đã có lệnh cấm, mà ngày một phát triển.

Đã hình thành cả một kiểu tâm lý người Việt trong giao thông mà chừng nào còn chưa nhận thức được chúng ta không có cách gì vượt lên trên nó để có được một cuộc sống an toàn trên đường.

Khi được hỏi rằng tại sao đến Việt Nam, một người nước ngoài bảo đến để tìm lại những cái mà trên thế giới nay không đâu còn. Trong số những cái mà trên thế giới không đâu còn này, có cả cái cấu trúc tâm lý, mà tâm lý giao thông là một khía cạnh.

Ngồi lên xe - nói theo chữ nghĩa là tham gia giao thông - nhiều người chỉ biết có mình. Ra đường là tranh giành không gian sống của người khác. Chen chúc luồn lách. Mắm môi mắm lợi mà phóng. Lao về phía trước bằng tất cả sức lực sẵn có.

Thứ tâm lý cổ lỗ chỉ thấy ở con người tham gia những guồng máy giao thông đơn giản ấy, đến nay vẫn ngự trị.

Nhớ lại văn học tiền chiến, tôi thường ngạc nhiên trước sự bình thản trong

nếp sống của con người ngày xưa. Đọc Hai đứa trẻ, Dưới bóng hoàng lan của Thạch Lam, thấy cuộc sống sao mà nề nếp, đúng giờ đó thì có việc đó, mọi người yên tâm chấp nhận cái sự an bài như một định mệnh.

Còn ngày nay nhìn qua trên đường, nét mặt người nào cũng bưng bưng đục vọng. Thèm thường mong mỏi nhiều quá. Nói như các cụ ngày xưa: Chí lớn hơn người. Từng người là thế mà cả xã hội cũng thế.

Trở lại chuyện tàu đồ năm trước. Sau những cảm giận đối với hành vi cho tàu chạy quá tốc độ quy định đã có người tỏ ý thông cảm. Nên nhớ là với những người lái có chuyện phấn đấu để rút giờ chạy tàu xuống thấp hơn. Đường xấu; người đi đường cứ lao vào đường sắt như thiêu thân; các ga điều hành kém gây mất thời gian chờ đợi; trong khi đó thì cả xã hội đòi hỏi giảm giờ chạy tàu và cơ quan chỉ thưởng cho những con tàu về kịp thời gian mới được rút ngắn.

Đây chỉ là một ví dụ về cái sự vênh giữa một bên là khả năng non yếu, với một bên là mong mỏi quá cao (dù là chính đáng, song vẫn là quá cao) của con người thời nay. Nó đang gây tai nạn trên nhiều lĩnh vực khác, thứ đâu có riêng trong giao thông.

3. SỐNG TRÊN ĐƯỜNG

Mỗi buổi sáng thức dậy nỗi lo đầu tiên của nhiều người dân thành phố hiện thời là lo con đường từ nhà đến nơi làm việc liệu có ách tắc gì không. Thuở mọi người còn nghèo, người ta chỉ đạp xe đi làm và mọi vui buồn lúc ấy dồn cả vào chiếc xe đạp cà khỗ. Nay số người có xe máy ngày mỗi đông, mà lạy giờ, xe cũng ít hỏng, tưởng đã đỡ lo. Thì lại nảy sinh cái khổ về đường sá? Đường xấu đường tốt đường bụi đường sạch, đường còn nguyên lành và đường bị đào xới, cái đó cũng phải tính toán một phần, nhưng con người nơi đây gian khổ đã quen, thế nào rồi cũng chịu được. Nhưng từ lúc nào không biết, tự nhiên đường trở nên quá đông đúc, và sự ùn tắc trở nên thường xuyên, cái ấy mới rầy rà. ùn tắc nghĩa là gì? Là xe máy mà tốc độ chỉ bằng xe đạp, hoặc đi bộ. Là mất thì giờ chờ đợi. Là đến sở muộn. Là lỗi hẹn. Là hỏng việc... Nhưng ở đây tôi muốn nói thêm một khía cạnh tâm lý: Trong việc đi lại hiện thời, con người như bị kéo sống gần nhau hơn. Bao nhiêu cái xấu vốn có được bày ra và buộc nhau phải chịu đựng. Và một cách tự nhiên cứ phải nghĩ ngợi về văn hóa chung sống của cả xã hội.

Tạm kể ra đây một ít nặng nề về mặt tâm lý, mà trong cảnh giao thông căng thẳng chen vai thích cánh trên đường, hàng ngày mỗi chúng ta phải chịu:

- Ở nhiều nước trên thế giới hiện nay, còi xe đã là một phương tiện bị cấm, và chỉ được phép dùng trong những hoàn cảnh đặc biệt. Nhưng ở ta thì

còi xe vẫn tha hồ lưu hành, và nhiều lúc không gì thay thế nổi. Có điều đáng lẽ chỉ xem việc dùng còi là bất đắc dĩ, thì một số người lại thích thú nhấn còi cho thật inh ỏi. Hình như những người này coi đây là phương tiện hành hạ người khác, anh mà không nhường đường để cho tôi đi trước thì còn là khổ vì tiếng còi của tôi. Ngoài ra còn có tiếng còi vênh vang, tiếng còi khoe của, tiếng còi chơi trội... đủ kiểu!

Đường đã đông, song nhiều người cứ cố luôn lách vượt lên, ra cái điều mình khôn ranh sáng ý, thạo đời hơn người. Tự bản thân nó, việc đi vào những con đường ngược chiều và vượt đèn đỏ ở các ngã tư đã là phạm luật và gây nguy hiểm cho người tham gia giao thông. Song với người nghiêm chỉnh chấp hành luật lệ, nó cứ như một sự trêu ngươi: Các anh hiền lành thực thà thì các anh khổ, xem này, tôi có sao đâu (!).

- Có một khái niệm hơi cũ là sự làm phiền. Đứng về mặt luật pháp thì cho ai cấm tôi chớ bó củi hay bao tải hàng sau xe, nhưng trên đường đi, như vậy là tôi đã choán chỗ công cộng và gây khó chịu cho chung quanh. Vậy mong các anh thứ lỗi. Đại khái, cảm giác thấy mình làm phiền bắt đầu từ một nhận thức như vậy. Thế nhưng loại người biết lo nghĩ cho chung quanh đang “hơi bị hiếm”. Đường là của chung và ai giỏi chiếm dụng, kẻ đó được lợi lộc nhiều, họ nghĩ thế. Còn như khách quan mà xét cái sự khuếch trương của họ giống như một sự ăn cướp không gian của người khác, họ không cần biết. Nhiều khi sự trâng tráo ở đây đã vượt qua mọi giới hạn.

Một trong những đặc điểm của cuộc sống đô thị, là khả năng làm cho con người trở nên vô danh. Chẳng hạn khi đi ra đường, ấy là lúc không ai biết ai làm nghề gì, nhà ở đâu học vấn ra sao, đang có cương vị như thế nào. Ta chỉ còn là một người đi đường bình thường như mọi người. Sự vô danh lúc này mang lại cho mỗi cá nhân một ít tự do, anh ta không phải đóng cái vai mà anh ta vẫn đóng và do đó có thể dễ dàng đi thẳng tới cái đích của mình. Thế nhưng ở ta nhiều người không nghĩ như thế. Sự vô danh được khai thác vào những mục đích khác. Hoặc có khi ăn mặc lôi thôi lếch thếch ra cái điều bất cần đời. Hoặc diện xe máy hằn hoi, song thân nhiên đóng xe sóng đôi mà tâm sự... Trai gái đèo nhau vượt ve nhau như ở chỗ không người. Qua cầu buồn tình dùng xe đái bậy... Tự do được xem đồng nghĩa với vô lối, bất cần, không để ý đến bất cứ ai khác.

Ở trên, chúng ta vừa nói cái đáng sợ nhất đối với người đi đường hiện nay là lối phóng xe ào ào lao tới, gây kinh hoàng sợ hãi. Nhưng đến khi gặp phải cái cảnh mấy cô gái ăn mặc thật diện, lưng thưng sang đường, sẵn sàng dừng lại nhón nhờ kéo áo, vuốt tóc ngay giữa dòng xe cộ tấp nập, thì người ta cũng chỉ còn có cảm tưởng về một sự cảm cảnh vô duyên. Một khi những cái rề rà chậm chạp vẫn còn tìm được chỗ đứng của mình, trong không khí sôi động nói chung, tức là mọi sự chuyển pha còn dang dở, và cái nếp sống gọi là hiện đại mới chỉ là bề ngoài, ở trong còn bao điều trơ lì, tĩnh tại.

Từ điển biểu tượng văn hóa thế giới (bản dịch của NXB Đà Nẵng, 1997) là một cuốn sách mang tính cách tổng hợp, ở đó, những người biên soạn tìm cách đọc ra trong mọi hình thức của đời sống cái nội dung mà nhiều thế hệ đã gửi gắm vào nó. Theo từ điển này thì chính nhà tâm lý học C. Jung cho rằng “cần coi các xe cộ, trong ý nghĩa tượng trưng của chúng, như những hình tượng của cái tôi. Chúng phản ánh các mặt khác nhau của cuộc sống nội tâm, có quan hệ với các vấn đề phát triển của nhân cách.”

Vậy thì đâu là những cái tôi mà người ta có thể đọc ra, khi nhìn vào dòng xe cộ tấp nập trên đường hôm nay? Dĩ nhiên nay là lúc có thể nhận ra rất nhiều cái tôi năng nổ, cái tôi bứt phá trên đường nhằm đạt tới mục đích xa rộng. Qua rồi cái thời già trẻ bảo nhau nhẫn nại chịu khổ, thủng thẳng đạp xe đến đâu hay đến đấy. Mà mỗi phút bây giờ đều được quy ra tiền của, mỗi người trên xe là một cá nhân khao khát tự khẳng định! Song cũng phải nói, chưa bao giờ như bây giờ, những cái mầm tai họa nho nhỏ vùi sâu trong mỗi cá nhân lại công khai bộc lộ trên đường như vậy. Một mặt chưa phải là hết cái tôi bản năng tự phát, đã ngồi trên xe có động cơ phi trên đại lộ rồi mà vẫn mang nặng tâm lý anh chàng đi xe đạp nghênh ngang ở giữa đường làng. Mặt khác, điều đáng lo ngại hơn, là rất nhiều cái tôi hiếu thắng, vênh váo vì có được cái xe lạ, hoặc hi hỏ ra mặt khi vượt trước kẻ đồng hành. Thường thì những cái tôi hiếu thắng này đồng thời cũng là cái tôi thiên cận: Người ta sát khí đằng đằng lao tới trước vì tưởng rằng có thể mưu cầu hạnh phúc riêng cho mình, có biết đâu mỗi cá nhân vẫn chỉ là một phần tử nhỏ bé của cái dòng chảy chung là cả xã hội, thoát làm sao được!

Số phận con người thời nay là phải dành nhiều thời gian sống trên đường. Song có cái lạ là ở những nước biết tổ chức giao thông hợp lý và đưa nó lên trình độ hiện đại, thường sau khi đi một quãng đường dài, xem đồng hồ, người ta mới ngạc nhiên là mình đã ngồi trên xe đến hàng giờ và vượt qua cả trăm cây số. Ngược lại ở ta nếu tính tới những bực bội mà bản thân phải chịu trên đường từ nhà đến sở, đôi lúc ta tưởng đã đi được rất xa trong một thời gian rất lâu. Song tính kỹ hóa ra dù đi độ 5-6 tim trong 10-15 phút gì đấy! Hệ thống đường sá kém cỏi cố nhiên là yếu tố đầu tiên khiến mỗi chúng ta có cái cuộc sống trên đường kỳ cục như hiện nay. Song đây là chuyện vượt lên trên tầm lo liệu của mỗi người. Rút lại, câu chuyện tôi muốn nói ở đây chỉ là mong sao mỗi chúng ta khi ngồi trên xe có thêm ý thức về hoạt động của mình, nghĩ thêm hoạt động của mình, nghĩ thêm về mọi mặt phiền toái ta gây cho người khác để rồi biết điều một chút, nhường nhịn một chút trong đi lại – chỉ một chút thôi, thì cuộc sống trên đường của những người đồng hành với mình cũng đỡ nặng nề đi rất nhiều. Và đó chính là văn hóa.

4. HỖN LOẠN TRONG GIAO THÔNG. HỖN LOẠN

TRONG TÂM LÝ

- Liệu có thể nói rằng hàng ngày phóng xe đi lại trên đường Hà Nội anh chưa một lần vượt đèn đỏ trái phép? Anh đừng chối, đúng là không chứ gì? Mượn cái chữ của các cơ quan quản lý, vậy là có những lúc anh đã thiếu ý thức. Có bao giờ anh thử giải thích với chính mình tại sao cái gọi là ý thức giao thông khó bồi dưỡng đến vậy?

Một anh bạn đã đập vào mặt tôi mà tương ra những câu hỏi hắc búa trên, đúng vào những ngày giao thông đang trở thành câu chuyện đầu miệng giữa mọi người.

Bởi anh đã cài trước rằng đừng có chối, nên tôi cũng phải thành thực mà nhận. Nhận rằng có đôi lúc không tự chủ được. Nhìn trước nhìn sau không có công an đứng đón là tranh thủ làm một cú ào qua đường. Chẳng qua không phải là làm thường xuyên thôi. Và phải nói ngay là nhiều lần khác, cái định ào qua đường ấy đã đến, rồi thấy có lẽ cũng hơi nguy hiểm, nên bấm bụng chờ đợi.

Tôi nghĩ rằng trước hết ở đây, nói cho to tát ra, có cái tạm gọi là “căn bệnh thời đại”: bệnh sốt ruột. Hình như nay là lúc ai cũng vội. Hàng ngày mở mắt ra đã thấy bao nhiêu việc chờ mình. Ý nghĩ chúng ta đi quá nhanh. Mà tốc độ đi lại thì quá chậm. Đó là một lẽ. Nhưng không chỉ có vậy.

Hồi còn sống, nhà văn Phan Tứ (tức Lê Khâm) nổi tiếng máy móc, đi đâu ông cũng túi dết khẩu trang đảng hoàng. Nhà thơ Xuân Quỳnh dự đoán “Ông này 12 giờ đêm qua ngã tư vẫn giơ tay xin đường...”. Theo tôi cái thói quen ấy của Phan Tứ có liên quan đến cuộc sống nề nếp mà bây giờ không sao khôi phục nổi. Những năm bảy mươi của thế kỷ trước, giao thông Hà Nội còn khá quy củ.

Chắc Phan Tứ cũng có lúc khổ vì thói quen của mình, muốn sửa mà không sửa được.

Còn chúng tôi bây giờ thì khác. Cái đời sống nhộn nhạo chung quanh lúc nào cũng thâm thì vào tai tôi “Luật lệ là một chuyện, nhưng kìa, nhìn xem trên đường phố và ở bao nhiêu những góc tối của cái thành phố này, bao nhiêu người đang phạm luật. Mình chỉ là một thành viên bé nhỏ của cái guồng máy khổng lồ. Giữ gìn chỉ thiết!”

Ở trên tôi vừa nói là có những lúc tôi đã định ào qua đèn đỏ, rồi kịp kiềm chế, và lâu dần thành một thói quen sống bình tĩnh, từ tốn, sống biết chờ đợi.

Nhưng có những lúc lạ lắm. Rõ ràng đã tự nhủ rằng: “không đi đâu mà vội” rồi, mà vẫn cứ đâm đầu phạm lỗi. Nghĩ lại thì hóa ra lúc ấy có mấy người khác cũng làm cái chuyện bậy bạ đó và mình bị cái tâm lý bầy đàn chi phối.

Phương Tây từng có câu chuyện ngụ ngôn kể về một anh nọ hại một nhà

buôn cừ bằng một cách lừa đơn giản. Trên chuyến tàu vượt bể, anh ta gạ mua của nhà buôn chỉ một con với giá rất đắt. Để làm gì? Để quẳng nó xuống biển. Kết quả đau lòng, cả đàn cừ của gã nhà buôn cùng nhảy xuống theo.

Tôi biết rằng người ta sẽ cãi lại: “Ý thức của anh đâu?”.

Ai có cười thì tôi cũng xin chịu, nhưng phải nhận trong con người tôi lúc ấy có một con cừ nó thức dậy.

Người ta thích bắt chước nhau lắm. Bắt chước cái tốt thì khó chứ chạy theo cái xấu thì dễ ợt, có ai cần phải cố gắng.

Hồi Hà Nội còn xe đạp nhiều hơn xe máy, đến Thư viện Quốc gia, giới bạn đọc bọn tôi (kể cả những người già như tôi, chứ không phải chỉ các cô các cậu sinh viên) có thói quen phóng cả xe qua cái cửa hẹp. Mới đầu mấy sinh viên nước ngoài nhìn thấy thế lắc đầu, bảo người Việt các anh lạ thật đấy, vội vội vàng vàng, trăm người như một. Vài năm sau, chính họ cũng làm thế, cũng phóng xe qua cửa rồi mới xuống xe, một cách “tự nhiên như người Hà Nội”. Nói như dân gian, do ở đây lâu, họ đã ăn phải đũa người Việt lúc nào không biết.

Kết luận cuối cùng của tôi: trong điều kiện giao thông vừa manh mún vừa quá tải, nói chung là trong điều kiện đời sống còn rất lạc hậu như hiện nay, những rủi ro là khó tránh khỏi. Nhắc nhở nhau về ý thức là cần nhưng cũng nên biết ở đây không phải chỉ có ý thức mà còn phải tính tới sự có mặt một mớ bong bóng rắc rối gọi chung là tâm lý cá nhân nữa. Trong tâm lý của mỗi người đều in dấu của xã hội. Rồi ra xã hội có tiến lên thì tâm lý con người mới khá lên theo được.

5. HÀNG GIẢ VẪN ĐANG ĐƯỢC ƯA THÍCH

Ngay giữa phố phường Hà Nội, nếu để ý thỉnh thoảng người ta vẫn bắt gặp những ngôi đền nhỏ. Từ 1986 về trước, loại đền này thường coi như bị bỏ quên và thoi thóp sống trong cái vỏ mốc meo. Gần đây, nhiều đền miếu loại đó được sang sửa. Tường quét vôi vàng. Hàng chữ trên cổng được tô lại cẩn thận. Bạn có biết người ta viết gì không: Toàn những tối linh từ (Ngôi đền linh thiêng hạng nhất) với lại thượng đẳng từ (ngôi đền loại cao cấp).

Lại nhớ có lần xem ti vi thấy nhà đài đưa máy đến quay một ngôi đền lâu ngày đã hoang vắng và chỉ vừa mới được tu sửa lại. Máy quay cảnh phóng viên trò chuyện với người dân địa phương. Hỏi đến xây tự bao giờ? Không ai biết. Hỏi đền thờ ai? Cũng không biết nốt. Chỉ có điều hai vị lão nông xuýt xoa, với giọng có vẻ bí hiểm:

- Nhưng mà đền chỗ chúng tôi linh thiêng lắm, từ bao đời nay các cụ chúng tôi vẫn truyền tụng lại như vậy.

Tôi cứ nhớ mãi chuyện này vì nó đang là một cách nghĩ phổ biến: Nhiều người bị cái danh vị nó ám. Tức là trước một sự việc ta thường chỉ thạo cái khoản ý nghĩa. Còn như chính cái việc ấy ra sao thì ta không biết và giá biết rằng nó hoàn toàn không tương xứng với cái danh kia thì cũng lập tức đánh cho hai chữ đại xá.

Đọc lại tạp chí Tri tân, in ra khoảng 1940-1945, có lần tôi bắt gặp một bài viết, cũng liên quan đến thói ưa tiếng hão của dân mình. Thay cho chữ hiếu danh, nhà nghiên cứu Hoa Bằng gọi đó là cái óc hiếu thượng. Ông viết “Cái hiếu thượng của số đông người mình đã lộ rõ ở từ ngôn ngữ đến cử chỉ, từ hành vi trong gia đình đến động tác ngoài xã hội. Người ta chơi câu đối? Phần đông không phải vì thích chữ tốt yêu văn hay, nhưng vì muốn sĩ diện ở mấy cái lạc khoản có chức tước. Người ta in danh thiếp? Không phải vì cốt thông tính danh, tỏ địa chỉ, song hình như chỉ cốt trưng những chức sắc, tước trật, và phẩm hàm. Người ta đăng cáo phó? Có lẽ ít vì cốt để báo tang, nhưng phần nhiều cốt để lợi dụng cái chết của ông bà cha mẹ mà quảng cáo cái danh phận của con cháu...”

Thế mới biết cái tiếng hão nó tác oai tác quái ở mọi nơi mọi chỗ.

Trong sinh hoạt hàng ngày thì thói ưa tiếng hão có vẻ là một căn bệnh dễ tha thứ. Người ưa tiếng hão vốn hiểu anh chẳng ra sao, nên phải bịa ra một tí danh tiếng cho cuộc sống đỡ tủi.

Điều đáng buồn là đã có những lúc nó ăn vào trong tâm lý của những con người chịu trách nhiệm cả những việc phải gọi là đại sự.

Dư luận gần đây bàn tán nhiều về cái đề án đào tạo 20.000 tiến sĩ của ngành giáo dục. Đề án được tung ra trong hoàn cảnh cả xã hội đang phát sốt về tình trạng lạm phát tiến sĩ rầm thời gian qua. Người ta tìm thấy ở đó một

kết luận khái quát rằng chắc chắn năng lực của ngành không thể đáp ứng được nhu cầu của hội nhập và phát triển trong thời gian tới.

Tại sao đã biết không thể làm rồi mà vẫn tính chuyện chạy theo mục đích quá cao như vậy? Thật dễ thông cảm với tâm lý người trong cuộc. Phải trình ra cho mọi người thấy mình có đủ năng lực hoàn thành nhiệm vụ. Phải chứng tỏ là tình hình ngày mỗi sáng sủa hơn. Rồi lại còn nhu cầu đối ngoại nữa chứ. Thời buổi hội nhập này lúc nào chẳng phải đón đủ các loại khách quốc tế. Phải làm thế để cho thiên hạ thấy mình cũng đang rất hãnh. Anh có tiến sĩ ư, tôi cũng tiến sĩ, kém cạnh gì đâu? Ở chỗ riêng tư nhiều người hẳn biết cái tiếng hão này cũng hấp dẫn lắm và do đó khó cưỡng lắm!

Có điều hãy thử cùng nhau nghĩ lại: Thế tức là nhân danh những mục đích tốt đẹp, chúng ta bằng lòng với việc làm hàng giả, và mở đường cho những sự giả mạo khác tiếp tục phát triển.

Đền đây thì cái sự ham tiếng hão không vô can và đáng thông cảm nữa!

6. TỪ THAM LAM, NÔNG NÔ, ĐẾN CÀN RỖ BÁT LƯƠNG

Cuối tháng 5 đầu tháng 6.2007 có tin: ngành sản xuất chè ở Mộc Châu bị một cái “nạn” bất ngờ là nạn chè vàng. Nhiều người từ đâu đến rủ rê dân bán chè, bán cả chè chưa thành chè, cả cành cả ngọn. Họ thu gom không chỉ là chè khô mà cả búp chè tươi, chè héo và dụng cụ chế biến thô của Việt Nam mang về chế biến. Chè cũng chẳng cần phân loại phẩm cấp (búp thường dài 10-12cm, 5-7 lá, thu hái bằng dụng cụ dao/ liềm, phơi nắng ngoài đường). Thế nào cũng được! Mục đích của họ là cốt làm cho dân địa phương ham lợi tự tàn phá vườn chè mình, được ít tiền chạy lăng nhăng, sau đó rơi vào cảnh thất nghiệp. Một bài viết trên báo đặt cái tit vui vui Vàng mặt vì chè vàng (có người bảo tôi chữ vàng ở đây không phải quý báu mà là tệ hại, giống như nhạc vàng - không biết có phải?).

Từ các tỉnh phía Bắc, cơn “lốc” thu mua chè vàng còn ào ạt vào tận vùng chè Lâm Đồng. Nhiều thương nhân xuống tận các cơ sở thu gom chè xanh, phơi nắng lẫn cả đất, đá, tro, bụi rồi đem bán. Ôn ào một hồi mọi người mới sững người ra. Bị khai thác cạn kiệt rồi chè sẽ hỏng. Ai cũng hình dung ra mà chả ai dừng được. Vụ chè vàng vừa qua đi thì đến trung tuần tháng 8 năm ấy lại chuyện một số cây sưa ở Hà Nội bị chặt phá. Gỗ sưa theo các nhà chuyên môn là loại gỗ quý, trên thị trường giá tới 1,5 triệu một kg, một cây chặt ra mang bán hàng tỉ. Mà cây lại đang nằm vô tư ở các công viên cây xanh. Thế là các ông quản lý công viên văn hóa Đống Đa Hà Nội gặt đầu cho đám dân buôn thuê người vào xẻ thịt một cây có đường kính tới 45cm. Một đêm là xong. Một bài báo nêu rõ trong việc này chính thủ trưởng Ban

quản lý công viên chỉ đạo từ A đến Z!

Tin các báo đưa ngày 25.8.2007: ngôi mộ Nguyễn Tri Phương ở ngoại ô thành phố Huế bị đào bới. Đây là ngôi mộ một danh tướng thời Nguyễn. Mộ có tới 134 năm tuổi.

Mấy sự việc này có chỗ giống nhau. Việc chặt hại những cây sưa cho thấy thói quen sống của nhiều người đương thời tối mắt vì những cái lợi trước mắt, bất chấp lương tri bình thường, bất chấp pháp luật. Việc đào mộ lại còn đi xa hơn nữa. Ở đây người ta không còn coi cái gì là thiêng liêng. Tôi nhớ thuở nhỏ nghe ở phố xá dân buôn chông lôn của nhau:

- Rắc cho nó mấy đồng thì bảo đào mà tổ tiên nhà nó lên, nó cũng đào!

Nghe có vẻ như một lời thậm xưng, một thứ ngoa ngoắt, nói cho sướng mồm, chứ làm sao có loại người đốn mạt vậy. Hóa ra điều tưởng tượng của người xưa đến hôm nay đã thành sự thực.

So với hai việc trên, cái sự dân rủ nhau phá cả vườn chè mang bán có cái gì nhẹ nhàng hơn, dễ thông cảm hơn nhưng không phải không đáng buồn. Ở đây có cái nông nổi ham lợi trước mắt, không nghĩ tới việc làm ăn lâu dài; có cái thói bất cần đời, cốt có mấy đồng tiêu cho sướng cái đã, mai đói lại lo sau; có cái sự ỷ lại đã thành thói quen, một khi mình khổ quá, thì xã hội với nhà nước cũng chẳng bỏ được mình; có cái mơ hồ về tương lai, chắc khá lắm thì đời mình cũng chỉ là xây được cái nhà mua được cái xe là cùng, cái số đã vậy, “chạy trời không khỏi nắng”, chẳng bao giờ sướng được hơn, vậy việc gì phải bó mồm bó miệng, tung hê cho nó đã.

Nghe nói nguồn gốc của hai vụ chè vàng và chặt gỗ sưa có chỗ giống nhau. Là do có nhu cầu người ngoài người ta muốn nhập, nên họ đặt hàng và dân mình cứ thế mà làm theo, không phân vân gì.

Ngôi mà oán người ta độc ác xúi mình làm điều đại đột ư? Không, “tiên trách kỷ hậu trách nhân”. Tại ta trước hết. Thế còn thử giải thích nguyên nhân tại sao ư? Bộ máy quản lý kém cỏi, trông nom không xuể? Sự giáo dục sáo mòn vô bổ? Đối diện với tình trạng tham nhũng tràn lan, người dân và những cán bộ cấp thấp trở nên bất cần tha hồ làm liều? Nói thế nào cũng có lý.

Từ chiến tranh bước ra, say sưa trong việc kiếm sống, con người Việt Nam hôm nay là những con người hành động. Nhiều người cảm thấy mình có quyền làm bất cứ việc gì, miễn tồn tại. Chỉ có những việc người ta chưa làm được, chứ không có những việc không được làm.

Nhưng với nhân loại hiện đại, mọi việc không đơn giản vậy. Bên phương Tây, từ lâu, các nhà triết học bảo rằng chỉ khi cảm thấy Chúa đã chết rơi vào hư vô thì con người mới tự ban cho mình cái quyền tự do tuyệt đối kiểu ấy. Và người ta tìm cách ngăn chặn, để kéo con người trở lại với tinh thần nhân văn vốn có.

Gần gũi hơn là quan niệm xử thế của phương Đông. Trong một cuốn sách

ghi lại những câu châm ngôn nổi tiếng của các nhà nho (Nho gia châm ngôn lục), tôi mới nhận được một câu đại ý muốn đánh giá một người không đủ căn cứ vào việc xem lúc giàu có, người đó thường bỏ thí cho những người khác thế nào; mà còn phải xem xem “lúc cùng khốn người đó thường từ chối không làm những việc gì”. Vậy là cũng xuất phát từ yêu cầu cao với con người để đặt vấn đề giữ hành động trong chừng mực.

Chuyện tưởng như đâu đâu, nhưng nghe ra áp dụng ngay cho dân mình... cũng được.

Nên chú ý thêm cái sự nông nổi như vụ chè vàng lại diễn ra thành cả phong trào của nhiều làng xã.

Chúng ta quen nghĩ quần chúng thì không thể sai lầm, tập thể thì bao giờ cũng sáng suốt, hóa ra không hẳn vậy.

Trước mắt tôi là cuốn sách Tâm lý đám đông của nhà tâm lý học người Pháp Gustave le Bon (1841-1931), mới được Nhà xuất bản Tri Thức cho dịch năm 2006. Đại ý tác giả viết rằng trong đám đông, con người hành động theo chiều bất định của các môi kích thích. Cá nhân có thể dùng lý trí để khống chế được những gì ngẫu nhiên bột phát trong mình, đám đông thì không. Trong quần chúng thấy hàm chứa những phẩm chất trái ngược nhau, một đám đông ô hợp có thể rất hào hiệp nhưng cũng rất tàn ác, có thể sáng suốt đầy mà cũng khiếm hèn đại dốt ngay đấy. Vụ chè vàng nói ở đây chẳng phải là một dẫn chứng rất đắt cho những nhận định đó?

7. TIẾNG ÒN ĐÁNG SỢ

Từ vài chục năm nay, vào những dịp tết nhất hoặc có lễ lạt, chung quanh Bờ Hồ thường vẫn thấy dựng lên nhiều quán nhỏ để bán các loại hàng. So với hồi bao cấp, những quán này được dựng tạo công phu hơn, nhưng nhìn kỹ vẫn quá cỡ lỗ. Điều thấy rõ nhất: không gian quanh hồ tối sầm đi, như một bãi cỏ đầu làng nào đó. Hàng loạt loa truyền thanh được mắc nối tiếp, có khi đứng một chỗ nghe loa nọ lẫn với loa kia.

Chính báo chí gần đây viết về du lịch cũng bật mí: các tour du lịch có nghề thường khuyên khách nước ngoài không đi vào những ngày hội. Vì đó là thời gian lộn xộn không xem được gì. Sự dự đoán của họ không thừa. Sự ồn ào đã là đặc tính của một đời sống thật ra không mấy năng động.

Trên báo Phong Hóa số ra 14.9.1934, nhà văn Thạch Lam kể lại cuộc diễn thuyết của cô Nguyễn Thị Kiêm về Thơ mới ở Hội Khai Trí Tiến Đức với một nhận xét tổng quát “người ta đến như một cuộc vui chơi”, “không ai nghe rõ được cái gì”. Thậm chí, cô Kiêm (diễn giả) muốn nghe lời mình nói cũng không được. Vì “đám đông quá ồn, bắt nguồn từ một óc xếp đặt quá thiếu thốn”. Và Thạch Lam, người nổi tiếng có một tình yêu sâu xa với sự

yên lặng, nhận xét khái quát: “Mà nói cho đúng nữa, người mình không bao giờ có biết cách xếp đặt một buổi hội họp cho được hoàn toàn. Hễ đâu đông người là hỗn độn ồn ào râm cả lên.”

Lại nhớ hồi có Hội nghị thượng đỉnh các nước nói tiếng Pháp, Tổng thống Pháp trong lời trò chuyện với nhân dân thủ đô không quên ngỏ lời xin lỗi là họp như thế này là khiến cho một thành phố nổi tiếng yên tĩnh như Hà Nội bị ồn mất ít ngày.

Chung quanh sự yên lặng, người ta là khách mà trân trọng quá, còn mình là chủ lại không thấy quý.

Chả lẽ cứ hội hè, thì nhất thiết phải ồn ã, như đã xây dựng thì nhất thiết phải bụi bặm, độ ô nhiễm lên tới năm mươi lần mức được phép?

Bằng một cách khá kiên nhẫn, nhiều tờ báo ở ta đã đăng những bài than phiền về các loa phường. Có những tiết học đúng vào giờ loa hoạt động, thầy trò chỉ còn có cách gấp sách bắt lặc nhìn nhau. Có những người nước ngoài đến thuê nhà, vừa thuê xong thì bỏ chạy, vì nhà ngay dưới chân loa hàng ngày loa chõ ngay vào phòng. Tiếng loa áp chế ngay trên đầu người ta. Tiếng loa dai dẳng không dứt. Mà thường toàn là những giọng đọc vô cảm.

Nhưng theo chỗ tôi biết thì cả thành phố Hà Nội, cái chuyện khá chướng ấy chưa phường nào bỏ. Lý do nhiều lắm và đây là một hiện tượng dịp khác ta sẽ bàn. Nhưng có lần tôi nảy ra cái ý định vui vui là thử cãi hộ cho các ông phường ra sao. Và lời cãi của tôi như thế này: “Các vị thử nghĩ xem chung quanh có yên ả lặng lẽ gì cho cam? Không có loa phường thì mọi cuộc đi lại rượu chè mua bán xoay sở kiếm chác... cũng đã ồn ã quá rồi. Tiếng loa chỉ hoàn chỉnh thêm cái đời sống nhộn nhạo sẵn có”.

Trong sách Quốc văn giáo khoa thư học hồi còn nhỏ, tôi vẫn nhập tâm một lời khuyên, khi qua đường gặp đám ma, phải ngả mũ chào. Mỗi người nằm xuống là một dịp để ta cùng nghĩ thêm về sự hư vô của cuộc đời. Vậy mà gần đây, đang đi ngoài đường thấy chỗ nào có đám là tôi lảng ngay ra phố khác. Tôi sợ gặp đám ma bởi ở đó quá ồn. Người ta lo khóc sao cho cả phố cùng nghe được mới thôi. Sự thương xót, khi được phóng to lên trong những chiếc loa hiện đại, mang tính cách một cuộc trình diễn ép buộc và đi sát tới giả dối. Tôi không có chỗ để làm cái hành động tử tế mà tôi vốn muốn làm. Tại sự ồn ào tất cả. Có trời phật chứng giám cho lòng tôi vậy!

8. THÔ BẠO NƠI NƠI

Các nhân vật của Thạch Lam (1910-1942) có một nét chung là có cách ứng xử rất tinh tế. Truyện ngắn Tối ba mươi kể về đêm tất niên của mấy cô điếm. Sống trong cái nghề mà thiên hạ cho là rạc dài ấy, hai cô gái trẻ vẫn giữ cho mình lòng tự trọng và một cốt cách riêng. Đón giao thừa nơi nhà

săm, Huệ và Liên không quên lo tổ chức lấy một bàn cúng gia tiên đơn giản. Gần tới giao thừa thì người bồi sắm lên từ biệt. Tác giả chỉ viết là sau câu chúc tết “người bồi ấp úng không nói gì thêm. Liên vội đỡ lời, cảm ơn rồi đóng cửa buồng lại”. Cái chữ đáng lưu ý ở đây là chữ vội. Tưởng là thô lỗ, cục cằn, song ngược lại. Trong cái sự vội ấy nhân vật Liên bộc lộ một cách ứng xử nhạy cảm và lịch lãm. Nàng không muốn làm phiền người khác, càng không muốn người đối thoại với mình trở nên lúng túng bẽ bàng.

Từ Gió đầu mùa, Nắng trong vườn, Nhà mẹ Lê, Cô hàng xóm... tóm lại là từ tất cả những gì Thạch Lam đã viết ra, tôi muốn đi tới một khái quát: ông là nhà văn của những giá trị tốt đẹp một thời. Ông kịp ghi lại vẻ đẹp đó ở cái dạng chín tới của nó. Bởi ông cảm thấy nó đang phôi pha đi theo thời gian. Ông tiên cảm rồi ra sẽ có một sự tàn phai và bằng tác phẩm của mình, ghi lại cho chúng ta biết những gì ta sẽ đánh mất.

Nói vậy bởi vì, dù đã cố nghĩ khác đi, tôi vẫn bị ám ảnh bởi cái ý tưởng rằng con người hôm nay sao mà xa lạ với những gì cố hữu trong tâm lý người xưa. Tức là chúng ta đang sống rất lạ. So với các thế hệ trước có nhiều thứ mới. Giàu hơn. Sang hơn. Lắm tiện nghi hiện đại hơn. Có hiểu biết hơn, và xét ở bằng cấp thì anh như có trình độ hơn... Ấy thế nhưng không phải vì thế mà con người trở nên cao quý hơn. Ngược lại, một sự tầm thường đang chi phối. Tầm thường với nghĩa “quý hồ đa bất quý hồ tinh”, tạp nham, hỗn độn, trong đó thấy rõ nhất là thô thiển, dung tục, thiếu tinh tế.

Những ứng xử thô bạo trong đời sống đang là một loại tin đang được đưa ngày một dày đặc trên mặt báo. Một em bé giúp việc bị hành hạ. Một bà mẹ nuôi dạy con bằng búa. Một ông chồng dạy vợ bằng cách nhốt vợ vào chuồng chó. Chồng tâm xằng đốt vợ... Kể cũng đã đáng báo động thật.

Tuy nhiên, theo tôi hiểu, đây mới chỉ là phần nổi cộm của tình hình, hoặc như người ta hay nói, phần nổi lên của tảng băng trôi. Chứ trong thực tế nó - cái sự thô bạo ấy - còn muôn vàn biểu hiện khác.

Cái thô bạo đang bành trướng sinh sôi nảy nở lan tràn và trở nên một bộ phận của cuộc sống. Hãy kể một việc như trong đi lại. Tôi nhớ một người nước ngoài đến Việt Nam đã nhận xét cách đi xe máy của dân mình, nhất là dân Hà Nội, mang nhiều tính cách bạo lực, nghĩa là luôn luôn trong tư thế muốn chèn ép nhau, đối đầu với nhau, ai liều lĩnh chịu chơi hơn thì thắng.

Nhớ những lần đi trên đường phố Quán Lâu hoặc Hàng Châu bên Trung Quốc. Xe máy của họ đã ít, song phần lớn đã chuyển từ chạy xăng sang chạy điện, xe đến gần mà tiếng vẫn êm như ru. Chợt nhớ cách gầm rú của xe nước mình, thấy cả một cách biệt về tâm lý.

Hoặc như trong việc sử dụng ngôn ngữ. Nay là lúc chúng ta thường nói với nhau rất to. Hầu như loại người ít lời đã tiệt chủng, thay vào đây là những mẫu người sẵn sàng lao vào cuộc tranh cãi không phải bằng lý trí đúng đắn mà bằng sự cuồng bạo của lời lẽ và thái độ.

Có phải sự ồn ào to tiếng chỉ có ở ngoài đường đâu, nó lan vào trong những căn nhà đầy tiện nghi của chúng ta hiện nay. Loa nhà nào cũng mở oang oang át đi những câu chuyện của khách với chủ. Con cái nói với bố mẹ mà như cãi nhau. Không còn những bà mẹ kiên trì bảo ban cho trẻ, chỉ còn những bà mẹ hoặc là nạt nộ hoặc là nịnh con, nịnh để tổng khứ chúng đi, còn mình lo việc khác.

Xét từ tâm lý sâu xa, sự tinh tế hay thô bạo liên quan đến triết lý sống, sự nghiêm chỉnh bình tĩnh làm người và một lòng tự tin cần thiết. Từ tồn tinh tế nghĩa là làm chủ bản thân, biết mình biết người và đã tự rèn cho mình thói quen tôn trọng người khác. Một cái gì mà người xưa vốn gọi là cận nhân tình và đằng sau đó là một lý tưởng sống cao quý. Những cái đó nay ở người già thì mất đi và lớp trẻ thì ít bạn có ý niệm đầy đủ. Lây có là phải thích ứng với nhịp điệu sôi nổi mài miết của đời sống hiện đại, nhiều người biến thành thô bạo cục cằn trắng trợn lúc nào mà không hay biết. Ta thường sống ồn sống liều sống gấp hơn là thực chất vốn cần như thế.

Thô bạo đã tạo nên một thứ khí hậu trong môi quan hệ bình thường. Sống với nó lâu ngày quen đi, ta tưởng ta vô can với một vài biểu hiện nổi cộm được nêu trên báo chí. Trong khi ấy lẽ ra đây chính là những dịp ta soi lại mình và cảm thấy thói xấu kia cũng tiềm ẩn trong mình. Và ta cảm thấy có lỗi, lỗi với bản thân, lỗi với chung quanh, lỗi với thế hệ trẻ.

9. MỆT MỎI, BỪA BÃI, BUÔNG THẢ

Sau mấy chuyến đi du lịch bụi sang Trung Quốc, tôi đặc biệt có ấn tượng tốt về những chiến sĩ cảnh vệ gác trước doanh trại và một số công sở bên ấy. Trên cái bục rộng, đặt vuông vắn, họ đứng thẳng như cây cột, vẻ mặt nghiêm trang kỳ lạ.

Lại nhớ mấy anh em làm nghiệp vụ tương tự bên mình mà buồn, thoi thì dựa lưng vào tường, đứng chân co chân duỗi đủ kiểu. Chắc chắn là có lúc họ cũng nghiêm chỉnh lắm, nhưng sự nghiêm chỉnh này chỉ được một lúc, không sao kéo dài và ổn định như lẽ ra phải thế.

Gần đây, nhiều trạm gác này của ta cũng đã có bục, và đây có lẽ là một ví dụ về vai trò quan trọng của các trang bị với cách làm việc của con người: các chiến sĩ cảnh vệ ta đã trở nên nghiêm chỉnh hơn trước.

Nhưng trang bị không phải là thứ thuốc bách bệnh.

Mùa lạnh, nhiều phen qua cầu Chương Dương, tôi chỉ ước ao giá kẻ cắp trên phát thêm cho các nhân viên chỉ huy giao thông một ít găng tay. Vì trong gió lạnh, người nào cũng rút tay vào túi, có giải quyết chuyện gì với người đi đường cũng một tay rút túi mà giải quyết, trông như mấy anh nhân viên trật tự ở một làng xã nào đó, chứ không phải người thay mặt chính

quyền chỉ huy giao thông ở cửa ngõ một thủ đô thời hiện đại.

Nhưng tôi biết giá kể có trang bị găng thì rồi các nhân viên đó cũng sẽ nhanh chóng vút vạt vút vật đầu đó. Đút tay vào túi có cái thoải mái của nó, chứ găng tay ư, bức bối lắm. Ấy là không kể việc đút tay vào túi, cũng như phì phèo thuốc lá ngay trong khi làm việc công, có cái oai oai của kẻ có quyền - nếu không phải là ý thức, thì cái phần tiềm thức nằm sâu trong tâm lý, từng phút từng giây vẫn thì thảo với người ta như vậy.

Dẫu sao khi ở ngoài đường, các nhân viên thường được phát trang phục thống nhất nên còn đỡ. Gặp anh cán bộ nhà nước mình trong những phòng làm việc cô lỗ của Hà Nội mới thấy vui. Thôi thì chỗ này một cô tám rưỡi mới giờ gói xôi ra để ăn, chỗ kia ngay cửa ra vào là một anh tán chuyện với người yêu, cười hô hô trong điện thoại.

Nhân dịp con nghỉ hè, một chị mang con đến, mẹ con “bắt chấy bắt rận” cho nhau. Sắp đến tuổi về hưu, bệnh tật đầy mình đã mấy năm nay, một ông vừa làm sổ sách vừa không quên để mắt vào ẩm thuốc bắc.

Lại như cái chuyện, ở nhiều cơ quan, phòng làm việc nào cũng có một bát hương. Không phải tôi mà chính một bậc lão thành năm nay đã ngoại tám mươi là Tô Hoài cũng đã có lần lên tiếng về chuyện này. Chúng tôi hiểu rằng cuộc sống quá bấp bênh, nên nhiều người sinh ra mê tín. Có tốn kém bao nhiêu đâu? Tội gì không làm. Người ta nghĩ vậy. Và một khi nó đã lan ra thì giống như một thứ sốt nhẹ, dễ lây lan lắm. Nhưng có lẽ nên hạn chế nó lại đặt nó vào phạm vi gia đình là cùng, chứ sao lại mang đến tận công sở thế này.

Thần Phật có có chẳng nữa thì cũng phù hộ người chăm chỉ chịu khó nghiêm túc với công việc, chứ đâu có phải cứ lễ bái đều vào, là có bảo hiểm, rồi yên tâm mà tha hồ làm bậy?

Cách sống buông thả trong một số cơ quan hiện nay vốn bắt nguồn từ những nguyên nhân sâu xa. Trước tiên, đây là nếp sinh hoạt của cả xã hội.

Thằng con trai mười bốn tuổi của tôi có một thói quen là bất cứ lúc nào xem ti vi cũng chỉ thích nằm bò ra sàn. Khi tôi kể chuyện này với nhiều người thì ai cũng gật đầu đồng tình, phần lớn trẻ các nhà đều như vậy.

Dáng đi thung thình bất cần đời. Ghéch chân ngang mặt khi đọc sách. Cần viết cái gì thì đề ngay lên đầu gối mà viết, hoặc sẵn sàng viết trên một mặt bàn khắp khênh sách bút, để rồi lấy đó làm cơ biện hộ cho những hàng chữ rất xấu. Ở lớp trẻ hiện nay nhiều thói quen kỳ lạ như vậy đã được hình thành.

Cố nhiên không thể chỉ một chiều trách trẻ con được. Vì cách ăn ở sinh hoạt của người lớn chẳng có hơn gì.

Chưa bao giờ đường phố của chúng ta có nhiều loại xe đẹp xe sang như hiện nay. Nhiều người ăn mặc như vừa từ Paris, New York về, mới xuống sân bay hôm qua. Nhưng lạ một cái là những cảnh trái ngược cài chen nhau. Nhiều lần tôi cứ ngỡ ngàng khi bắt gặp một thanh niên vừa diện bộ cánh hảo

hạng, năm phút sau đánh trần cưỡi xe máy ra phố mua thuốc lá, cười nói râm rĩ. Và nhiều phen lơ đãng nhìn kỹ vào chiếc xe bóng loáng đang đậu vỉa hè, tôi vẫn không quen được cảnh mấy bác không còn trai trẻ cũng xả láng. Trong khi đậu xe chờ sắp, các bác cởi giày, gác cả hai chân lên cửa hóng gió.

Ở Hà Nội từ 1964 về trước, không bao giờ có cảnh vút chuột chết ra đường, và ở các công viên không có cảnh “thượng” cả dép lên trên ghế đá mà ngồi như bây giờ.

Cuộc sống những năm chiến tranh mang lại cho người Hà Nội bao nhiêu thói xấu. Để kịp về nơi sơ tán, trong những chuyến tàu vét, người ta trèo cả lên nóc tàu hỏa mà ngồi. Sau những ngày châu chực không mua nổi cân gạo, lúc làm ra đồng tiền, nhiều gia đình đồng lòng xả láng một phen cho bồ đời, và thói quen tranh thủ hưởng thụ đã đến một lần là không chịu bỏ đi nữa.

Chiến tranh đầy bất trắc không biết sống chết lúc nào. Ai đó đã viết “sau cái thời của không biết hy vọng, sẽ đến thời của không biết sợ hãi”. Khi mà buồn vui thất thường thành một cái gì kéo dài thì cả nếp sống tạm bợ lẫn triết lý sống gấp đều là không thể tránh nổi.

Cũng tương tự như vậy, khi nghĩ về văn minh công sở, đúng hơn nếp làm việc buông tuồng và đầy cảm hứng gia đình chủ nghĩa ở các cơ quan hiện nay, trong đầu óc tôi lập tức nhớ lại mấy năm sơ tán.

Đang làm ăn ở thủ đô đang hoàng nay kéo nhau về ở nhờ tận các làng quê heo hút, hồi ấy chúng tôi có muốn nề nếp cũng không được. Mỗi người với đủ lệ bộ ông bà vợ con bùi ríu “nhảy dù” xuống một nhà dân địa phương. Vừa làm việc vừa cời trần thổi cơm hoặc trông con. Có làm việc với cán bộ các cơ quan khác thì ngồi bệt ngay đầu hè.

Tâm lý bảo thủ vốn có trăm ngàn bộ mặt. Trong khi đi xe máy thậm chí lái ô tô, nhiều người chúng ta hôm nay vẫn tham gia giao thông bằng tâm lý người đi xe đạp.

Mấy chục năm chiến tranh qua đi, nay đã sang thời hội nhập, Tây Tàu đầy đường. Song người ta vẫn sống như thuở còn sơ tán làng quê, cái kiêu tư duy và thói quen hôm qua vẫn giữ nguyên xi như cũ.

Một mặt thì nhà nước thiếu sự thuần hóa đội ngũ công chức.

Mặt khác, tôi muốn nói đến cái sức ì trong ứng xử của mọi người hiện nay.

Trước khi gia nhập vào hàng ngũ cán bộ, cả các thủ trưởng mà bây giờ người ta quen gọi là sếp – lẫn các nhân viên đều không được trải qua huấn luyện sát hạch gì cả, chỉ thấy người ta bảo mình phải làm việc chứ không thấy ai yêu cầu mình phải thế nào. Ngay kỷ luật công việc còn thiếu, còn không rành mạch, nói chi là kỷ luật sinh hoạt. Không ai biết thế nào là phải. Nhất là không ai nhắc nhở nổi ai. Có vấn đề gì thì cười trừ với nhau là xong. Đã “làm luật” với nhau như thế, có không buông tuồng bừa bãi mới là chuyện khó hiểu.

Không Tử vốn nổi tiếng về việc đề cao chữ lễ trong xử thế. Ông bảo đến đâu chiếu trái không ngay ngắn ông không ngồi.

Cái sự nghiêm túc này đẻ ra một loại người mà các cụ ngày xưa gọi là kỹ tính. Họ không chịu qua loa tạm bợ trong bất cứ việc gì.

Người xuề xòa bảo đó là ảnh hưởng phong kiến và không theo. Người tân tiến thì cho rằng tự do mới được coi là tiêu chuẩn số một của xã hội hiện đại. Họ tuyên ngôn: phải nghĩ những chuyện to lớn cơ.

Từ những năm chống Mỹ, nhà văn Nguyễn Tuân đã sớm có một tổng kết thú vị. Với đám lúc ấy còn trẻ là chúng tôi, ông bảo thời nào người ta càng hay nói chuyện lớn lao thì càng hay làm khổ nhau bằng những chuyện lật vật.

Trước sau cái nếp sống buông thả trong xã hội cũng tìm được cách thấm vào từng gia đình.

Và đây là lúc trong cuộc đời “sống chung” với cái sự luộm thuộm bừa phứa, một số người mới thực sự ngấm đòn. Bề ngoài họ tiếp tục tự nuông chiều mình, song tôi biết nhiều người đang âm thầm đau khổ. Ở nhà họ, con cái còn liều lĩnh cầu thả hơn chính họ nữa.

Lúc tâm sự riêng tư, tôi thường nói với những người quen tỉnh bơ này: trong cái việc nâng cao văn hóa văn minh công chức, chính là chúng ta đã chuẩn bị cho cuộc sống riêng ở tổ ấm nhà mình. Giữa công việc và gia đình, giữa người thân và xã hội, cái sợi dây liên hệ nhiều khi ngắn lắm.

10. NGÀY MỘT HUNG HÃN

Hội đèn Hùng mùa xuân năm 2002 thường được ghi nhận với việc làm ra một chiếc bánh dày 1,8 tấn. Ngày 9-3 âm lịch, trên đường chuyển đến nơi hành lễ, chiếc bánh bị cả trăm người xúm quanh xô đẩy giằng xé. Bà con đi hội đã tự tiện “thụ lộc”. Trong khoảng hơn một giờ đồng hồ, từ 10 giờ đến 11 giờ 30, chiếc bánh “bốc hơi” hoàn toàn. (Báo Tiền Phong ra ngày 22.4.2002).

Tôi chợt nhớ lại đoạn tin này khi đọc tin về những vụ tàn phá mới xảy ra trong năm 2008. Đầu năm là những hành vi thiếu văn hóa tại lễ hội Hoa anh đào được người Nhật tổ chức tại Hà Nội, ở đó nhiều thanh niên xông vào bẻ hoa cướp hoa. Tiếp đó đến thời gian chuyển sang 2009 lại một vụ bê bối khác, nhiều thanh niên “xé nát” phở hoa quanh Hồ Gươm, có người còn xông vào bê từng chậu hoa mang về nhà.

Có lẽ còn cảnh tượng tương tự đã từng xảy ra mà không ai nói? Điều chắc chắn hơn là những vụ vi phạm nho nhỏ những thất thoát nho nhỏ, nó làm cho những khung cảnh văn hóa thành nham nhở như những chiếc bánh bị chuột gặm.

Lùi về thời trước, có lần đọc báo Phong Hóa, tôi đã thấy các nhà văn Tự lực văn đoàn kể chuyện đám công tử Hà Nội đi Hội Lim Bắc Ninh toàn lo chuyện đánh nhau và giở trò gỡ gạc kiếm chác - chữ hội ấy gọi là chim gái.

Bởi vậy trước những diễn biến như thế - mà điển hình là vụ hoa anh đào ở triển lãm Giảng Võ - tôi không lấy làm lạ. Những gì xảy ra ở đây chỉ là một thứ đỉnh lũ của những cơn cuồng vọng hung hãn tự do quá trớn.

Hàng ngày ta đã bỏ qua bao sự việc tương tự. Hàng ngày thấy những mầm mống của nó, ta coi thường và mặc kệ. Theo nghĩa này, không phải chỉ những người đã trực tiếp vào hái hoa bẻ cành mà tất cả chúng ta đã có lỗi.

Tự dẫm năm nay, ở Hà Nội gần như tôi lảng tránh các hội hè triển lãm, ở đó tôi chỉ thấy những đám đông hỗn tạp ồn ào, nó làm tôi buồn thêm về sự xuống cấp của con người.

Từng chi tiết một trong vụ hoa anh đào này đáng để chúng ta dừng lại suy nghĩ. Một thanh niên khi được nhắc nhở đừng làm bậy nữa chỉ bảo “Bình thường thôi”. Một người phụ nữ khi cầm hoa trên tay “bị” chụp ảnh, hồn nhiên nói với con “Ngày mai mẹ sẽ lên báo” (trích từ báo Lao Động điện tử). Nếu câu nói thứ nhất nói về tính phổ biến của hiện tượng thì câu nói thứ hai ghi nhận một tình trạng tâm lý đáng lo hơn. Con người hôm nay làm việc xấu một cách có ý thức. Họ đã trở nên chai lì. Đối với họ không còn gì là thiêng liêng nữa.

Ai đọc báo chí phương Tây, hẳn thấy những biểu hiện này không phải là quá hiếm hoi với con người trong xã hội hiện đại. Nhà văn Italia U.Eco từng

cảnh báo bên cạnh con đường nhân bản, con người đang phát triển theo cái hướng phi nhân. Trên tờ Tin nhanh ở Pháp 1991, nhà triết học A. Gluckman nhận xét “Không gì không thuộc về con người mà lại xa lạ với con người hôm nay cả!”.

Tuy nhiên ở xứ mình, mọi chuyện như có gì đặc biệt hơn. Ba mươi năm, cuộc chiến tranh khủng khiếp bòn rút trong con người gần hết điều tốt đẹp và để lại bao mầm xấu. Tiếp đó lại là ba chục năm vật lộn để sống, mà một trong những nội dung chủ yếu là cuộc truy tìm mọi sự chơi bời hành lạc hưởng thụ lâu nay không được hưởng. Nhiều chuẩn mực sụp đổ, trên nhiều lĩnh vực, xã hội rơi vào tình trạng mà các nhà xã hội học gọi là loạn cương (anomia). Thiếu lý tưởng, mất lòng tin vào tương lai, từng người tự thả lỏng mình. Chúng ta nuông chiều chúng ta một cách vô lối. Mọi biểu hiện tha hóa biến chất xảy ra hàng ngày sẵn sàng được tha bổng nếu giả vờ hối hận. Tất cả đã chuẩn bị cho những Đền Hùng 2002, Giảng Võ 2008.

Không việc gì phải quá hoảng hốt. Cần thiết là nhân đây cả xã hội cùng đặt lại vấn đề về chính mình. Tôi biết nhà xuất bản trường Đại học Bắc Kinh từ đầu năm 2000 có cả một xê-ri sách hướng tới đại chúng Trung Hoa đông đảo mang tên “Giáo dục tố chất nhân văn”. Dân mình cũng đến lúc phải lo vấn đề có tính đại cục đó.

11. NHẬT HỘI BỞI CHUNG HỘI NHẬT

Nguyễn Đình Chiểu từng viết trong Lục Vân Tiên: “*Bởi chung hay ghét cũng là hay thương*”.

Tôi cũng đang ở trong tình trạng dở dang vậy, vì quá yêu các lễ hội mà gần đây cứ nghĩ đến hội là ngại. Trình độ tổ chức các lễ hội hiện nay không theo kịp nhận thức của cộng đồng, toàn lộn đi lộn lại, hỗn tạp, tầm thường.

Chùa chiền được sang sửa nhiều. Nhưng đáng lẽ phải nghiêm túc nghiên cứu để trùng tu cho ra không khí cổ kính thì người ta lại chỉ lo tô lại một ít chữ nho làm dáng, và thường là tô sai. Các bức tường bị bôi xanh bôi đỏ khiến công trình sặc sỡ một cách khó coi.

Phần hội mà các ban tổ chức buộc khách thập phương phải xem cũng không khá hơn. Một hai chiếc chuyện rùng đặt trong cái ao cạn không sao gọi được về trữ tình cần thiết. Các điệu múa ở các địa phương khác nhau mà quá giống nhau, hình như quanh quẩn học của nhau cả.

Với tư cách một người nghiên cứu văn hóa, tôi thường băn khoăn về tính chính xác của các chi tiết liên quan đến lễ hội cũng như chùa chiền. Theo tôi, chính nó là cơ sở tạo nên sự thiêng liêng có thực. Còn cái kiểu trùng tu theo tinh thần “có gia giảm thêm dăm ốt” phổ biến hiện nay chỉ làm cho người tới hội thêm thất vọng vì lộ rõ tính phàm tục của nó.

Những phản cảm trong khung cảnh càng bị tô đậm bởi sự có mặt của con người. Đã quá biết rằng cái gì ở mình mà chẳng luộm thuộm, đã đám đông là xô bồ, nhếch nhác - mà sao vẫn thấy khó chịu, bao niềm háo hức xẹp dần.

Một lần đi Hội bà chúa Kho, tôi hãi hùng mãi về cảnh xếp hàng chờ đặt mâm cúng lên bàn thờ, người sau phải nhắc mâm cúng lên đầu người trước, mỗi đến gầy tay. Còn nghĩ tới những lần đi hội chùa Hương là sợ tắc đường, sợ chờ đò, sợ phải tranh nhau cáp treo. Trong cảnh chen lấn, lòng người trở nên nguội lạnh, đủ thấy ngán ngẩm về tình trạng đất nước lạc hậu, và ghê sợ cho sự học đòi đua đả của con người, đến mức không còn can đảm nghĩ chuyện lần sau đi tiếp.

Đang thiếu một tâm thế văn hóa trong tâm lý người đi hội ngày nay. Nhiều khi đơn giản không biết làm gì thì người ta đi, đua nhau mà đi, đi để cầu cúng vụ lợi.

Và sự vụ lợi này lan tới người tổ chức hội cũng như những người tự nhận là phục vụ hội.

Lần ấy tôi theo vợ đi lễ Bà chúa Kho. Vừa xuống xe đã có người bám theo, miệng thao thao những là để em sửa lễ cho bác, để em dẫn bác đi viết sớ. Lẽo đẽo theo mãi đến lúc vào đến cổng đền mà chúng tôi không nhận đặt hàng, họ quay lại chửi, những là đồ ngu với lại phí cả lời chào của họ. “Tuồng là con cá quả, hóa là con tép ranh”. Họ khái quát về chúng tôi như vậy.

Nếu phần lễ không tạo được cảm giác thiêng liêng thì phần hội lại thường là tẻ nhạt - trong một bài tạp văn in trong tập Giác mộng ông thợ diu mới in ra đầu 2007, Tô Hoài đã phải dùng đến câu thành ngữ “nhạt như nước ốc”. Các trò chơi hoặc cỗ lễ khiến không ai muốn tham gia, hoặc toàn ngả sang màu sắc hiện đại, mô tô bay, xiếc giả cây, chẳng hợp gì với khung cảnh. Không thiếu cờ bạc ăn may, nó là di lụy từ các làng quê tha hóa.

Đến cả việc cho chữ nữa. Mới đây thôi, một tờ báo đã tả lại cảnh tại một ngôi chùa thuộc loại lớn nhất đẹp nhất Hà Nội, thầy trụ trì cho chữ đúng kiểu bán hàng bao cấp. Cứ ai nộp tiền thì thầy viết, viết như cái máy. Và chính thầy cũng mù mờ không cắt nghĩa được mấy chữ “Xuân phong hòa hợp” đã viết đến mỗi tay đó.

Nghĩ về các lần tham dự lễ hội, không khỏi thấy lòng trống trải, bởi đặt quá nhiều hy vọng mà tính lại, các lễ hội ấy không được như mình mong đợi.

Cái chính có lẽ là chúng ta phải thêm chất tri thức, chất lý tính cho các lễ hội, chứ không thể thả nó trong vòng tay của cảm hứng tùy tiện như hiện thời.

Lại nhớ có lần thấy trên ti vi cảnh mấy người khách phương xa tới hỏi thăm mấy cụ già trong làng về một ngôi đền gần đấy. Chính đền thờ ai các cụ không biết. Các cụ chỉ nhắc đi nhắc lại là đền thiêng lắm, có cần cầu cúng gì các cụ nói giúp.

Tôi không muốn mình rơi vào cái cảnh như thế. Tôi định tạm nghỉ đi hội một hai năm. Thay vào đây, tôi tìm về lịch sử - văn hóa cổ truyền dân tộc qua các cuốn sách như Đại Việt sử ký toàn thư, Khâm định Việt sử thông giám cương mục, Lịch triều hiến chương loại chí, các sách Thiên kim ngữ lục, Lĩnh nam chích quái... Chỉ cần vượt qua sự sốt ruột và bình tĩnh tra cứu các chữ Hán cổ là thế nào cũng gặp được nhiều kiến thức hấp dẫn, sẽ có ích khi nay mai trở lại với các lễ hội.

12. BỀ TẮC NÊN SINH CỜ BẠC

Người dân mình có tiền thì làm gì? Thời tiền chiến, Nam Cao từng trả lời câu hỏi đó trong truyện ngắn Thôi, đi về. Câu chuyện xoay quanh việc một anh đi vác củi thuê được đồng bạc. Đầu tiên là lo cái gì đổ vào mồm, và cái công thức được chấp nhận ngay là... bún thịt chó. Tiếp đó là, là... đánh bạc, đánh đề thua mất toi luôn đồng bạc vừa kiếm (vì thế mà thiên truyện mới có cái tên rất “yếu” là Thôi đi về, nó như một tiếng thở dài bất lực).

Cách tiêu tiền của con người đầu thế kỷ XX vậy là chẳng khác gì một số con người hôm nay: cũng chỉ xoay quanh vào việc lo ăn và cờ bạc (có những người vào những ngày tết mua những chậu mai vài trăm triệu hoặc trước đó cá cược bóng đá 1,8 triệu đôla). Cái thói vung tiền ấy - thoát nhìn là vô thường vô phạt hoặc một phút bốc đồng cần được thông cảm, song đã tố cáo một sự thực: nhiều người chúng ta không làm chủ nổi đời mình. Cái nghèo đeo đuổi lâu quá đến mức trong tiềm thức ta tin không bao giờ ta thoát khỏi nó. Còn sự giàu có thực sự xa lạ với ta đến mức khi có tiền cũng chẳng làm được việc gì, đành tiêu bậy tiêu bạ cho xong. Đằng sau thói vung tay quá trán ấy là một sự bi quan tuyệt đối trước đời sống.

Nếu ở Thôi, đi về nhân vật chỉ dám đùa bỡn với một đồng bạc thì trong Mua nhà, cũng như Từ ngày mẹ chết (hai truyện này có chung đầu mối), một nhân vật của Nam Cao còn dám gọi bán ngôi nhà gia đình y đang ở lấy vài trăm bạc ném vào canh xóc đĩa để rồi sau đó thì con cái ra đường. Trước mắt chúng ta là một nhân cách tha hóa, ở đó không chỉ có con người cay cú, con người liều lĩnh, mà còn có con người sống như mơ ngủ, tự mình lừa mình (cho rằng chỉ vì không trường vốn nên không gỡ được bạc), con người vô trách nhiệm với gia đình vợ con, và bao trùm hơn hết là con người lao đầu vào chỗ chết, con người mê muội.

Các nhân vật trong tiểu thuyết Sống mòn cũng thường được miêu tả trong quan hệ với cờ bạc. Từ Hà Nội mỗi lần nhớ về quê, Thứ canh cánh lo vợ mình ở nhà đánh bạc. Có lần Thứ choáng váng khi nghe tin đồn Liên (tên người vợ) đi lại với một người khác “chúng thường đánh bạc với nhau, đùa bỡn với nhau”. Tuy rằng sau này không hẳn vậy, nhưng Thứ vẫn bán tin bán

ngghi bởi một lẽ đơn giản là ở cái làng quê ấy, vượt lên trên sự phân chia tốt xấu theo nghĩa đạo đức thông thường, cờ bạc trở thành một phần đời sống của con người và cả cộng đồng. “Người ta đánh bạc như ma xui”. Không chỉ đàn ông mà cả đàn bà cũng đánh bạc, không đánh thì cho đàn ông tiền để đánh, không chỉ vợ Thứ bị nghi ngờ mà tiếng đồn vợ San đánh bạc cũng không sao dập tắt nổi. Mức độ phổ biến của bài bạc buộc người ta phải nghĩ rằng cộng đồng làng xóm ấy là một đám đông lêu lổng mà từng thành viên thì chưa trưởng thành về nhân cách.

Trong văn học thế giới không thiếu gì các nhân vật đam mê cờ bạc. Riêng một Dostoevski chẳng hạn đã có hẳn một cuốn sách nổi tiếng mang tên Con bạc. Có điều một số nhân vật cờ bạc của các nhà văn lớn thường chỉ là những nhân cách mạnh mẽ, họ lao đầu vào cuộc đò đen như một cuộc phiêu lưu tinh thần hoặc qua đó thử thách ý chí của mình. Ngược lại cờ bạc với các nhân vật trong văn học ta phần lớn được miêu tả như là một thói xấu không thể bỏ, nó là một dấu hiệu cho thấy sự tầm thường trong quan niệm về đời sống. Ở Nam Cao cũng vậy, trong đoạn cuối câu chuyện của kẻ bán nhà để gỡ bạc, Nam Cao để cho bà mẹ vợ của người đàn ông làm cái hành động ngu muội ấy than thở với các cháu “Bố chúng mày không ra giống người...”. Đằng sau cái câu khái quát đơn giản đến rợn người, dường như nhà văn muốn nói rằng ở một cá nhân cũng vậy mà ở một cộng đồng cũng vậy những thói hư tật xấu nhỏ nhỏ có thể tồn tại vì thật ra nó biểu hiện cả một trình độ làm người và một triết lý sống đã bền vững.

Trong lịch sử Việt Nam, nhà thơ Nguyễn Công Trứ (1778-1859) là một nhân vật nổi tiếng không những vì chí nam nhi cao cả và tài kinh bang tế thế hơn người mà còn như một đệ tử của chủ nghĩa hưởng lạc. Điều thú vị là ông luôn luôn tìm ra lý lẽ để biện hộ. Nhà nghiên cứu Phạm Thế Ngũ từng dựng lại mô hình của quá trình suy nghĩ ở ông “Thuở hàn vi, ông hưởng nhàn, lý trí ông khuyến khích vì cho rằng chỉ là một sự tạm thời. Thời ra làm quan, hoạt động vất vả, ông tìm cơ hội hành lạc để giải lao: lý trí ông tha thứ. Sau càng hoạt động càng gặp những nỗi trắc trở đau lòng, ông hành lạc để quên đời: lý trí ông đồng lõa. Đến lúc về hưu, ra khỏi một trường ác mộng, ông bám lấy nhà lạc như một lẽ sống duy nhất của tuổi già: lý trí ông đầu hàng”. Trong cái vẻ tầm thường hơn nhiều, các nhân vật đam mê bài bạc của Nam Cao cũng có những lý lẽ tương tự. Đây là tâm sự của anh nông dân trong truyện Thôi, đi về khi rủ nhân vật xưng tôi lao đầu vào cuộc đò đen: “Con người ta giàu tự số, nếu làm mà giàu được thì tôi đã giàu ức triệu. Mấy năm về trước tôi có khiếp làm, ban ngày đi làm thuê cho người ta, tối có trồng lại cuộc vườn nhà ấy thế mà nghèo vẫn hoàn nghèo”. Một khi cờ bạc được người ta chống chế bằng những lý do có vẻ hư vô yếm thế, nó càng có lý do để tồn tại. Và cái tình trạng làm người thảm hại cứ thế trở thành số phận không thể thoát của những con người lêu lổng.

13. NÓI LỄ HỘI VÀO TRỤY LẠC

Thỉnh thoảng lại thấy tin các cơ quan điều tra phát hiện ra những đường dây đánh bạc lớn. Một người bạn tôi vừa nói đùa vụ PMU đã đi vào ký ức lịch sử, chắc vài chục năm sau, chỉ cần nhắc tới danh hiệu “con bạc hàng triệu đôla” là mọi người nghĩ ngay đến cái thời ta đang sống.

Nhưng có một sự thực tôi nghĩ còn tàn nhẫn hơn, đó là hành động đổ đên muôn vàn kiểu đang phổ biến đến mức đáng sợ. Các chiếu bạc lần lượt ngay ở các cơ quan ngoài thành phố lớn và công khai ngay ở giữa các trụ sở ủy ban vùng nông thôn hẻo lánh. Cháu Hòa, một ôsin cạnh nhà tôi vừa về Tết lên kể, một bà hàng xóm nhà Hòa ra Hải Phòng có mấy tháng mang tiền triệu về cho chồng con. Có gì đâu, bà ta được giao cơm nước cho một sòng bạc nhỏ. Chủ nhà cho thuê địa điểm, mỗi ngày thu về hai trăm ngàn.

Có lần tôi được xem một bức ảnh chụp cảnh chọi trâu ở Đồ Sơn. Nhìn một người say mê nhìn theo trâu, đã thấy mừng. Đến khi nhìn đồng bạc đánh cược lăm lăm trên tay anh ta, tôi hiểu ngay rằng chẳng có tình yêu thể thao với tinh thần thượng võ nào ở đây cả, mà chỉ có một con bạc đang khát nước.

Nhiều cơ quan, lương thấp nên công việc cũng khá nhẹ nhàng. Thấy mọi người nhất là lớp thanh niên rồi quá mà chẳng biết làm gì, tôi đã máy mồm định nói sao không học đi, kiến thức thời đại đang đòi hỏi phải học... nhưng kịp hăm ngay lại. Ngày xưa mới thế, chứ ngày nay nói chuyện tự học những lúc rỗi rãi, nghe có vẻ lạc điệu quá, người ta cười chết. Nhưng tôi biết rằng nhiều chiếu bạc được hình thành từ chỗ rỗi rãi thế này. Đời sống tinh thần quá nghèo nàn, ngay cả nhu cầu hưởng thụ ở nhiều người cũng chỉ thể hiện ra ở những đòi hỏi tầm thường và trong đa số trường hợp thì đánh bạc được xem là tiện nhất. Nhiều người thường trích dẫn câu “Nhàn cư vi bất thiện”, họ chỉ quên rằng người xưa dành câu đó cho hạng tiểu nhân. Còn những người đứng đắn mà người xưa kêu là quân tử có những niềm vui khác hẳn.

Cờ bạc trước tiên gắn với tham những ăn cắp. Nay có những người tiền nhiều quá mà chẳng biết tiêu gì cho hết tiền. Ô tô sắm rồi, rượu chè thoải mái rồi, bằng cấp tiếng tăm mua được rồi, mà tiền vẫn không hết, thì tội gì không đánh bạc.

Thế nhưng có cái lạ là nhiều người nghèo cũng đánh bạc. Trước kia tôi cứ thắc mắc mãi chuyện đó, như thắc mắc sao các xóm liều không thiếu cảnh nghiện hút. Sau đọc lại thấy từ Phan Kế Bính, Nguyễn Văn Vĩnh, Nguyễn Văn Huyền... các nhà nghiên cứu đó đều đã kêu từ xưa đam mê cờ bạc ở dân mình đã thành một cái tật, nhiều người bước vào chiếu bạc với ý nghĩ không chừng nhờ cờ bạc mà thoát cảnh nghèo. Cố nhiên đó chỉ là một cách tự lừa mình rất đáng trách.

Nhưng nhiều người còn lưu ý là bao giờ nạn cờ bạc cũng gắn với mê tín

dị đoan. Cuộc sống quá nhiều bấp bênh, chẳng biết còn tin ở cái gì nữa. Rút lại, hình như chỉ còn là chuyện cầu cúng. Gọi là đi lễ hội để trở về nguồn cho sang, chứ việc chính là cầu cúng. Rồi nhân vui cầu cúng mà đánh bạc, cũng là thử tìm vận may một cách tuyệt vọng.

Đã nhiều tờ báo đề cập tới tình trạng này. Đại khái nhiều nơi hội làng vừa mở thì cũng là lúc rất nhiều quý tử trong các gia đình thi nhau lao vào cuộc đò đen, có người mấy ngày nướng hết vài chục triệu.

Có một khẩu hiệu mà ngành du lịch mới nêu ra thời gian gần đây: Nói lễ hội với di sản. Ô, ý tưởng nghe hay quá! Nhưng chỗ trong nhà xin nói thật, dân mình còn thông minh hơn nhiều, từ lâu một số lễ hội đã được người ta nhanh nhẩu nói với cờ bạc một cách khá thuận thực, mà chẳng cần tuyên bố tuyên ngôn gì cả.

14. TÌNH TRẠNG MẤT THIÊNNG

Sự cố chung quanh chiếc bánh giày không lò ở Lễ hội Đền Hùng đầu năm 2008 (bánh thiu, bánh mớ, bánh có ruột làm bằng mút xốp) ít nhiều có làm cho chuỗi các vụ bê bối trong đời sống hàng ngày ở xã hội ta kéo dài thêm và là một ví dụ... cười ra nước mắt.

Mùa xuân nước mình từ Nam ra Bắc khí hậu mỗi nơi một khác. Riêng miền Bắc trời đất ở thời điểm giao mùa, đông đánh lúc hanh khô lúc nồm nóng... Bảo quản các thứ lương thực bình thường đã khó, huống chi lại còn phải qua mấy ngày ròn rã chuyên chở trên xe. Làm sao có được chiếc bánh với hương vị cổ truyền của nó?!

Trong hoàn cảnh ấy mà cứ cố bảo nhau làm bằng được bánh, và cố làm mỗi năm một to hơn, cho vậy mới là thành kính - tôi cho là chuyện ảo tưởng.

Về phía những người quản lý văn hóa, chỉ động viên các địa phương khôi phục lễ hội và người đi hội thật đông là hoàn toàn không đủ. Đã đến lúc phải nghiên cứu lại tình hình lễ hội của người Việt và cung cách cần thiết nếu muốn làm sống lại nó trong hoàn cảnh xã hội hiện đại. Đóng khung vào việc thuần túy tái diễn những cuộc trải hội người xưa trong thực trạng đời sống hiện nay tức là chúng ta đẩy đám đông con người vào cảnh chen chúc hỗn loạn và làm hỏng cảm giác thiêng liêng ở họ.

Khi khuôn khổ những cuộc hành hương đã lên tới quy mô lớn - có lúc lên tới cả triệu người - thì cách làm ăn kiểu hội làng là không thể tiếp tục. Nội một việc như sẽ mang chiếc bánh ra chia đều cho khách hành hương về thụ lễ cũng không đơn giản chút nào. Nên chẳng là tìm cho cách thụ lộc ấy một sắc thái hiện đại.

Trở lại với chi tiết ruột bánh bằng mút xốp. Nên chú ý tới cách giải thích của Công viên Đầm Sen: đây là khối bột nếp, mang ý nghĩa tượng trưng cho

một lễ vật truyền thống dâng cúng nhân ngày giỗ Quốc tổ Hùng Vương hơn là để phục vụ người dân thưởng thức. Ở đây có vấn đề “ngôn ngữ của lễ hội”. Dưới góc độ đó thì giữa người làm bánh và của ban Tổ chức, của công chúng nói chung, - có sự lệch pha hoàn toàn, và gặp nạn là chuyện tất nhiên.

Tuy vậy những người làm bánh cũng không vô can. Tạm thời có thể bắt mạch những suy nghĩ ngấm ngấm chi phối con người trong việc này:

- Trước tiên lấy có rằng đang cần làm một việc tử tế, người ta cho phép hình dùng cách nào cũng được, biện pháp gì cũng xong, kể cả gian manh dối trá trắng trợn.

- Vội vàng nông nổi được coi là cách làm ăn nhạy bén khôn ngoan. Làm bừa không cần tính toán khoa học... Chơi trội, cốt tạo sự độc đáo rồi vào Guinness và gây ấn tượng đậm... Làm mà không lường trước hậu quả ra sao. Cùng lắm đi đêm có ngày gặp ma thì lại cười trừ với nhau và bận sau vẫn thế.

Kinh nghiệm cuộc sống hôm nay khiến cho chúng ta có thể ngờ rằng ai ở địa vị ấy rồi cũng làm vậy. Và trong thực tế đã có nhiều chuyện tương tự, mà bị bỏ qua.

Bởi vậy, không khó khăn gì khi từ cái hành động trên đọc ra một vài ý nghĩa chung.

Cảm giác thiêng liêng là một cái gì cần thiết cho đời sống. Mặc dù trong xã hội hiện đại, bề ngoài sự thiêng liêng có phai nhạt đi, nhưng thực chất nó mãi mãi là tình cảm quan trọng, giữ mọi hành động con người trong trạng thái nhân bản. Tiếc thay ở ta hiện nay, tình trạng hủ hời mất thiêng xảy ra trên phạm vi quá rộng. Chữa bệnh cứu người từ xưa đến nay được coi là việc nhân đức, nay đang trở nên thực dụng trần trụi một cách đáng sợ.

Tình trạng phổ biến ở các lễ hội là đáng báo động. Vấn đề không chỉ ở các ban tổ chức. Thực ra cả những người đi dự chúng ta cũng có trách nhiệm. Hội diễn “đến hẹn lại lên” hàng năm, năm nào người về cũng kêu là tổ chức luộm thuộm, phục vụ kém nặng về chặt chém khách về hội. Nhưng năm trước kêu vậy rồi sang năm ta lại cứ đi. Luôn luôn ta nhẫn nại chấp nhận thực tế, bằng lòng với những gì mình có, chỉ sợ không làm như mọi người là thiệt thòi.

Đó là cái môi trường tốt “áp ủ” cho cách tổ chức cầu thả nhếch nhác và mục đích thực dụng chi phối các sinh hoạt công cộng hiện nay.

Văn hóa lễ hội tự nó không đứng riêng ra mà chỉ là một biểu hiện rõ lên theo mùa của văn hóa sống. Tình trạng mất thiêng không chỉ mở đường cho bao tệ nạn mà còn làm mất vẻ quyến rũ chân chính của đời sống. Và lớp người thiệt thòi nhất là lớp trẻ. Họ sẽ rất khó khăn khi bước vào một cuộc sống mà thiếu đi sự thiêng liêng thành kính.

15. CHƯA CHẮC ĐÃ LÀ NIỀM TIN THỰC SỰ!

Những ngày ngồi ô-tô đi dọc đất nước Malaysia, trong đó có việc đi qua nhiều miền quê, cánh du lịch bụi bặm tôi thỉnh thoảng vẫn bắt gặp những nghĩa trang nho nhỏ. Không hề lộng lẫy xa hoa, mà ngược lại các nghĩa trang ấy rất đơn giản. Nếu so với mức sống của dân thì thật quá ư tiết kiệm, trong khi đó vẫn không làm mất đi vẻ nghiêm trang thành kính là cái không khí mà các nghĩa trang nhất thiết phải có.

Mấy năm trước, đi xe lửa từ Bắc Kinh về Nam Ninh, Trung Quốc, cũng nhớ là không có chỗ nào thấy nghĩa trang quá chói lọi nguy nga mà lại lộn xộn đến mức phải kinh ngạc... như của dân mình.

Vâng, sở dĩ chúng tôi để ý chuyện người, cái chính là vì chuyện xứ mình. mấy năm nay nhiều nơi có phong trào đua nhau xây lăng cho tổ tiên thật to thật đẹp. Cũng đá hoa, đá mài. Cũng mái cong mái uốn. Cũng họa tiết hoa văn chìm nổi. Và thường thì tất cả những yếu tố gọi là hiện đại ấy để cạnh nhau chỉ toát ra vẻ đấp điểm lòe loẹt mà lại chấp vá lủng củng, không những giữa ngôi mộ mới tân trang đó với các mộ chung quanh chẳng ăn nhập gì với nhau, mà cũng chẳng ăn nhập gì với tập quán ngàn đời của dân tộc.

Trong chiến tranh, Quảng Trị là nơi diễn ra nhiều trận đánh lớn. Nghe nói là tính ra số người nằm dưới đất Quảng Trị còn đông hơn dân số đang sinh sống. Có cái lạ là xứ Quảng Trị đó - một trong những tỉnh nghèo nhất trong cả nước - cũng hình là nơi có những lăng mộ được xây tốn kém tới cả trăm triệu.

Cái lối săn sóc tới người đã chết theo kiểu như trên thật ra đã có từ lâu. Từ trước 1940, trên báo Ngày nay, nhà văn Thạch Lam đã có lần ghi lại một nhận xét khá sâu sắc của một người nước ngoài. Người này nói rằng dân Việt hình như mãi lo cho người chết mà quên cả người sống.

Từ thực tế ngày hôm nay, tôi nghĩ ngược lại: khoe khoang rầm rộ như thế ắt là vì người sống chứ đâu có vì người chết. Một khi đã mang tính cách một sự tô vẽ giả tạo thì nhất thiết sẽ nảy sinh phản cảm.

Vào những dịp tuần rằm mừng một, nhìn cảnh người đi cúng lễ ở các đền chùa, nhiều người tự hào cho rằng dân mình biết tôn trọng quá khứ và có niềm tin sâu nặng ở thế giới bên kia. Với óc hoài nghi sẵn có, M, bạn tôi, cãi lại: Anh thử nghĩ xem người nghèo có mấy khi đi đền đi chùa vênh vang như thế? Mà toàn dân có của đấy chứ. Tôi ngờ đến quá nửa trong đó là quan chức tham nhũng với lại cánh buôn gian bán lận, vừa làm vừa sợ tội nên chạy lễ đến đây để hối lộ thần thánh mong gỡ tội.

Tôi chưa biết cãi lại làm sao chỉ biết rằng so với mấy chục năm trước, mặc dầu đền chùa bây giờ đông nghịt nhưng không có được không khí thành kính của thời thịnh trị. Còn như để trả lời câu hỏi tại sao người ta cúng cấp

ghê thế chắc chắn phải có một vài nhà nghiên cứu văn hóa làm những cuộc điều tra khoa học. Nếu xem xét nghiêm chỉnh, không chừng sự thật sẽ thuộc về anh bạn hay hoài nghi của tôi!

Có lần đọc báo thấy nói ở một vùng nọ trên Lạng Sơn những người có thể lực rào những khu đất để chờ bán cho người chết. Tức là một hình thức kinh doanh địa ốc xuất hiện, có điều ở đây mặt hàng kinh doanh là lăng mộ.

Tôi không oán những người kinh doanh đó. Thấy làm gì kiếm được tiền là người ta làm. Có người yêu cầu nên còn người phục vụ. Tôi muốn nghĩ đến những người sẽ đổ xô đến với các “chung cư” dành cho người chết để tỏ là mình biết sống. Phú quý sinh lễ nghĩa cái đó có một phần. Nhưng theo tôi cái chính là sự hoang vắng tiêu điều trong lòng người. Có thể thì đám người sẵn của kia mới lấy sự hơn người giả tạo làm niềm kiêu hãnh.

16. NHÂN DANH HIẾU THẢO LÀM VIỆC DÃ MAN

Tục ném bát hương xuống hồ nước sông ngòi để linh hồn ông bà tổ tiên được mát mẻ vốn có từ lâu đời và từ nhiều làng quê kéo lan đến tận Hà Nội. Trong một bài phiếm luận, Tô Hoài kể có lần dạo chơi phố phường cuối năm tới Hồ Gươm, ông bắt gặp một người đàn bà ra tận gần giữa hồ mò mẫm gì đó. Thì ra bà ta mò bát hương cũ, lấy lên, cọ sạch rồi mang bán như đồ mới.

Ngày nào cũng phải qua cầu Chương Dương, tôi chứng kiến cảnh ném bát hương và bàn thờ xuống sông Hồng thường xuyên hơn và công khai hơn.

Cầu Chương Dương vốn là con đường để dân các tỉnh cung cấp rau và gà vịt cho Hà Nội. Buổi sáng vào thành phố, còn trưa là thời điểm quay ra. Buôn bán vội vã lúc về có cái gì thừa ném luôn xuống sông, hình như không ai bận khoản nhiều.

Đến như cảnh ném bát hương và các loại tro cùng bàn thờ xuống sông thì được người ta làm có ý thức hơn. Có cả những người từ tận phía tây, phía nam thành phố cũng lặn lội tìm đến sông Hồng bằng được.

Những chiếc xe máy ấy thường hai người đèo nhau, người ngồi sau ôm trong tay có khi là một đùm to tương có khi là những tấm gỗ để thờ. Tới khoảng giữa cầu, chỗ dự tính sông sâu nhất, xe dừng lại. Cái gói đồ đã chuẩn bị kia được ném xuống sông. Và người ta còn đứng một lúc nhìn theo, chứ chưa chịu về ngay.

Nhiều lần chứng kiến cảnh ấy, tôi vẫn không sao quen nổi. Chắc những người kia nghĩ đơn giản: con sông thì rộng lớn đến thế, nhà mình chỉ góp thêm một cái bát với tấm gỗ nhỏ nhỏ, có thấm thía gì?!

Đó là cách nghĩ của cái thời xã hội còn thiên nhiên thiên bẩm. Cốt được việc mình, còn không cần biết tác hại ra sao. Và nghĩ rằng ai cũng làm thế, tội gì mình không làm, không làm chỉ thiệt.

Một lý do nữa khiến cho người ta mạnh dạn làm, làm một cách hồn nhiên sung sướng. Là làm vậy tức làm được một việc tử tế đối với gia đình. Giả sử lúc đó có ai ngăn cản người ta sẽ lý sự giản đơn rằng không ai có quyền cấm người khác trở thành người con hiếu thảo cả.

Cớ biết đâu hiếu thảo đây mà cũng... dã man đây.

Chợt nhớ lại truyện Con ngựa già của Nguyễn Công Hoan. Truyện tả cảnh người ta chôn sống một con ngựa già ra sao. Con ngựa vốn tận tụy ấy chết rất thương tâm. Ấy vậy mà vắng lên trong truyện rất nhiều tiếng cười. Khôn khở, đám lính có làm việc này bao giờ đâu, bởi vậy họ làm rất vụng về, vừa làm vừa lãn ra mà cười với nhau. Con ngựa càng cuống quýt đau đớn thì người ta càng cười to.

Dường như Nguyễn Công Hoan muốn nói: Sự thiếu hiểu biết khiến nhiều khi con người làm những việc tệ hại một cách vô tâm. Chôn sống con ngựa, họ đã có một hành động dã man mà họ không biết.

Trong việc ném các thứ đồ thờ xuống sông, chúng ta cũng đang tìm cách giết dần con sông, nghĩa là làm một việc dã man không kém.

Không ít trường hợp khác, người ta nhân danh một mục đích tử tế - ở đây là sự hiếu thảo - làm những chuyện dã man tương tự. Một người quen tôi trên Sóc Sơn có đưa con gái ngồi đèo sau xe máy trên đường cao tốc Thăng Long Nội Bài, xe bị dính đinh ai đó rải để bẫy. Không kịp phanh, cháu bị ngã và vào viện thì xác định là chấn thương sọ não.

Sau hỏi lại mới biết chuyện này xảy ra cũng đã nhiều lần, và trong những người làm cái việc độc ác kia có những người rất nghèo.

Cá biệt có người khai là anh ta làm việc ấy vì đang cần tiền mua thuốc cho một bà mẹ ốm. Tức động cơ là hiếu thảo với mẹ.

Ngay cả khi lời khai kia là đúng sự thật nữa thì tôi nghĩ hành động vẫn có gì bất nhân, không bà mẹ tử tế nào muốn con làm cái việc gọi là thất đức đó cả.

Còn một việc nữa. Nhiều gia đình Hà Nội hiện nay hễ có tang là tổ chức rất linh đình. Nhà chật thì chiếm dụng ngay hè phố, bắt chấp cả đường đi lại. Mở loa thật to và thuê những băng khóc sẵn mở suốt ngày đêm. Ai vào viếng có loa oang oang giới thiệu danh tính chức vụ.

Nhìn những nhà chung quanh mà thấy thương. Họ quần quai chịu đựng.

Theo tôi, lỗi làm ma âm ỉ để trưng ra cả bàn dân thiên hạ cùng biết như thế này thật ra là di lụy của nếp sống lỗi thời. Ở quê, không gian rộng rãi yên lặng làm thế còn được. Nay giữa thành phố hiện đại, nhà cửa xe cộ ken chặt con người đã rõ là không hợp. Bởi chúng ta chưa nghĩ ra một cách làm khác nên phải theo nếp cũ vậy. Nhưng tôi tưởng nên lưu ý nhau rằng phải đặt mình trong không khí chung của phố xá để đỡ làm phiền mọi người.

Bạn tôi kể có lần gia đình có đưa con nhỏ bị ốm quấy khóc suốt đêm, giữa lúc ấy nhà hàng xóm có tang, loa mở hết cỡ rót vào cửa. Ôm con mà sốt lòng

sốt ruột. Nhưng đành bậm bụng chịu không dám mở mồm ra đề nghị người ta mở loa be bé một chút. Vì biết thời này có ai nghĩ về hậu quả việc mình làm với người khác? Và một khi có dịp phô trương lòng hiếu thảo thì chẳng ai chịu từ bỏ.

17. TẤT CẢ CÓ THỂ LÀM KHÁC!

Xem đoạn phim về một vườn bách thú (cụ thể là ở Thượng Hải), điều tôi ngạc nhiên nhất lại là cái cách người ta trưng bày: trong khi thú ở Hà Nội được nhốt trong chuồng thì ở đây, thú được để hoang. Còn người đi xem cũng ở vị trí ngược lại, tức là dù có quyền nối đuôi nhau đi theo những hành lang đã được rào chắn cẩn thận, để từ đó đưa cặp mắt nhìn ra vườn thú. Người như bị nhốt trong khi thú tha hồ tung tăng. Có vẻ là hơi gò bó, nhưng để bù lại, họ được thấy con thú sống trong cái thế gần như tự nhiên vốn nó vẫn sống.

Đọc tài liệu về một bảo tàng mới khai trương, tôi lại nhận ra một điều lý thú khác. Nếu vào bảo tàng Việt Nam bắt buộc phải nghe những người thuyết minh (phần nhiều nói năng ngô nghê bởi không hiểu bao nhiêu về nội dung trưng bày, mà vui lòng làm một tiếng loa rè nhắc lại kiến thức đã được viết sẵn), thì ở đây, khi vào xem, mỗi người được phát cho một máy nghe, trông như điện thoại cầm tay. Trước một hiện vật nào đó, nếu muốn hiểu thêm, người nghe chỉ cần bấm máy là nghe được lời thuyết minh cần thiết. Lại có nhiều kênh khác nhau, ai biết tiếng gì mở theo kênh tiếng ấy. Phòng bảo tàng không còn cái cảnh ồn ào của đám học trò lạch bạch chạy theo cô giáo - đây là cô thuyết minh - giảng bài.

Mùa hè 1973, với tư cách một phóng viên của tạp chí Văn nghệ quân đội, tôi có dịp được lang thang ít ngày ở nhiều làng quê Quảng Trị. Những xóm nghèo của Triệu Phong, Hải Lăng chỉ vừa mới được giải phóng. Đến đó tôi không chỉ ngạc nhiên với các loại tivi, hoặc xe honda, mà còn mê mẩn vì một chuyện khác - nó chủ yếu bộc lộ cái sự ngô nghê của tôi, nhưng xin phép cứ được kể cho vui - là nhà nào cũng nhiều các loại vỏ chai rượu, cố nhiên toàn rượu tây, chỉ có điều mỗi loại chai chế tạo theo một kiểu dáng riêng. Nếu ở Hà Nội hồi ấy tôi dù biết tới một hai kiểu chai đùn đuồn quê quê của nhà máy rượu Hà Nội, thì ở đây kiểu nào cũng lạ. Cái tròn cái bẹt, cái cao cái thấp, cái đút túi rất thuận tiện, cái to tổ bố trông đã sượng mắt.

Với vài ba lần được sừng sốt như vậy, tôi thấy vỡ ra một điều, hóa ra mình biết quá ít. Và điều đáng sợ hơn, cứ tưởng ít cái đã biết là tất cả những mẫu mực nhất nhất phải theo, rồi chăm chăm nghĩ chuyện sao y bản cũ, lâu dần thành một cách nghĩ khô cứng máy móc, đến nỗi mù mịt quên hết cả tư tưởng tự do lẫn tinh thần thực dụng chân chính. Trong khi đó với khả năng

khơi gợi ý chí sáng tạo chính thúng, cái tư tưởng tự do lẫn tinh thần thực dụng chân chính ấy là những nhân tố cần cho đời sống, kể cả trong những việc nhỏ nhất như... tạo dáng cho mấy cái chai cái lọ vẫn dùng hàng ngày.

Trong số khá nhiều những biến chuyển gần đây của ngành văn hóa, có một số nét mới liên quan đến sự tham gia của tư nhân. Tư nhân có quyền thành lập hãng phim; tư nhân có quyền tham gia vào khâu in ấn, xuất bản, phát hành; tư nhân có quyền thành lập bảo tàng riêng. Ai từng có mặt trong các hoạt động văn hóa mấy chục năm nay đều biết đây là một sự thay đổi vượt bậc. Trước kia chúng ta cứ tưởng làm thế rồi ai quản nổi, không chừng sẽ hư hỏng hết. Nay mới vỡ lẽ hóa ra khi xã hội hóa như thế, nhờ có yếu tố cạnh tranh, các hoạt động văn hóa văn nghệ sẽ có cơ hội phá được thế trì trệ hiện thời.

Đến văn hóa văn nghệ còn có thể làm khác được thì kinh doanh sản xuất còn đợi gì mà không làm khác - làm khác với nghĩa từ bỏ cái nếp sống nếp làm việc cổ lỗ bảo thủ để tìm đến một nền nếp mới, hiện đại, phát huy hết năng lực vốn có mà lại cởi mở, tự nhiên nữa.

18. TÚI NY-LÔNG & MỘT TƯ DUY HIỆN ĐẠI

Chúng tôi đã được biết thứ túi đa năng này ngay trong những năm chiến tranh. Đạo ấy, ny-lông còn là của hiếm. Bằng cách nào đó, nhờ ra có lần có được một cái túi, thì bất cứ to nhỏ thế nào, cũng phải giữ lại để giặt đi phơi khô rồi dùng tiếp, và nói chung là dùng nhiều lần đến khi nó rách hẳn.

Nay thì túi ny-lông các cỡ to nhỏ rất sẵn và được dùng trong nhiều việc.

Mùa hè, ghé vào cửa hàng nước mía mà vội phải đi, bạn sẽ được người ta lấy ra một cái túi đồ nước mía vào, buộc miệng cẩn thận, sau khi đã đặt vào đó một cái ống hút. Túi ny-lông trong trường hợp này đóng vai trò một cái cốc.

Nông thôn cũng như phố huyện ở đồng bằng Bắc bộ xưa, cái bánh gói xôi tùy loại mỗi thứ dùng một loại lá riêng để bọc. Cái bánh rán được lót bằng lá chuối khô. Lạng cốm thì nhất thiết phải gói bằng lá sen và buộc bằng sợi rơm. Nay thì túi ny-lông đảm nhận hết.

Bên những con đường hàng tỉnh bụi bặm mù mịt, ny-lông được dùng để trùm lên đủ mọi mặt hàng. Ny-lông là bao bì bảo đảm vệ sinh, ny-lông lại là tủ kính.

Hình ảnh người đi chợ ngày xưa là phải cái rổ cắp nách. Nay có làm ma to cỡ lớn, các bà nội trợ cũng yên tâm ra chợ không phải mang rổ đi. Thứ gì cũng đã có túi thích hợp để cho vào là vừa.

Tôi ngồi đầu hót với mấy người bạn:

- Đôi khi có dịp nhìn vào thùng rác gia đình, thấy lòng bông đủ màu ny-

lông xanh đỏ, lại nhớ tới những lần tivi cho chiếu cạnh bãi rác, các loại túi nhét đầy của quý xếp chồng lên nhau, nghĩ đất không tiêu hủy nổi cũng thấy lo lo. Nhưng cả thiên hạ sống theo kiểu mới thế này rồi, từ chối làm sao nổi? Thôi thì chỉ có cách là MAKENO, tức mặc kệ nó vậy!

- Cái gì tồn tại cũng có lý riêng! Thời buổi ngày nay, vật liệu phải cùng lúc thỏa mãn nhiều nhu cầu. Như với các thứ túi đựng. Phải mềm phải nhẹ, dễ gấp lại thì không bao nhiêu diện tích, mà mở bung ra thì đựng được mọi thứ. Phải bền để thấm nước không hỏng. Phải bóng lộng để người dùng đỡ xấu mặt. Mà lại phải rẻ để vứt đi không tiếc. Có gì hợp hơn ny-lông bây giờ?

- Nhiều lần mua xong mớ tôm hay khúc cá, tôi vừa ngần ngừ sợ túi rách hoặc không được sạch, các bà bán hàng nhạy cảm ấn ngay cho cái túi to hơn. Túi ny-lông đang trở thành biểu trưng cho sự rộng rãi chiều khách và trình độ văn minh. Trong lúc thành phố chưa thể tự chứng minh rằng mình đang hiện đại hóa (chưa có nhà chọc trời, không có đường cao tốc), thì ta tạm lấy ny-lông ra để an ủi nhau vậy.

Túi ny-lông đáng ca ngợi lắm lắm.

Theo thói quen nghề nghiệp, tôi tự nhiên muốn ngâm nga vài câu thơ.

Có lẽ vì cái nhịp điệu kỳ lạ của nó, lần này, bài thơ đầu tiên vang lên trong tâm trí tôi là bài Ngói mới của Xuân Diệu in trong tập Riêng chung (1960). Hồi ấy ở miền Bắc nhà cửa toàn tranh tre nứa lá, nên đi đâu trông thấy viên ngói đã cảm động. Xuân Diệu bắt được cái ý ấy, đẩy lên thành một tứ thơ lạ. Lúc đầu có ý kiến cho là bài thơ có phần gượng gạo. Sau đọc mãi thấy hay. Nhiều người đã thuộc. Và đã thử đùa nhại đặt cho nó những lời mới. Nhiều bài thơ hay của Bà Huyện Thanh Quan, của Hồ Xuân Hương xưa, của Hàn Mặc Tử, Nguyễn Bính thời nay (cũng như các ca khúc nổi tiếng của Đỗ Nhuận, của Nguyễn Văn Tý...) vẫn được người đời yêu mến theo kiểu ấy.

Tôi cũng xin nhại bài Ngói mới. Thơ Xuân Diệu mở đầu:

Khắp nơi trên những đường đó tôi đi

Tôi đã nghe xao xuyến, râm rì

Ngói mới.

Trên những đường tôi dạo, tôi qua

Tôi đã nghe nhiều những khúc ca

Ngói mới.

Dù đi nhanh, dù đứng lại nhìn

Trong lòng tôi sắc hầy còn in

Ngói mới.

Trong buổi chiều hồng, trong mai xanh

Mắt tôi giờ những trang tốt lành

Ngói mới.

Trong mấy câu này, chỉ cần thay chữ ngói mới bằng chữ túi ny-lông, là đã

tạm được, các bạn làm hộ. Riêng mấy câu cuối tôi muốn gia công thay đổi nhiều hơn, vậy xin đọc thành:

*Tôi đi mua bán, giữa thương yêu
Không biết bao nhiêu chỉ biết nhiều*

Túi ny-lông.

Muốn xài trọn vẹn, tháng ngày xanh

Nhất quyết lòng tôi sẽ hóa thành

Túi ny-lông.

Có vẻ Bút Tre một chút. Nhưng ngại ngừng mà làm gì ny-lông hóa là xu thế thời đại thật. Trong hoàn cảnh hiện nay, khi mà nóng lạnh đột ngột, mưa gió thất thường, rừng cháy sông cạn, rồi sâu bọ phá hoại hoa màu, dịch bệnh không tìm ra thuốc chữa, rồi tham nhũng ngày mỗi sâu nặng, hàng giả bày bán tràn lan, thị trường chứng khoán ngoi ngóp, thất thường, học sinh giỏi làm phát khắp các cấp học... thì mọi sự mau mắn xúc động chỉ làm khổ con người. Tốt hơn hết là giúp cho lòng mình ny-lông hóa một cách tự nhiên. Ất là dễ sống!

19. NĂNG LỰC TỰ KIỂM CHẾ

Các giá trị đạo đức trong sự phát triển kinh tế, là tên bài viết của một nhà nghiên cứu nước ngoài, ông Harry D.Gideonse, trong đó ông đưa ra năm đức tính cần thiết cho một nước muốn đi vào công nghiệp hóa hiện đại hóa. Chú ý đây không phải lời khuyên nhủ hay mách môi làm ăn mà là nói chuyện đạo đức.

Đại khái bài viết cũng gồm mấy điểm nhiều người đã biết, như phải quý trọng tài sản vật chất và tinh thần, phải có tính sáng tạo chủ động đưa ra cái mới, phải có tinh thần trách nhiệm và tin tưởng vào tương lai.

Lạ nhất với tôi là cái điểm đầu tiên mà tác giả này nhấn mạnh: cả xã hội cũng như mỗi cá nhân phải “biết kiểm chế sự ham muốn của mình, hay nói cách khác, phải có một ý chí mạnh mẽ để sản xuất nhiều hơn là tiêu thụ (dẫn theo sách Tâm lý người Việt Nam nhìn từ nhiều góc độ, in năm 2000, tr.79).

Những lời khuyên này là của chính những người đã giàu nay rút kinh nghiệm về việc làm giàu của mình nên không thể xem thường.

Ở một nước như Trung quốc - báo chí phương Tây gần đây phát hiện - sở dĩ nền kinh tế phát triển như một kỳ tích, hệ thống ngân hàng không ngại tới chuyện đổ vỡ, một phần là vì tiết kiệm ở họ rất cao. Tính ra, có tới 40% thu nhập của các gia đình Trung Quốc được dành để chuyển vào ngân hàng, từ đó đầu tư vào việc làm ăn chung.

Quay về nhìn lại nước mình thì sao? Chết bớp, kiểm chế, ăn tằn hà tiện, chín xu đổi lấy một hào vốn được coi là nền nếp đã có từ nhiều đời, không

chỉ ở những người nghèo mà cả những người có máu mặt. Trong một bài điều trần về cải cách phong tục, viết năm 1871, Nguyễn Trường Tộ nhận xét “nhiều quan viên ăn uống sơ sài không bằng nhà trung sản trong dân gian”. Ông kể năm trước tức là năm 1870, sứ bộ ta sang Tây, người Tây thấy sự ăn uống của sứ bộ quá đơn giản, họ bảo “ăn uống như thế mà có sức để bỏ vào phần trí dũng, thật không sao hiểu được”. Hoặc về sự mặc, vẫn theo Nguyễn Trường Tộ, nhiều người thời ấy cố ý làm cho thô vụng xấu xa, và có tục ngăn cấm sự ham đồ tốt đẹp, từ quan đến dân đua nhau càng bớt chi tiêu càng tốt, làm cho những nghề tinh xảo ngày một tiêu mòn.

Trên đây là chuyện hơn một trăm năm trước. Đến thời tôi mới lớn lên tức là năm chục năm trước đây, vẫn còn như vậy. Luôn luôn tôi được nghe người trong gia đình kể là nhà nọ nhà kia hà tiện lắm, có tiền mà không chịu tiêu. Nhân vật lão Hạc của Nam Cao chắc chắn không phải là trường hợp cá biệt, “thà nhịn ăn nhịn tiêu thậm chí thà chết chứ không ăn vào phần của người khác”, cái tâm lý ấy khá phổ biến trong xã hội cũ.

Nay thì cách sống cách tiêu pha của không ít người dân nhiều phần ngược lại. Làm bao nhiêu lo tiêu hết chứ không tiết kiệm làm gì, người ta hồn nhiên tự xác định như vậy. Thậm chí người ta đi vay để mua nhà, đi vay để sắm xe mới, đi vay để cho con đi học. Nhắm mắt mà vay, không cần biết sẽ trả ra sao cũng cứ vay.

Nhiều người sống gấp, sống vội, sống buông thả, hoặc như cách miêu tả của các cụ ngày xưa “vén tay áo xô, đốt nhà táng giấy”. Họ cho rằng thời nay nói chuyện tiết kiệm cũng như chuyện chính chuyên, nghe đều cổ lỗ lắm rồi. Vậy thì mo - phú hết, tận hưởng cái đã. Triết lý sống này âm thầm chi phối khiến cho hàng ngũ những người trung diện khoác lác, khoe của một cách trắng trợn, ngày một đông đảo.

Sự ham muốn không bị kiềm chế. Sự ham muốn đang được thả phanh để muốn đi tới đâu thì đi. Trong khi động cơ sống ở mỗi người được tăng cường, thì cái phanh đã rỉ!

Kể ra điều này cũng có lý. Tinh thần hiện đại đã ảnh hưởng đến tâm lý số đông. Người ta có lý luận hằn hoi: “Phải tiêu nhiều hơn làm rồi ra mới biết cách làm, chính vì cần tiêu mà làm”. “Chết có mang đi được đâu”. Người ta lấy ví dụ về sự ăn tiêu ngất trời ở bên Tây bên Tàu. Có biết đâu chính những Việt kiều ở nước ngoài về cũng phải bảo là sự lãng phí ở trong nước tiến nhanh quá.

Thử đi tìm nguyên nhân dẫn tới cách sống buông thả của con người hiện thời: Vì sau một thời gian quá khổ, nay mới được hưởng chút ít, người ta tranh thủ hưởng? Vì chưa có tiền bao giờ nên không biết tiêu tiền? Vì cảm thấy cuộc sống đầy những may rủi ngẫu nhiên không biết tin điều gì? Vì bi quan về tương lai? Vì một triết lý hư vô đang ngự trị? Tất cả những lý do ấy hợp lại chi phối cách sống của chúng ta.

Dư luận mới chỉ chú ý tới các tệ nạn xã hội. Những vụ đột nhập vũ trường, quán rượu cho thấy trình độ hưởng thụ ngày càng cao. Những vụ buôn lậu thuốc phiện và các chất ma túy có quy mô mỗi ngày một lớn hơn. Nhưng tôi cho rằng cái triết lý hưởng thụ thâm sâu trong những người dân thường mới đáng ngại, nó là một trong những yếu tố níu kéo chúng ta trên đường phát triển, mà lại chưa được chỉ mặt gọi tên một cách đúng mức.

20. THÍCH ỨNG ĐỂ TỒN TẠI

Đã lâu lắm rồi hôm ấy, Dần, nhân vật chính trong truyện ngắn Một đám cưới (Nam Cao viết năm 1944) mới có cái quyền đi chợ. Chẳng qua là nhân ngày cưới của cô. Ông bố dặn mua lấy hai xu chè. Cô gái trả lời hai xu bây giờ ai bán. Và cô thẽ thọt nói thêm:

- Ông lão cả đời không đi chợ, cứ tưởng chè rẻ lắm. Quen với ngày xưa, độ một xu một ấm. Bây giờ năm xu, nấu đặc chỉ được một ấm là hết xoăn.

Có thể xem đây như bằng chứng đầu tiên về tình trạng giá cả leo thang trong xã hội mà văn chương có dịp ghi nhận.

Hóa ra từ hồi nào, nền kinh tế ở xứ này đã là một cái phao bập bênh và những thay đổi tận đâu đâu trên thế giới đã ảnh hưởng ngay đến người dân thường ở những vùng đất xa xôi hẻo lánh bậc nhất.

Trước tình trạng gần như không thể kiểm soát nổi ấy, người ta bàn đến cách đối phó. Tôi đồ chùng hàng ngày, trong các gia đình, trong các nhóm bạn bè ngồi quán tán gẫu, và trong đầu óc từng người nữa - như là có hàng ngàn hàng vạn cuộc hội thảo nhỏ nhỏ diễn ra liên tục, ở đó mọi người nhao nhao đăng đàn diễn thuyết trao đổi ý kiến. Than phiền, kêu la. Ngậm ngùi lo lắng. Bảo nhau phải thắt lưng buộc bụng...

Riêng tôi thì lại hình dung ra một loại kịch bản khác. Một số người... mặc kệ. Họ tự nhủ:

- Dễ người dễ ta, khó người khó ta.

- Rồi sẽ có cách, không chết được mà sợ. Nếu gặp khó mà chết thì chúng mình chết từ hồi tám hoánh nào rồi!

- Anh nào biết cù nhậy là anh ấy sống.

Con người nơi đây vốn quen thích ứng với mọi hoàn cảnh. Kẻ thông minh là kẻ không biết sợ. Các quyết định mới được hình thành nhanh lắm. Giả sử như tôi đang có một cửa hàng thuốc tây. Có mà ngớ ngẩn thì mới sợ rằng thuốc nhập giá tăng rồi không ai mua. Còn có người ốm thì còn có người cần thuốc, mà lúc cái bệnh nó đã thúc vào lưng thì giá cắt cổ vẫn cứ phải xì tiền ra. Vậy thì giá nhập tăng một, ta tăng hai ba, và như vậy chuyện cân thịch, lít xăng leo thang có ăn nhằm gì, không chùng lại là một cơ hội đẹp để hốt của. Ấy cái khó ló cái khôn chính là như thế.

Sự thông minh tính toán kiểu ấy không phải độc quyền của dân buôn thuốc. Một người đã nghĩ được, thì mọi người ở mọi ngành nghề đều có thể có ý nghĩ tương tự. Ai nấy dường như có thêm động cơ để mạnh tay hơn trong những việc lâu nay còn vừa làm vừa run. Các nhân viên kiểm lâm yên tâm hơn trong việc thông đồng với đám lâm tặc nhằm triệt phá rừng. Dân hải quan hoặc thuế vụ có cớ để tự nhủ rằng “không vôi vĩnh ai sống nổi?” Nhà khoa học khua nót mấy công trình nghiên cứu dang dở mang nghiệm thu, để

còn kịp xin kinh phí đợt mới. Bất chấp sự tăng tốc của mọi người, bác trông giữ xe máy tự lúc nào đã nhẹ nhàng tăng giá từ một ngàn lên thành ngàn rưỡi hai ngàn. Còn người nông dân tự do thì không có gì phải hối hận trong việc chiếm dụng đất đai ven các quốc lộ, kéo nhau đi đào vàng hoặc khai thác than thô phi, rồi tràn vào thành phố cân điều cân thiếu khi đập xe bán rong một vài mặt hàng, kể cả bán những thứ hoa quả có phun thuốc sâu vượt quá nồng độ cho phép...

Tạm thời có thể mô hình hóa thành mấy cách phản ứng:

1/ Người sống bằng gian dối có cơ để gian dối.

2/ Người tham những hợp pháp hóa được việc ăn cắp của mình.

3/ Người sản xuất không cân phân vân khi đưa ra hàng kém hàng hỏng.

Mỗi người có thêm lý do để hạ thấp chất lượng cuộc sống mà mình có tham gia. Không ai còn thấy thương khi sự tồn tại của bản thân được đặt cao hơn lợi ích xã hội.

Một nhân vật trong Anh em Karamazov của Dostoievski từng bảo “Sống trong bất cứ hoàn cảnh nào, đó là truyền thống của họ Karamazov nhà ta”. Không phải người Nga, nên không quen khái quát thành công thức trừu tượng, nhưng trong bụng nhiều người đã tự nhủ thâm như thế.

Điều dự đoán cuối cùng của tôi: Ngay cả các đám ăn nhậu rồi ra cũng đông vui hơn. Muốn chống lại tình trạng giá cả leo thang mà không ăn uống cho no say thì lấy đâu ra sức hờ trời? Mỗi lần tan cuộc là một lần sang khoái trong bụng dù còn có cách tự nhủ thời buổi này tiết kiệm làm gì, không hưởng thụ ngay bây giờ thì có nghĩa không bao giờ ta được hưởng thụ cả! Trong cuộc nhảy múa để tồn tại, một thứ men say của hiện sinh tràn đến tự lúc nào làm cho người ta ngây ngất. Cái sự thụ động mà cô Dần của Nam Cao xưa chấp nhận đã thuộc về một dĩ vãng quá xa; giá kể có sống lại, chắc nhân vật ông bố trong truyện Một đám cưới sẽ phải mấy lần lắc đầu le lưỡi: “Èo! Mẹ ơi!”

21. CON NGƯỜI SUY THOÁI?

Trời sinh vua để làm vua / Và thi sĩ để làm thơ ru đời / Một ông vua trái luật trời / Việc vua thì nhác, lại đời... làm thơ.

Trên đây là đoạn mở đầu của bài thơ Nhà vua và nhà thơ của Tú Mỡ, in trên báo Ngày nay ở Hà Nội năm 1939, tức gần bảy chục năm trước. Câu chuyện tiếp tục như sau: Sau khi làm thơ xong, vua lại thích đưa cho các cận thần đọc để kiếm lời khen. Một vị quan kiêm thi sĩ - quan ngày xưa người nào cũng làm thơ và thạo thơ - mới nói toẹt ra rằng thứ thơ đó chả ra gì. Thế là vua cho ông ta vào nhà pha (tiếng ngày xưa chỉ nhà tù).

Sau vua có ý hỏi, cho người đến nói với nhà thi sĩ chân chính nọ là sẽ thả

ông ta ra, miễn ông ta nói rằng thơ vua hay. Tức là tiếp tục buộc ông ta nói dối. Trong cảnh tù đầy, ông này phải nghĩ một lúc. Tú Mỡ viết “Phân vân bên tội bên tình / Nhà thơ tỏ vẻ bực mình bần khoản / Cắn môi mắt nhú mày nhăn / Trong đầu như nổi mấy lần phong ba / Ngập ngừng lời chẳng nói ra / Nói hư? Nói thực? Biết là làm sao?”

Bài thơ kết lại bằng hai câu bất ngờ “Khổ tâm thi sĩ cúi chào / Muôn tâu thân lại trở vào nhà pha”.

Tôi thường nhớ tới bài thơ này (đúng hơn là một thứ vẻ vui vui) để nhắc mình một sự thực: là con người ngày xưa tốt quá. Tôi tin không phải ở đây Tú Mỡ muốn nêu một tấm gương cốt dạy dỗ thiên hạ (kiểu các đồng nghiệp của tôi đương thời). Mà ông chỉ miêu tả một sự việc có thực, hơn nữa một sự việc điển hình.

Tức là người xưa phần lớn cư xử như viên quan kiêm nhà thơ ở đây đã làm.

Thế thì sao lại bảo bài thơ có cái kết bất ngờ? Đó là đặt vào tâm lý của người hôm nay. Vào những trường hợp tương tự, tôi ngờ phần lớn con người hôm nay sẽ cư xử kiểu khác. Để khỏi vào nhà pha thì bảo làm gì cũng làm. Mà chẳng đợi đến cuộc mặc cả cuối cùng; trước đó, bởi thừa biết rằng nếu khen vung cả lên sẽ thủ lợi, người ta tranh nhau khen từ đầu cả rồi.

Nói tốt quá còn chung chung. Cái chính là người xưa, hơn bù kém, tốt hơn so với con người hôm nay. Và chẳng nhìn rộng ra thì thấy con người hồi ấy, cả giàu lẫn nghèo, cả ông to lẫn ông nhỏ, chẳng những không nói dối nịnh bợ mà còn giữ được nhiều phẩm chất cao đẹp. Tôi nhớ tới nhiều trường hợp khác. Các nhân vật của Thạch Lam như mẹ Lê nghèo khổ, như cô hàng xén đảm đang đều đồng thời là người tự trọng và cứng cỏi. Lão Hạc của Nam Cao thì “trên cả tuyệt vời”, thà chết chứ không ăn vào vốn của con cái. Cũng liên quan đến Nam Cao là trường hợp của Chí Phèo. Trong một cuộc hội thảo, một nhà nghiên cứu đã nhận định “Chí Phèo tỉnh, Chí Phèo không say”. Bởi chỉ một người sáng suốt trong giây phút hệ trọng của đời mình mới biết hỏi “Nhưng ai cho tao lương thiện?”

Xuân tóc đỏ thường được xếp vào loại nhân vật xấu xa bậc nhất trong văn học tiền chiến. Nhưng đọc kỹ thì thấy chính ra Xuân khá thông minh, lại chịu học hỏi để thích ứng với thời đại. Và biết điều và tự trọng nữa: Lúc được Văn Minh hứa gả cô Tuyết, Xuân nói thẳng cái nguồn gốc xuất thân hèn hạ của mình. Ở chỗ này Xuân biết mình biết người, và sòng phẳng nữa!

Trên đây chỉ là một vài phẩm chất mà con người ngày nay đánh mất.

Không khó khăn gì lắm để tìm ra lý do khiến chúng ta có nhiều thói xấu như vậy. Trước hết là cuộc chiến tranh kéo quá dài. Trong Câu chuyện triết học, phần viết về H.Spencer, W.Durant cho rằng “xã hội chiến tranh thường ca ngợi một vài đức tính (nguyên tắc ứng xử - VTN) và dung túng những việc mà các dân tộc khác xem là có tội”. Nếu nơi không chiến tranh, con

người quảng đại và nhân đạo, thì nơi chiến tranh kéo dài, người ta quen với cướp bóc phản bội. Đây là luật phổ biến song ta thường quên và tự cho mình là một ngoại lệ. Con người hôm nay lao vào cuộc làm ăn kinh tế, mà thói quen sống kiểu chiến tranh còn nguyên vẹn. Kinh tế thị trường rút lại được hiểu là thói cạnh tranh không lành mạnh, nói nôm na là chúa đã chết, ai muốn làm gì thì làm. Thành thử có xảy ra lộn xộn hỗn hào thì cũng là điều dễ hiểu. Từ chỗ chăm chăm chửi bới kẻ giàu cho rằng kẻ giàu là xấu, nay người ta lao vào làm giàu để rồi lãnh đủ những xấu xa bỉ ổi đó, và đưa cái ác lên một trình độ hiện đại đáng sợ!

Trong một cuốn sách mang tên Miền đất huyền ảo, có phụ đề Các dân tộc miền núi nam Đông Dương (tác giả Jacques Doumes, Nguyễn Ngọc dịch, NXB Hội nhà văn in năm 2003), ở trang 13, tôi đọc được một lời cảnh cáo:

Định mệnh của con người là vươn tới tiến bộ. nhưng mọi sự tìm tòi sẽ là vô nghĩa và kết quả sẽ là tai họa nếu vận động đó lại dẫn đến sự suy thoái về nhân cách. Có nghĩa gì một sự tiến bộ kỹ thuật nếu nó giết chết tinh thần?

22. VÔ CẢM & BẤT LỰC

Ô nhiễm ở các đô thị gấp hàng chục lên mức cho phép. Rừng bị tàn phá hàng ngày. Khoảng 16.000 công chức ưu tú bỏ việc nhà nước ra làm riêng. Học sinh thi tốt nghiệp phổ thông viết những bài văn đọc lên cười ra nước mắt. Lạm phát con số. Phân bón bán cho nông dân cũng giá...

Hàng ngày các tin tức thuộc loại tiêu cực đã quá nhiều. Nhiều tới mức câu chuyện “người Việt thuộc loại chuộng dưng hàng ngoại nhất châu Á” do một tổ chức nghiên cứu quốc tế nêu lên, và vài tờ báo ở ta đăng lại... chẳng khiến ai bận tâm.

Thế nhưng vẫn có những người nhắc tới. Đó là đám bạn mà tôi tạm gọi là mấy anh A.B. C. D. Dưới đây tôi sẽ trình bày tóm lược các ý kiến của họ.

Thoạt tiên anh B muốn chứng minh rằng hiện tượng sùng ngoại quá phổ biến là bởi những lý do chính đáng:

- Vừa rồi tôi với bà xã vào một cửa hàng kiếm một cái áo phông. Chọn ngay được một cái mặc rất hợp, đến lúc xem ra hóa hàng Tàu. Hơi ngán, mới cô lòng bằng được mấy cái hàng nội. Nhưng của mình cứ thế nào ấy, gò bó khó chịu, mà trông lại cũn cỡn, khiến mặc vào đâm hèn cả người.

Anh C - vốn thích nghiên cứu tâm lý - thử khái quát:

- Nền sản xuất ở ta xuất phát từ mặt bằng quá thấp. Làm bừa làm ẩu đã thành cái nếp phổ biến. Hồi trước cả xã hội khép kín, hàng hóa không có, buộc người ta phải dùng. Dùng một cách rẻ rúng, với một định kiến nặng nề. Nay có điều kiện là người ta bung ra thôi, ai còn phân biệt nội với ngoại gì nữa!

Anh C đồng tình:

- Trong thâm tâm, mọi người đã định ninh rằng hàng mình không bao giờ bằng hàng người. Không ai bảo ai đều nghĩ tranh thủ mua lấy những thứ hàng ngoại nhập, cho biết mùi văn minh và hiện đại.

Mọi người có vẻ ngùi ngùi cảm động. Anh D, có tiếng là lắm sáng kiến:

- Vậy ta phải làm cuộc vận động. Vừa phải giáo dục quần chúng lòng tự tin dân tộc lại vừa phải giúp các cơ sở sản xuất nâng cao chất lượng lấy lại uy tín.

Lúc này anh A mới lên tiếng. Đúng hơn là anh cho chúng tôi một gáo nước lạnh:

- Các anh nói xong chưa, đến lượt tôi nhé. Điều tôi nhấn mạnh là căn bệnh này nay đã quá phổ biến và con người dường như chỉ còn khoanh tay kệ nó hoành hành. Tại sao? Đặt mình vào tình thế người đi mua xem, người dân có cái lý riêng của họ. Như anh B nói, căn bản hàng ta làm kém quá. Hãy xét về lý, tức thử tính mối quan hệ giữa chi phí và hiệu quả. Mua hàng nội tưởng là rẻ hóa đắt, mua hàng ngoại tưởng đắt hóa rẻ. Bởi vậy, không có tiền thì thôi, chứ có tiền tôi mua hàng ngoại ngay. Trong việc chi tiêu, không thể có chuyện sĩ diện và tự trọng hão được.

Đừng có ảo tưởng mà nghĩ rằng trong hoàn cảnh hiện nay, cần kêu gọi dùng hàng nội để giúp cho các ngành sản xuất trong nước phát triển. Đây là lý thuyết thôi, chứ thực tế thì... Nói thật nhé, tôi cam đoan chính cái cánh hay kêu gọi mình dùng hàng nội ấy, lại toàn xài hàng ngoại. Vào nhà họ mà xem, con cái họ ăn ở thế nào thì biết ngay.

Chả trách họ được. Chúng ta đã quá quen với lối sống một đằng nói một nẻo, nói vì có yêu cầu phải nói như vậy chứ còn làm thế nào thì tùy. Nếu đây đó người ta còn dùng lại cái chiêu bài chiêu cổ hàng nội, chẳng qua chỉ vì lảng tránh không dám bước vào cuộc cạnh tranh chính đáng. Tức muốn bảo vệ cho sự lười biếng trì trệ.

Nói ra thì bảo ác, chứ tôi cho rằng phải để cho hàng của nhiều hãng bị ế, công ty của họ phá sản đi thì may ra họ mới chịu đổi mới.

Đến lúc ấy nghĩ lại, họ lại cảm ơn mình không biết chừng. Vì nhờ mình ghẻ lạnh mà họ nên người.

- Vậy hóa ra theo anh dùng hàng ngoại là một cách thúc đẩy xã hội tiến bộ?

- Tôi không cực đoan đến mức ấy. Tôi chỉ muốn nói rằng phải xem xét sự việc từ nhiều góc độ, và đừng bị những thói quen cũ chi phối.

Câu chuyện tại sao người mình ưa dùng hàng ngoại của chúng tôi kết thúc ở đây, mà chẳng đi đến một kết luận nào cả. Người nói cuối cùng - người ghi nhận rằng đây là một tình thế bất khả kháng, thấy thuyết phục chúng tôi dễ dàng quá, tự nhiên cũng bị hẫng. Anh thủng thủng nói với giọng buồn buồn:

- Tôi nhớ nhất là khi vợ con ốm, mình phải đi mua thuốc. Trên đường đi

đã tự nhủ loại này nước mình làm được, mua hàng nội cho nó đúng cái tinh thần hiện đại, mà lại được tiếng là một người yêu nước. Nhưng cứ đến lúc cô bán hàng hỏi anh dùng loại nào là y như rằng cho tôi mấy viên của Pháp của Mỹ nếu không thì Hàn Quốc cũng được. Vì cứ sợ mua hàng nội về kém chất lượng, người ốm có khi lại ốm thêm. Thói quen này đã như một thứ tứ chứng nan y rồi, người ta đã quen chung sống với nó và hoàn toàn vô cảm, coi như tự nhiên. Thi thoảng có lúc tự đối diện với bản thân, thấy ngay là con người mình đã tha hóa và hèn yếu đi từ lúc nào rồi! Nhưng ai cũng thế, tách riêng mình ra sao được?!

23. CHỐNG THAM NHỮNG KIỂU CHÍ PHEO

Trong các chương trình địa lý mà bọn tôi học hồi còn quãng khăn đờ thường có câu đất nước mình rừng vàng bể bạc. Những năm sau hòa bình, tin tức về các mỏ than thường in trang nhất trên các cột báo. Còn hiện nay, nhớ đến các vùng mỏ là tôi nhớ tới khai thác theo lối thổ phỉ. Vài cái lều như lều vẹt được dựng lên. Rồi từng bao tải con con được buộc sau xe đạp và chuyên tay từ xe nọ sang xe kia. Trên nền của một vùng đất hoang sơ, con người sao mà bé nhỏ thảm hại!

Đó là những tin tức đúng với cả các mỏ thiếc, măng-gan ở Cao Bằng, mỏ cơ-rôm ở Thanh Hóa cho đến các mỏ sắt ở Trại Cau Thái Nguyên.

Mùa hè 2004, có dịp nghỉ ở Sầm Sơn, tôi được nghe một cậu xích lô giải trình về tình trạng đường sá ngổn ngang ổ gà khắp khênh: “Có gì lạ hả bác, ban ngày giao thông vừa đổ cát sỏi ra đường, thì đêm dân họ ra họ hốt về xây nhà xây sân đâu mà còn vật liệu làm đường”.

Còn việc sau đây thì xảy ra ở Hải Phòng: một cây cầu mới xây bị bà con mình tháo nậy cả ốc vít, bù loong, để mang bán đồng nát.

Những phản ứng mang tính chất thách thức cả pháp luật như thế này rõ ràng là cách phản ứng tự phát của người dân.

Điều đáng nói là ta hãy nghe họ lý sự:

- Không ăn thì mấy ông chính quyền cũng ăn.
- Các ông ấy ăn nhiều chứ mình được mấy.

Thì ra họ phản ứng. Họ chống tham nhũng và quản lý kém bằng cách thêm một tay đẩy nhanh cái quá trình tiêu cực ấy.

Mà đây không phải chỉ là những phản ứng vật.

Có khi nó là phản ứng chi phối cả một cách sống.

Vụ thi cử nào cũng kèm theo bao tai tiếng. Dầu vậy, trong nhận thức của nhiều người tôi quen, so với những vụ PMU 18 hoặc Vietnam Airlines, hoặc Vedan... thì những bê bối trong ngành giáo dục thường được xem là chả thấm thía gì. Nói chung, người ta dễ thông cảm với chuyện mấy ông chính

quyền địa phương dung dưỡng cho các trường “tùy nghi” trong thi cử, người ta lại càng dễ bỏ qua cái chuyện mấy bậc cha mẹ học sinh xông vào tận trường thuê người giải bài rồi ném đáp án cho thí sinh. Đó là không kể những cuộc chạy đôn chạy đáo xoay sở chuẩn bị cho con vào đời. Hình như trong muôn vàn thứ tội hối lộ, cái chuyện hối lộ để con cái có được mảnh bằng là dễ tha thứ nhất.

Tại sao lại có tâm lý như vậy? Ở đây lý do chủ yếu là chúng ta quen nghĩ gân, chỉ xem cái gì dính đến đồng tiền mới đáng bàn và chỉ có việc trước mắt ai cũng trông thấy mới là việc lớn. Tuy nhiên, tôi nghĩ đến một lý do sâu xa hơn: với nhiều người dân thường, nay là lúc hiện tượng tham nhũng đầy rẫy ấy là bất khả kháng. Vậy thì chỉ có một cách tốt nhất để đỡ thiệt là họ cũng phải được tham dự vào cái bộ máy quan liêu đang hái ra tiền. Mà làm gì có phép màu nào khác, ngoài cách kiếm cho con cái các loại bằng cấp danh hiệu. Rồi chịu khó xuất ít vốn mua chức vụ, từ đó len dần vào bộ máy, để có cơ hội tham nhũng như ai. Tham nhũng rồi sẽ hoàn vốn, người ta ngấm ngấm rút kinh nghiệm. Và không hện mà nên nhiều người đã gặp nhau ở cái “ý tưởng lớn” đó.

Đọc trên một số tờ báo, thấy nói các cuộc đình công trên toàn quốc đã lên đến con số hàng ngàn. Và trên diễn đàn Quốc hội, khi bàn về luật lao động các đại biểu có xu hướng muốn xem việc đình công này là một phản ứng tự nhiên, có sự tranh chấp không thỏa đáng thì phải có đình công, không thể vì có “bảo đảm yêu cầu quản lý, yêu cầu ổn định” mà xem cuộc đình công nào cũng là bất hợp pháp.

So với cách phản ứng trực tiếp bằng đình công của công nhân, thì cái cách bà con “nhẫn nhục chung sống với bất công” “lấy tham những nhỏ để chống tham những lớn mà tôi thử miêu tả trên đây rõ ràng mang tính cách tiêu cực. Nói nôm na tức là cách “chống tiêu cực” ấy có vẻ Chí Phèo và nó gây hại ngay đến cả người trong cuộc, nó hạ thấp người ta xuống - hẳn có người sẽ phê phán. Vâng, tôi cũng biết vậy, chẳng qua ghi lại ở đây để muốn lưu ý rằng đạo đức và lối sống của toàn xã hội là có liên quan đến nhau. Nếu trước một việc xấu chúng ta xử phạt không nghiêm, thì không chỉ gây hại trước mắt mà còn để lại nhiều di lụy ngoài ý muốn. Cái tốt gọi cái tốt, còn như cái xấu lại gọi cái xấu bùng phát theo, xưa nay bao giờ chẳng vậy!

24. NHỮNG BAO KHOAI TÂY LÙNG CÙNG

Chỉ cần đứng ở các đầu ô, theo dõi sự giao lưu hàng hóa trên con đường nối Hà Nội với các tỉnh, người ta cũng sớm nhận ra thực chất các mối quan hệ giữa đô thị với các vùng nông thôn chung quanh ta hiện nay. Đổ lên phố xá, chỉ thấy gạo nước, những bu gà (trước đây còn cả những con lợn đã mổ),

những xe thô chở rau kèn càng, hàng đoàn xe đạp ngắt nghêu cây cảnh. Xuôi đi các tỉnh thì trăm thứ bà rần, vải vóc, quần áo, đồ điện, thuốc tây,... Và cả những đồ chơi trẻ con. Ngày xưa có ai đi mua điều để thả bao giờ? Bó khéo tay thì làm cho con cái điều. Thô sơ mộc mạc, nhưng mà đúng “cây nhà lá vườn” và hợp với khung cảnh quê mình. Ngày nay, mùa hè, điều từ Hà Nội đưa về là điều nhựa, xanh xanh đỏ đỏ, ai cũng biết là nhập lậu từ Trung Quốc.

Kiểu quan hệ hai chiều như thế, kể ra, cũng là một bước phát triển. Nông thôn ta đang được hưởng nhiều thành tựu của công nghiệp.

Chỉ phiên một nổi, nông thôn ta lao động đã thừa, giờ đây càng thừa thêm. Những ngày nông nhàn, ngoài việc chạy chợ, người ta không biết làm gì. Thị trường cổ truyền bị thu hẹp. Người làm nghề phụ đang mất đất ngay trên quê hương mình.

Tôi không ngó ngán đến mức đề nghị bịt đường, không cho hàng hóa thành thị về nông thôn. Tôi chỉ ước ao thực hiện cái điều nhiều người đã biết, tức là làm sao các nghề phụ ở nông thôn được tổ chức lại, từng vùng có mặt hàng riêng, đủ sức cạnh tranh với các mặt hàng ngoại nhập (nếu không tốt hơn, đẹp hơn, thì cũng rẻ hơn, vừa túi tiền hơn). Nó là chuyện giải quyết lao động thừa. Nó lại cũng là một cách để giữ gìn một số làng nghề truyền thống, và nhìn rộng ra, là giữ gìn cái bản sắc riêng của dân mình.

Có điều đây là có một quy trình phức tạp. Phải có vốn. Phải có kỹ thuật mới. Phải tạo được mô hình hoạt động thích hợp... Và trước tiên những người làm nghề phải có ý thức kết hợp với nhau.

Nhưng đây đang là một tử huyệt của chúng ta. Nghĩa là muốn làm lắm mà không làm nổi. Không ai bảo được ai. Không ai thấy người khác hơn mình, không ai tin ở sự chí công vô tư ở những người được bầu ra quản lý. Trong bụng ai cũng ngại.

“Nền sản xuất của chúng ta hiện trong tình trạng quá manh mún. Nếu không được tổ chức lại, chúng ta rất khó cạnh tranh với các xí nghiệp nước ngoài”.

Còn nhớ từ hồi chuẩn bị tinh thần cho việc gia nhập WTO, các nhà kinh tế đã cảnh báo như vậy. Nhìn vào ngành nào tôi cũng thấy họ cùng một giọng tiên đoán:

“Nếu các công ty du lịch của chúng ta không liên kết lại, làm sao ta mở rộng hoạt động...”

“Nếu các điền chủ Việt Nam không liên kết lại, làm sao cạnh tranh nổi với hàng nông sản nước ngoài”.

Nhưng những lời kêu gọi ấy trước sau đều rơi tõm vào quên lãng.

Một lần đọc báo thấy nói các công ty mình mang thanh long sang nước ngoài bán. Lúc đầu mọi người còn bảo nhau thống nhất giá. Sau một vài người đi đêm với khách, bán phá giá. Thế là người mua càng được dịp bắt

chết.

Cụm cảng Sài Gòn hiện nay gồm nhiều cảng nhỏ, số lượng đầu đến mấy chục cái(!). Nhưng toàn thứ cảng chỉ đón được tàu vài chục ngàn tấn. Đang xảy ra tình trạng vừa thiếu vừa thừa. Trong hoàn cảnh thế giới người ta xài toàn tàu lớn thì số cảng như thế không thừa sao được? Song lại vẫn là thiếu vì các loại tàu từ tám trăm ngàn tấn trở lên, chở hàng vào Việt Nam, thường phải đổ hàng qua cảng lớn của mấy nước bên cạnh, như Singapore, rồi “tăng bo” qua ta sau. Dự đoán ngành vận tải còn là thất thu, xuất nhập khẩu càng phát triển thì thất thu càng nặng.

Trong cảnh ế hàng, các cảng tí xiu phải hạ giá để mời khách hàng chiếu cố, và giữa các cảng có sự tranh khách rồi lườm nguýt nhau đến khổ.

Không chỉ dừng lại ở việc làm ăn sản xuất, cái căn bệnh làm ăn lẻ cái nếp sống rời rạc “anh hùng nhất khoảnh” này đang chi phối cả xã hội và nó tác oai tác quái hàng ngày. Nhiều con đường, anh giao thông vừa làm xong anh điện ra đào lên để đặt đường điện, anh nước san lấp để đặt ống nước. Hàng hóa lúc thiếu thì mua tranh bán cướp, và vừa cảm thấy thừa là đua nhau bán phá giá. Mỗi bộ mỗi ngành một luật lệ riêng, người dân vào đâu lại phải lựa đấy.

Nếu những ví dụ tương tự như trên có thể nêu ra rất nhiều thì câu hỏi đặt ra là tại sao chúng ta khó cộng tác với nhau đến vậy. Tôi nghĩ rằng đã đến lúc không chỉ các nhà kinh tế, mà các nhà nghiên cứu tâm lý xã hội cần phải có mặt.

Lại nhớ một nhận xét của Marx về người nông dân sản xuất nhỏ lẻ: Họ giống như những củ khoai tây cùng nằm trong một bao tải; đúng là họ giống nhau thật nhưng giữa họ lại chẳng có liên hệ gì với nhau hết. Mạnh ai nấy sống. Đôi khi người này tưởng rằng người kia là nguyên nhân của mọi bất hạnh của mình. Và chen cạnh nhau, phá hại nhau, làm cho nhau bầm dập đau đớn mới thôi.

Có thể khoác đủ mọi tên gọi khác nhau song thứ tư tưởng nông dân này đã tồn tại dai dẳng, và làm nên cái tình trạng “ta tự hại ta”, níu kéo cả xã hội lại.

25. XIN NHỚ NHẮC NHAU MỖI KHI BÀN CHUYỆN HỘI NHẬP!

- Hà Nội đẹp lắm nhưng cứ mãi mãi là tiềm năng.

- Chơi Hà Nội nửa ngày là hết.

- Khách nước ngoài qua đây chỉ để đến Sapa, Vịnh Hạ Long, chứ nếu có thể đến thẳng các nơi kia thì họ cũng chẳng cần ghé Hà Nội làm gì.

Đọc những dòng thư bàn về du lịch Hà Nội mà chua xót. Lượng khách nước ngoài không giảm đi thì cũng không tăng lên. Hoặc nếu có tăng, cũng còn lâu mới tương xứng với khả năng ta có. Mà làm sao ư, làm sao họ ở lâu được khi cách tổ chức hết sức luộm thuộm, người hướng dẫn kém cỏi, giao thông đầy hiểm họa, người dân chỉ tìm cách xoay tiền của họ chứ không phải là đón họ như quý khách. Khi phải ngồi xích lô mà tham quan phố phường - chứ làm gì còn vỉa hè mà đi - và miệng thì bịt chặt trong chiếc khẩu trang che bụi, chắc nhiều du khách không khỏi tự nhủ thậm là chỉ đến một lần chứ không quay lại nữa!

Đón người đã vậy mà đi ra với người thì cũng chẳng khá gì hơn. Chẳng hạn sang xứ người ta ít ngày, dân du lịch người Việt như chim sổ lồng, bay loạn xạ, chẳng chịu đi theo hướng dẫn, chỉ quần vào với nhau rượu chè, có khi đá ngay cả trên xe ô tô. Đi làm thuê thì bỏ hợp đồng, trốn xưởng ra ngoài làm ăn chui nhui, đến mức cả những thị trường đầy tiềm năng cũng “lạy cả nón”, chịu không dám nhận lao động Việt Nam nữa.

Lại có tin nhiều nước có biển cấm không cho tàu Việt Nam vào cảng. Lý do: tàu mình bé con con, trang bị cũ kỹ, xả ngay chất thải xuống biển; thủy thủ lên bờ tiếng không biết, luật pháp không hay, dễ làm càn làm bậy. Nghe cũng có lý, giá địa vị mình, mình cũng làm thế!

Thời gian 1986-1989, tôi làm chuyên gia xuất bản ở Moskva, cũng là thời gian người Việt sang Nga như trảy hội. Sân bay Seremetsevo, vào những giờ có chuyến bay về Hà Nội, nhìn đâu cũng thấy lớp lớp đầu đen mái miết kéo hàng và chen bặt cả người ta đi. Vì quá nhiều hàng cấm do sợ vào không lọt. Vì làm thủ tục lâu, chỉ sợ lỡ thời hạn. Dân các nước khác, có chuyến bay cùng giờ, ớn đến cổ, và chịu không nổi, phải đề nghị xếp riêng giờ cho các chuyến bay về Việt Nam. Miễn không phải vào cửa kiểm soát cùng với dân mình, còn họ đi trước hay đi sau cũng được.

Nhân chuyện này tôi mới hiểu tại sao, người ta kể là dân Việt ở nhiều nước bên châu Âu, chỉ biết sống tùm tùm với nhau thành những ghetto, chứ không sao hòa hợp được với người bản xứ. Cái sự sống “vón cục” lại và chỉ “trơ khác” với nhau như thế này, từ vài chục năm nay cản trở ta rất nhiều. Nhưng mãi kiếm ăn, mấy ai để ý.

Trên báo Người Hà Nội, Tô Hoài từng có bài viết kể chuyện mười năm

nay, từ Đồng Tháp Mười trong Nam đến chung quanh Hà Nội, người ta dùng bẫy cát-xét để bẫy các loài chim và mang từng xâu bán ra sao. Rồi ở Tam Đảo người ta tận diệt bướm. Cũng ở Tam Đảo, Ba Vì, dân tứ chiếng mang thang dây và cưa máy đi tróc nã những cụm phong lan tự nhiên. Tác giả Dế mèn khép lại bài bằng câu hỏi. “Rồi một ngày kia trên mặt đất, trên bầu trời, sẽ hết chim hết hoa, thì con người ở với ai?”.

Chuyện hôm nay của tôi không phải là chuyện chim chuyện hoa, mà là chuyện người. Cách nói quá lên như của Tô Hoài mang ý nghĩa một lời cảnh tỉnh. Nên tôi thường nhớ tới nó, thậm chí còn máy mò muốn kể lại để người thân và bạn bè cùng suy nghĩ và bàn bạc, mỗi khi nghe mọi người hào hứng bàn chuyện Việt Nam gia nhập WTO.

26. QUA TIẾP XÚC VỚI NGƯỜI MÀ HIỂU THÊM MÌNH

Vào những năm chiến tranh, dân Hà Nội không mấy ai dám mơ tới chuyện được đi nước ngoài, cả đám viết văn cũng vậy. Nên hè 1973 khi nhà thơ Xuân Sách ở tạp chí Văn nghệ Quân đội chúng tôi được xếp một chân trong đoàn Việt Nam đi dự liên hoan thanh niên và sinh viên ở Berlin thì tất cả cơ quan đều ồ lên kinh ngạc. Trở về, ai cũng ướm hỏi người đi xa xem có cảm giác gì lạ. Còn nhớ lúc ấy Xuân Sách dành cho bọn tôi một bất ngờ quá thú vị, khi bảo:

- Ra nước ngoài mới thấy mình thật là người Việt Nam. Ví dụ ư, cứ lâu lâu lại vồ vào túi quần, chỉ sợ mất cắp. Phải nói là kỳ, vì có người nước nào người ta thế đâu?

Gần đây hơn, một cô diễn viên cũng dành cho người đọc chúng tôi một bất ngờ tương tự, khi trả lời trên mặt báo về cảm tưởng sau một chuyến tham quan nghề nghiệp:

- Diễn viên nước người ta lao động cứ gọi là mưa mặt ra. Nhận vai về đọc sách nghiên cứu thể nghiệm đủ điều. Chứ có ai như diễn viên mình, nhiều khi lời thoại cũng không thuộc, ra sân khấu chỉ nhớ mang máng rồi bịa văng mạng. Bây giờ mới nhớ cái câu ai đó bảo rằng chính ra người mình rất lười. Ở nhà với nhau, tưởng đó là một nhận xét đầy ác ý của kẻ mất giống. Đến lúc xem người ta tập thì lác đàu lạy thầy hết.

Tôi tin rằng loại trừ những người xuất cảnh cốt tìm cách đua đòi với Tây trong hưởng thụ, những người đi nước ngoài một cách nghiêm túc thường cũng bàn nhau những chuyện tương tự.

Vả chẳng chẳng cần đi đâu xa, chỉ cần xem cái cách Tây Tàu người ta đến Việt Nam làm việc cũng đã giật mình. Các gia đình có người đi làm cho các hãng nước ngoài hẳn hiểu con em mình kiếm được đồng tiền đâu có dễ.

Chăm chỉ, cầu tiến cầu đổi mới, tôn trọng kỷ luật lao động... bao nhiêu thói quen chúng ta phấn đấu mãi không được, với họ đủ là yêu cầu tối thiểu. Trong khi phải cố thích ứng để kiếm đồng tiền nuôi thân, nhiều lúc người đi làm thuê là chúng ta xót đau, oán trách. Nhưng lúc bình tĩnh ngồi nghĩ, lại cảm thấy nhờ thế được nâng mình lên. Và điều quan trọng nhất, qua cái sự kiếm cơm của thiên hạ, tự nhận ra con người thực của mình. Với từng cá nhân cũng vậy mà với cả xã hội cũng vậy.

Một cơn địa chấn

Đây chính là cái tác động của hội nhập đối với xã hội về mặt văn hóa. Nó giúp chúng ta tự nhận thức về mình tốt hơn, đầy đủ chính xác hơn.

- Thế chẳng nhẽ nếu không tiếp xúc với người thì ta không tự biết được mình? - Có bạn sẽ hỏi.

- Đúng vậy. Ngồi một mình dễ vuột ve nịnh nọt nhau lắm. Chính các cụ xưa cũng đã bảo “Ở nhà nhất mẹ nhì con - Ra đường lắm kẻ còn ròn hơn ta”.

Nhất là chúng ta vừa qua một thời chinh chiến.

Chiến tranh đòi hỏi tập trung sức người sức của mạnh mẽ cao độ. Sự hạn chế trong tiếp xúc với các nước khác những năm chiến tranh là đúng. Chỉ có điều không nên quên là cũng vì thế, một thời gian dài, tuy đã ra khỏi chiến tranh, song cái thói quen sống một mình ở cả cộng đồng càng được cố kết lại để làm nên nhiều ảo tưởng. Khả năng tự nhận thức lúc ấy bị hạn chế. Ta bằng lòng với mình. Ta ngại thay đổi. Ta thấy chỉ có ta là nhất.

Đạo diễn điện ảnh F.Fellini từng ghi nhận một trạng thái của dân tộc Ý, nó cũng là tình trạng thấy ở nhiều dân tộc khác: “Người ta bảo với chúng tôi rằng chúng tôi là một dân tộc vĩ đại và hạnh phúc nhất. Chúng tôi tin ở điều đó kết cục không còn biết gì về các dân tộc khác, cũng như về bản thân mình”.

Nhưng ở thời đại thông tin, tình trạng đó không thể kéo dài. Xu thế hội nhập đã đến đúng lúc, cả thế giới như ủa vào ta, tạo nên những bờ ngõ kỳ lạ. Chưa ai tổng kết một cách đầy đủ, chỉ tự nhủ đó là cả một chấn động lớn. Trải qua cay đắng ngọt bùi, lắm lúc thấy hình như quá hỗn độn quá rắc rối, song chỉ cần lùi ra xa một chút thì cả quá trình tư tưởng đã hiện ngay thành một đồ thị rõ rệt.

Ra khỏi chiến tranh, sau những năm tháng loay hoay hồi phục lại một cuộc sống bình thường, nay đến lúc việc xây dựng đất nước đặt ra nghiêm túc hơn bao giờ hết: Ta là ai? Ta đang ở trong tình trạng như thế nào? Phải trên những yếu tố mới ở đâu? Thế nào là mới? Ta sẽ làm lại chính ta, làm lại xứ sở ta ra sao? Những câu hỏi ấy không đặt riêng ra cho ai mà cho cả xã hội.

Nếu trước kia, khi phải đối mặt với tất cả những vấn đề lớn tầm cỡ như thế, ta chỉ âm thầm tìm về cảm xử lý của ông cha và kinh nghiệm của bản thân trong chiến tranh thì nay ngược lại, hoàn cảnh chung quanh luôn luôn

phải được tính tới. Trước khi tiến về một con đường riêng của Việt Nam điều bản khoản thường trực của ta là Ta có gì khác, có gì giống với các nước khác? Qua người ta hiểu mình ra sao? Ta sẽ áp dụng những kinh nghiệm thế giới ra sao?

Sự so sánh cứ đến một cách tự nhiên, tiếp đó là sự học hỏi vì nó sẽ là một yếu tố thúc đẩy mọi tiến bộ của xã hội.

Được nhiều hơn mất, có cái được ngay trong cái mất

Phải nói ngay một sự thực là trong buôn bán xuất nhập khẩu, trong đưa người đi lao động, trong đón khách du lịch..., hình như ở tất cả mọi lĩnh vực, ở đâu có hội nhập là ở đấy ta có những va vấp.

Song khác với thời xưa, nay những vấn đề ấy không cần che giấu mà cả xã hội cùng xới dần ra để tìm cách giải đáp và không đổ lỗi cho bất cứ ai nữa, lỗi lầm thiếu sót của chính chúng ta được soi rọi kỹ nhất. Nền kinh tế tiểu nông tiếp đó là chiến tranh khốc liệt để lại nhiều di lụy. Cấu trúc tuy tiện đã thành một nếp sống tự nhiên. Ham hố thay đổi nhưng lại ít chịu học hỏi để thay đổi. Quá dễ mệt mỏi khiến khả năng thích nghi sút giảm, cái gì cũng chỉ muốn “mì ăn liền”, muốn kết quả ngay. Sốt ruột vì sự lạc hậu so với nước ngoài, ta tưởng có thể đón đầu, có thể dùng cái khôn vặt tinh tướng để qua mặt thiên hạ. Biết đâu rằng làm ăn thời buổi này phải lấy thật thà nghiêm túc và tinh thần thực sự cầu thị làm đầu.

Rộng ra mà nói, còn rất nhiều việc ta phải hoàn thiện mình, không thay đổi và hoàn thiện thì rất khó sống với cái thế giới mà ta chỉ là một bộ phận.

Một khi nhận thức được như thế, tức là chính nền văn hóa của chúng ta đã thay đổi. Mà tất cả có được là nhờ công khai minh bạch trong tính toán sòng phẳng trong tiếp xúc và có quan hệ đúng đắn với thế giới bên ngoài, nhờ biết tận dụng hội nhập.

Với hội nhập chúng ta đã tự khác đi bao nhiêu để rồi trong thâm tâm lại biết rằng ngày mai còn khác nữa, tuy rằng cái cốt cách lớn của dân tộc thì chẳng bao giờ suy suyển.

Thế còn những cái mất, những hư hỏng như học đòi học mốt, đua đả hưởng thụ quên cả lịch sử tổ tiên mà gần đây ai cũng thấy chướng? Bởi chúng xuất hiện nhiều trong thời hội nhập nên ta tưởng tất cả lỗi là từ ngoài vào. Nhưng nói thế là nhầm. Cái chính là những căn bệnh đó đã sẵn có trong nội tạng xã hội, quá trình hội nhập chỉ làm chúng bộc lộ rõ mà thôi. Đánh giá đầy đủ cái sự gọi là mất này, lại thêm một dịp để chúng ta có ý thức về mình, thậm chí có thể nói là cảnh giác ngay với chính mình, và đó chính là cái được lớn tìm thấy trong những mất mát không thể tránh.

27. HỘI NHẬP GIỮA ĐÒI THƯỜNG

Nhà văn Bùi Ngọc Tấn từng kể, hồi kháng chiến chống Pháp, có lần Xuân Diệu đến trường văn nghệ các anh nói chuyện thời sự:

- Các đồng chí biết bên ấy chúng nó mặc quần áo bằng gì không? Bằng ny lông! Quần áo ny-lông.

Bùi Ngọc Tấn và bè bạn ngồi nghe hết sức xúc động. Họ nghĩ: Thật là một lũ điên loạn trụy lạc. Mặc quần áo như vậy có khác gì cời truông.

Xuân Diệu bồi thêm - vẫn theo Bùi Ngọc Tấn trong Một thời đề mắt:

- Còn quần áo may bằng vải thường các đồng chí có biết nó in gì lên đấy không? Không phải in hoa! Nó in cả một tờ Nữ ưóc thời báo với đầy đủ ảnh, măng sét, tit lớn tit nhỏ tin ngắn tin dài lên mặt vải. Còn tổng thống ở bên Mỹ hết nhiệm kỳ không còn làm tổng thống nữa các đồng chí có biết nó đi làm gì không? Đi quảng cáo cho các hãng buôn kiếm tiền!

Và phản ứng lần này của người nghe như Bùi Ngọc Tấn là “Chúng tôi lại ô lên. Cái bọn người quái đản ấy cần được cải tạo”

Nhắc lại những chuyện này để thấy những ngày xưa chúng ta quá ấu trĩ và ngày nay đã hiểu biết thêm rất nhiều.

Thế nhưng cũng phải nhận rằng tình trạng ngây thơ hôm qua, dưới những hình thức khi tinh vi hơn khi thô thiển hơn, còn kéo khá dài, không phải dù trong thời kỳ từ 1954 trở về trước mà tới cả thời gian 1965 - 1975 ở miền Bắc và sau 1975 trên phạm vi toàn quốc.

Những chuyển biến hôm nay - những biến chuyển mà công cuộc hội nhập diễn ra hai chục năm nay và được đánh dấu bằng việc Việt Nam chính thức trở thành thành viên của WTO mang lại - do vậy nổi lên như một bước ngoặt trong tâm trí mỗi người bình thường. Theo tôi phải xem đây như một nét mới của người Việt hiện đại.

Một lần vào mùa hè, tôi ra đường Hàm Long ở Hà Nội chọn mua cho gia đình mấy cái ghế loại nửa nằm nửa ngồi. Người bán hàng chỉ vào một dãy ghế gỗ ngang, nói với tôi:

- Cái thứ khung nhôm và thân đan bằng sợi nhựa kia là ta mới học theo kiểu nước ngoài. Nhưng chính đám mấy người Âu họ lại thích thứ hàng thuần gỗ này hơn.

Trong một lời chào hàng như thế, tôi nhận ra một điều: nay là lúc cái gì người ta cũng tính tới các tiêu chuẩn nước ngoài. Tốp thanh niên nọ hết truyền tay nhau các băng nhạc lại ngồi bàn nhau các một quần áo mới. Các ông già bà già rủ nhau đi du lịch. Phong trào viết blog lan sang đến đám thiếu niên 13-14. Một lần về chợ Vinh tôi thấy người ta bày bán cả cuốn hồi ký của Beckham như bán đôi giày, cái mũ.

Từ chuyện làm ăn kinh tế xuất khẩu, nhập khẩu sang chuyện sinh hoạt đời thường, hội nhập đang diễn ra theo quy trình phổ biến như thế.

Và từ sinh hoạt đời thường, sẽ ngấm cả sang cách nói cách nghĩ, quan niệm chung về đời sống nữa.

Trong tâm trí nhiều người, Hoài Thanh chỉ là nhà phê bình gọi ra phong cách của nhiều tác giả, nhất là những người trong phong trào Thơ mới. Cũng như nhiều người, lúc trẻ, tôi từng thuộc lòng mấy câu “Ta thoát lên tiên cùng Thế Lữ. Ta phiêu lưu trong trường tình của Lưu Trọng Lư. Ta điên cuồng với Hàn Mặc Tử, Chế Lan Viên. Ta đắm say cùng Xuân Diệu. Nhưng động tiên đã khép tình yêu không bền, điên ruồng rồi tỉnh, say đắm vẫn bơ vơ, ta ngơ ngẩn buồn trở về hồn ta cùng Huy Cận”.

Song giờ đây với tôi, Hoài Thanh trước tiên là một nhà nghiên cứu văn hóa sâu sắc, nhất là khi khắc họa cái phân giao thoa - ảnh hưởng - tiếp nhận của văn hóa Việt Nam với văn hóa phương Tây đầu thế kỷ XX.

Đây là một đoạn trong bài Một thời đại trong thi ca ghi lại cái tình trạng nhân thế của xã hội Việt Nam hồi ấy: “Chúng ta ở nhà Tây đội mũ Tây đi giày Tây mặc áo Tây. Chúng ta dùng đèn điện, đồng hồ, ô tô, xe lửa, xe đạp. Nói làm sao cho xiết những thay đổi về vật chất phương Tây đã đưa tới giữa chúng ta”.

Nếu thay mấy chữ đồng hồ, ô tô, xe lửa... nói trên bằng ti vi, tủ lạnh, mobile, email, thị trường chứng khoán, quota xuất khẩu v.v... thì thấy sự chuyển biến ngày nay có khác gì ngày xưa?

Bởi vậy chúng ta hoàn toàn có thể kết luận như Hoài Thanh rằng “Cho đến những nơi hang cùng ngõ hẻm, cuộc sống cũng không còn giữ nguyên hình ngày trước”.

Từ những chi tiết bé nhỏ, lật vạt, tác giả Thi nhân Việt Nam 1932-1941 đi tới những khái quát mà đọc chệnh mảng thì thôi, chứ đọc chăm chú hẳn ta phải giật mình “Một cái đình cũng mang theo nó một chút quan niệm của phương Tây về nhân sinh về vũ trụ, và có ngày ta sẽ thấy nó thay đổi cả quan niệm của phương Đông...”

Phương Tây bây giờ đã đi tới chỗ sâu nhất trong tâm hồn ta.”

Liệu ai có thể cả quyết rằng những biến động mà Hoài Thanh đã ghi nhận ấy không phải là đang đến với chúng ta hôm nay?

Tuy nhiên, ngay ở đây phải nhận một điều: không phải muốn tiếp thu có nghĩa là đã biết tiếp thu. Đang phổ biến một thứ bệnh mà người ta gọi nó bằng nhiều cái tên: học mót, học lỏm, đua đòi, bắt chước không phải lỗi, người ác khẩu một chút thì gọi là rửng mỡ, đứ đờn, mất nét, giãm phải phân người khác.

Với người ít được tiếp xúc thì sự choáng ngợp trước những cái lạ không phải là một cái gì khó hiểu.

Một người bạn Nga của tôi mới sang Việt Nam kể, bên ấy cũng đang thịnh hành cái mốt bắt chước phương Tây lố bịch lắm. Bởi không tiêu hóa được nguyên mẫu nên bê nguyên xi cách làm của người ta, rồi không làm nổi, sinh ra nửa đời nửa đoạn trông rất buồn cười.

Đến một nước có nền văn hóa lớn như Nga mà bệnh học đòi cũng không

tránh khỏi, nữa là người mình.

Có điều cùng với thời gian, rồi cái hay cái dở sẽ được sàng lọc. Muốn bắt chước tức còn muốn tự mình khác đi.

Bắt chước một cái lối bịch chẳng qua là bản lĩnh ta còn non nớt quá. Dầu sao còn hơn đóng cửa cam phận nghèo hèn mãi mãi rồi lại tự lừa hành tự cho là mình hoàn chỉnh rồi, mình hay ho tuyệt vời lắm, thiên hạ không ai ra gì và không cần ngó ngang đến ai cả.

Hội nhập để làm giàu, hội nhập để “vươn ra biển lớn”, nhưng hội nhập cũng là để làm cho mình khác đi, làm cho mình tốt đẹp hơn, sang trọng hơn, hòa hợp hơn với thế giới hiện đại.

Muốn hội nhập không đủ, mà còn phải luôn luôn trao đổi bàn bạc với nhau để tìm ra cách hội nhập phù hợp với chính mình, hội nhập một cách tối ưu.

Tự động tự phát hội nhập là việc của những người dân thường. Nghiên cứu và giúp xã hội có định hướng đúng đắn trong hội nhập là điều người ta trông chờ ở các nhà hoạt động văn hóa, các trí thức.

28. NGÀY MỖI PHỤ THUỘC?

Không cần là một chuyên gia kinh tế, nhiều người chúng ta cũng biết rằng nền sản xuất và buôn bán của ta phụ thuộc nhiều vào việc nhập khẩu hàng nước ngoài. Không chỉ dầu, xăng, thép, phân bón, thuốc trừ sâu, thuốc chữa bệnh... mà có nguyên liệu chế biến thức ăn cho gia súc ta cũng phải đi mua. Thời buổi thế giới biến động, nền kinh tế mình như cái phao, biến động nổi gió một tí là dập dềnh theo, thiên hạ vừa hắt hơi một cái là mình đã nước mắt nước mũi giàn giụa.

Nhưng hôm nay tôi muốn nói một khía cạnh khác của sự phụ thuộc. Giống như một căn bệnh nhẹ, nó có vẻ không mấy đáng ghét, nhưng suy cho cùng vẫn bòn rút sức lực của ta mà ta không biết, lại còn đua nhau vươn cổ cho nó chém nữa.

Đó là sự phụ thuộc trong sinh hoạt.

Từ lâu dân Hà Nội đã đồn nhau là mấy khách sạn lớn nhất ở đây thường dùng rau và thịt chuyên từ nước ngoài về, chứ không dùng đồ mua từ các chợ quanh phố như dân bản địa.

Mười năm trước, nghe những chuyện đó, lập tức thấy sao mà họ cầu kỳ và có phần rởm nữa. Sống ở đây mà tách ra như trên một hòn đảo, sao họ lạ vậy?

Ai ngờ cái nếp sống đó giờ đây lan ra trong nhiều tầng lớp dân thường, nhất là sau các đợt phát hiện rau quả có phun hóa chất, còn các loại dịch bệnh trên gia súc gia cầm thì hoành hành, cứ chầm dút được ít lâu lại bùng

phát trở lại.

Nếu tôi không nhầm thì trong những mặt hàng giảm thuế để tránh lạm phát mới ban hành gần đây, có cả thịt lợn.

Ở đây tôi không dừng lại ở khía cạnh đạo lý của vấn đề mà chỉ vấn vương ở chỗ là hình như chính chúng ta đang không nuôi chúng ta bằng các thứ thô sản của ông cha; không xài thứ hàng mà chính đồng bào trong nước chúng ta làm ra, mà toàn dùng hàng ngoại.

Tại sao tình trạng này ngày một phát triển? Nghĩ tận căn nguyên thấy có hai lý do. Một là hàng ngoại rẻ và tốt. Thứ hai là nhiều khi hàng ngoại đáp ứng được cái nhu cầu sát sườn của mình mà hàng nội không đáp ứng nổi.

Liên quan tới lý do thứ nhất, có một ví dụ tôi nghe từ mấy năm trước thấy rất có ý nghĩa. Là ngay ở các thành phố lớn như Thành phố Hồ Chí Minh hay Cần Thơ, nhiều người dân đang thích dùng gạo chuyển từ Thái Lan sang. Trời! Giá vài chục năm trước, nghe ai nói thế chúng ta sẽ bảo là chuyện bịa. Làm gì lại ra nông nổi như thế. Từ Thái sang quá điệu vợ, còn công tàu bè thuyền chở, công bốc vác, sao mà rẻ được?! Mà làm gì có chuyện gạo họ ngon hơn, hợp với cái hương vị nôi cơm mà mỗi người thúng mình được thấm từ hồi còn bú mẹ! Hóa ra thời thế thay đổi, việc không ai tưởng là có, nay đều có cả.

Liên quan tới ưu thế của hàng ngoại trong việc đón đường và nắm bắt nhu cầu, sau đây là câu chuyện tôi nghe từ miệng mấy bà bán hàng lật vật ở phố chợ Hà Nội (tôi cố ý tránh chữ phố cổ mà thấy gọi là phố chợ có lẽ hợp hơn). Từ lâu người Hà Nội có thói quen là nếu chiến thắng trong các cuộc đua tranh trong thể thao là đổ ra đường ăn mừng. Lúc đó người ta thích mua cờ và các băng khẩu hiệu để trưng lên, giá đắt cũng mua. Một số nhà sản xuất Việt Nam cũng biết điều đó, nhưng vốn mỏng không làm được bao nhiêu. Khôn ngoan và biết tổ chức công việc hơn, là các nhà sản xuất từ bên kia biên giới. Họ nắm ngay lấy khoảng trống đó. Mỗi lần dân thủ đô có nhu cầu là hàng từ biên giới phía Bắc tràn về. Rút cục dân buôn mình chỉ thành trung gian bán lẻ cho đồng bào mình thứ hàng mà họ sản xuất.

Không chỉ trong chuyện băng cờ khẩu hiệu mà nhiều mặt hàng khác cũng có tình trạng tương tự. Theo tôi hiểu, đây là cả một xu hướng mà mỗi ngày chúng ta cảm thấy rõ rệt hơn. Mọi dòng nước ngược phản công lại cũng có nhưng không thấm thía gì cả.

Trong Nỗi lòng ai tỏ của Nguyễn Công Hoan, nhân vật chính là một cô gái tân thời. Đang tự nhiên cô suốt ngày thở ngán than dài bỏ cơm, lên giường thút thít khóc, khiến cho cả nhà phải lo lắng. Cô bảo chỉ có một người bạn gái mới hiểu được cô và giải phiền cho cô. Đến khi người bạn kia tới thì cô nhóm ngay dậy tâm sự.

Sở dĩ cô buồn - buồn - buồn mất mấy ngày, ấy là vì một nhân vật tiểu thuyết cô đang đọc chết, thương quá!

Tôi nghĩ đến những con người thời nay. Chắc hẳn hàng ngày không thiếu cảnh cậu ấm cô chiêu ở các nhà giàu đập chân đập tay hành hạ bố mẹ vì không tìm ra mấy loại xe mới cho họ trung diện. Rồi cả những cán bộ bình thường Hà Nội ngủ trưa trên bàn cơ quan và chia nhau suất cơm hộp chục ngàn cũng để hết tâm trí cả vào những Chelsea với lại Real Madrid ở các phương trời xa. Không đủ trình độ phán xét là hay hay dở, tôi chỉ biết cái sự đặt vui buồn trong tay kẻ khác như thế này đang trở thành cách sống thời đại, không ai cưỡng nổi.

29. RÁC NGOẠI

Hồi đang còn đại dịch cúm gà, dân tình xem ti vi thường sơn da gà khi theo dõi cảnh buôn lậu gà qua biên giới. Đó là những con gà bên Trung Quốc họ phải thanh lý vì sợ cúm nhưng ngại chôn nên bán gần như cho không mình, và dân mình thì bu lớn bu nhỏ buộc sau xe chở về Hà Nội, trộn với gà lạnh để bán cho dân tiêu dùng.

Cùng ông kính truyền hình hướng về các cảng biển, lại gặp cảnh những công-te-nơ đồ sộ được dỡ ra, bên trong toàn những máy giặt hồng, ti vi hết hạn sử dụng, ắc quy phế phẩm cùng là các loại dây điện và đồ nhựa nát toét hoặc cấu rỉ được lèn thật chặt, nghe đâu cũng chở từ mấy nước lân cận về để rồi tận nơi văng vè nào đó trên đất mình để vứt. Người nhập loại “hàng đặc chủng” này cố nhiên không phải bỏ vốn mà lại còn được nhận những số tiền lớn, ngoài số dứt lốt cho hải quan và địa phương chứa rác, chắc thu hoạch cũng kha khá, giá kẻ làm ăn đứng đắn không bao giờ theo kịp. Không thạo gì hàng hóa nhưng tôi cứ đồ chừng vậy, vì xem ra, việc nhập rác này cứ ngày một phát triển, ngày càng có những vụ to hơn, liều lĩnh hơn, chứ chẳng cách gì thuyên giảm.

Một anh bạn làm kinh tế nói với tôi rằng sở dĩ sản xuất và thị trường đường trong nước hết sức phập phù là vì khoảng mấy năm mới bung ra làm ăn, các tỉnh đua nhau nhập về những nhà máy đường kỹ thuật quá cổ lỗ. Bên nước người, người ta sẵn sàng bán tổng bán táng đi. Gạ bán rẻ. Gạ cho nợ. Và thường lại ních đầy hầu bao người mua. Thế là các sếp nhà ta hý hửng rước những của nợ ấy về. Thứ rác này vô duyên ở chỗ sau khi lộ tẩy, nó nằm chình ình ra đấy, các ông chủ bỏ thì thương vương thì tội. Trong cảnh chết không chết mà sống cũng không ra sống, chúng tố cáo một tội lỗi mà xưa nay ít ai đề ý.

Thuốc tây và xi măng, ô tô và vải vóc... không thể kể hết những loại hàng “hết đất” từng bày bán nó biểu hiện sự ngờ nghếch của chúng ta khi nhập hàng ngoại. Song nó là hàng thuần túy. Việc nhập các loại máy móc cổ lỗ đáng sợ hơn. Nó là thứ rác có khả năng sinh sôi nảy nở. Hoặc đúng hơn là sẽ

sinh nở ra những lạc hậu cô hủ trì trệ.

Khoảng giữa những năm tám mươi, việc nhập hàng ngoại bị hạn chế, như xe gắn máy chẳng hạn, may lắm chỉ có một số anh em đi tàu viễn dương được mang về mấy cái xe loại bãi thải của bên Nhật. Để đỡ buồn, hồi đó một tờ báo đã mĩa mai, dân mình thật vô địch về nhập hàng bãi thải. Nay thì chuyện đó đã lùi xa như chuyện cổ tích. Nhiều loại ô tô hiện đại đã xuất hiện trên đường phố. Nhưng một người bạn tôi lại vẫn cứ thấy chua xót thế nào. Anh bảo trong trường hợp này, cái mà chúng ta đang nhập tức là cái tư tưởng ăn chơi đua đòi hưởng thụ, bất chấp tình cảnh nghèo đói chung của cộng đồng.

Thật vậy, cùng với các loại rác vật chất, còn một loại rác nữa phải nói tới, cái mà người ta gọi là văn hóa phi vật thể như các kiểu nhà, các loại nhạc phẩm, các loại mô-tơ, những cảm nghĩ, cách sống, những thị hiếu vốn hôm qua bên nước người là đúng đắn tiến bộ, nhưng hôm nay đã không còn thích hợp với thực tế và không còn khả năng giúp cho ta phát triển theo kịp với thế giới.

Ai bảo tôi lạc hậu tôi xin nhận, chứ tôi chịu không chấp nhận được kiểu nhuộm tóc vàng của một số thanh niên hiện nay. Chịu không chấp nhận được lối chêm tiếng Anh trong nói và viết. Chịu không chấp nhận được lối làm báo lá cải trang văn hóa đưa toàn chuyện giật gân về đào kép xi nê xứ người. Những thứ rác này làm hỏng thêm cái việc trọng đại mà chúng ta lúng túng là sống chung với thế giới.

Ngay từ khi bắt đầu tính chuyện hội nhập, một kịch bản hai mặt đã được dự kiến: cùng với tiền, vốn các phát minh kỹ thuật, nói chung là những gì ưu tú của nước ngoài, thì những loại cặn bã thế giới cũng sẽ tràn vào xứ ta.

Trước khi có biện pháp thích hợp nhiều người đã lo.

Nhưng lo sao lại được!

Tuy đã được răn đe trước mà lúc này một người như tôi vẫn thấy sừng sốt. Một là không ngờ các thứ ấy lại đến với mình nhanh đến vậy; và thứ hai là không ngờ chúng lại gần đi với chúng ta, y như là của chính chúng ta làm ra, hoặc vẫn quanh quẩn ở những bãi rác ngay bên nhà ta.

Rác ngoại gợi ra ý nghĩ về rác nội.

Không biết có thể coi đây một lý do khả thủ của các cửa quý xa lạ? Hóa ra ở ta những thứ này đâu có thiếu. Rác theo nghĩa đen do mình xả ra đang là một vấn đề đau đầu của xã hội. Và cả rác với nghĩa bóng, rác với tư cách những lạc hậu vụ lợi phi nhân bản trong cách sống cách nghĩ. Nếu không có việc nhập rác ngoại thì những tư tưởng thoái hóa thành rác trong đầu nhiều người đâu có dịp bộc lộ cho chúng ta thấy để mà ghê sợ và chờ đợi nó mỗi ngày lại có mặt rộ rã thêm nữa.

30. CÁI VẠ CHẾT LÒNG HAY LÀ NHỮNG CHẤN THƯƠNG TÂM LÝ HIỆN ĐẠI

Nghe báo chí nói tới đã lâu, song mãi tận kỳ vào Sài Gòn tháng 6.2008, tôi mới thật chứng kiến cảnh thành phố kẹt xe triền miên đến vậy. Một tài xế taxi nói:

- Bây giờ thì chẳng ai nhường đường cho ai nữa, ai cũng cố chen lên bằng được thành thử đường càng thêm kẹt, mà người sao đối xử với nhau quá tệ. Con người bây giờ ác quá.

Cái nhận xét ngẫu nhiên đã chạm tới mối quan hệ giữa người với người trong đời sống hàng ngày, mà giao thông chỉ là một bộ phận. Lẽ ra chúng ta phải nhìn những người đang ngồi trên chiếc xe cạnh xe mình với cặp mắt thiện cảm. Cùng dân thành phố với nhau, cùng lo làm ăn công chuyện, lẽ ra phải giúp đỡ nhau chia sẻ với nhau. Đằng này hình như mỗi người cùng đi với ta trên đường là đối tượng cạnh tranh với ta, là kẻ ngăn cản ta trong cuộc mưu sinh quyết liệt, kẻ làm hỏng mất dự định tốt đẹp ta đang theo đuổi. Giữa những người cùng đi đường tự lúc nào đã nảy sinh cái quan hệ giữa các đối thủ - có ai muốn đâu mà sao lại có cái cuộc biến hình khốn khổ vậy.

Nên chú ý tới một khía cạnh tâm lý nữa: sau khi phải vượt qua một chặng đường chen chúc khó chịu, nhiều người cảm thấy mệt mỏi. Sinh ra nản lòng. Sinh ra ngán ngẩm. Cảm thấy mình không được tôn trọng. Tự thấy anh như bị đọa đày, lại thấy mình có quyền hư hỏng cho đỡ bực.

Có thể tôi đã phóng đại một chút nhưng đó chính là một phần những chấn thương tâm lý mà tình trạng giao thông căng thẳng đã mang lại.

Tôi nhớ tới những chấn thương khác.

Năm 18 tuổi đang học từ Hà Nội tôi vào thành phố Vinh, Nghệ An học trường Đại học Sư phạm. Đi cắt hộ khẩu một việc bình thường mà tôi phải chầu chực chờ đợi rồi bị làm phiền, bị vạ vạ tới mức phải ra ngoài khóc mới đủ sức vào làm tiếp. Gần nửa thế kỷ đã qua đến nay trong lòng tôi câu chuyện hôm qua vẫn như vết sẹo.

Một đứa cháu con anh bạn đang dạy tiếng Anh ở một trường trung học cơ sở mới đây vừa xin nghỉ việc để đi làm cho một công ty nước ngoài. Bạn cho rằng chỉ về thu nhập? Không hẳn. Ở Hà Nội hiện nay chỉ cần biết tiếng Anh nhì nhằng một chút cũng sống lắm. “Khổ nhất với cháu bây giờ là không yêu được học sinh. Chẳng những nó dốt nó lười mà nó còn láo với mình nữa chứ chú. Cái bài làm mình vừa trả, nó nhìn qua rồi liệng ngay xuống đất. Chỉ vào lớp năm phút nhiều khi cháu đã muốn bỏ lớp để đi. Thế thì làm sao cháu tiếp tục cái công việc mà người ta bảo là thiêng liêng này được nữa”- khi nghe cháu nói như vậy, tôi còn biết khuyên bảo gì nữa.

Trong các gia đình, các bậc cha mẹ đang phải chứng kiến một lớp trẻ

chán chường. Trẻ không thiết học. Trẻ không tìm thấy niềm vui sống. Trẻ nhìn người lớn bằng con mắt nghi ngại, căm ghét. Thế có nên đổ hết lỗi cho lớp trẻ? Không đúng! Mặc dầu chúng ta đã tìm hết cách để hạn chế việc đưa tin gọi là tiêu cực trên mặt báo, song ai cũng hiểu là làm sao ngăn chặn hết được cuộc đời ulla vào tai con em chúng ta. Chỉ cần ra phố, chỉ cần ngồi với một đám bạn bè, chỉ cần nhìn cảnh một phiên tòa trên ti vi, chỉ cần lắng nghe câu chuyện qua lại giữa bố mẹ bên bữa cơm... bọn trẻ đã hiểu hết tất cả.

Cá nhân cảm thấy không thể ảnh hưởng tới hoàn cảnh xã hội đang sống, không tìm được chuẩn mực đúng đắn cho mọi hành vi của bản thân và tự nhiên cuộc đời mất đi khá nhiều ý nghĩa đáng lẽ phải có. Khi nhận ra mà giá trị đảo lộn, họ cảm thấy chỉ có thể đạt tới mục đích của mình bằng những con đường bất hợp pháp. Trong khi trở nên cằn rỗ hư hỏng, họ vẫn cảm thấy cô đơn và không ai hiểu hết cho mình... Trên đây là nội dung của khái niệm tha hóa được các nhà xã hội học hiện đại miêu tả, và được ghi lại trong cuốn Từ điển xã hội học do nhà nghiên cứu Nguyễn Khắc Viện chủ biên.

Không còn phân biệt đúng sai; mất lòng tin ở chung quanh và chính mình; không còn cảm thấy cái gì là thiêng liêng; nghe mấy chữ “tình người” giống như một lời lừa gạt; thấy ai giàu nghĩ ngay rằng người ấy không làm ăn bất hợp pháp thì cũng tham nhung ăn cắp... - bằng kinh nghiệm ở mình và những người quanh mình, tôi cảm thấy lúc nào cũng có thể bổ sung những chi tiết tương tự để vẽ nên tâm lý con người hiện đại.

Người xưa có câu “cái vạ chết lòng” là chỉ cái ý này. Trong các sách sinh học người ta nói rằng trước khi chết thực sự, thật ra “cái chết bộ phận” diễn ra thường xuyên trong mỗi sinh vật. Cái sự chết lòng nói ở đây cũng dùng theo nghĩa đó. Tôi không nói tất cả, nhưng quả thật tình trạng tha hóa không xa lạ với nhiều người. Với lớp lớn tuổi thì còn đỡ. Ta tìm cách chống lại. Rồi ta có vẻ khỏi bệnh. Rồi ta lại mắc tiếp. Đến như lớp trẻ thì bệnh trạng phát triển rất nhanh và nhiều trẻ đang nhào ra khỏi tầm tay chúng ta để sống với niềm tin của những kẻ sống để trả thù đời, để bắt cần, phá phách. Khi người ta trẻ thì các chán

PHẦN THỨ HAI

1. NHỮNG DU' ÂM CỦA THỜI XA VẮNG

Khi cúm gà còn đang là câu chuyện dai dẳng điếm qua trong các bản tin hàng ngày thì chung quanh cái nạn dịch này đã nảy sinh những chuyện đáng gọi là bi hài. Có lần thấy ti vi quay được cảnh người ta bằm những con gà bị bệnh cho gà còn sống ăn, đã ghê cả người. Lần khác, lại tin gà ở Trung Quốc bị cúm giá rẻ dù có năm ngàn một cân được mang về trà trộn với gà nội địa vốn đã lên đến bốn năm chục ngàn một cân, bán rộng rãi ở Hà Nội. Có vụ dân xông vào cướp gà bị thiêu hủy đến mức người thi hành công vụ bảo nhau, từ nay phải có công an bảo vệ khi hành sự.

- Một tờ báo đưa tin tuyến đường mới mở từ đường Hoàng Quốc Việt đi Cầu Giấy men sông Tô Lịch chi phí 54 tỉ bị chặn vì một ngôi nhà. Cả dự án dừng lại hàng nửa năm, phế thái đồ ngập cả đường nhựa, tuyến đường nhiều chỗ thành một bãi rác.

- Còn đây một tin cũ, liên quan đến dân ở Thạch Bàn (vốn thuộc ngoại thành, nay đã thuộc về quận Long Biên). Hàng ngày xe tải chở cát làm cầu Vĩnh Tuy đi qua vùng này làm bụi bặm bắn thiu và hỏng hết nhà cửa. Người dân kiến nghị mãi không được, bèn phản đối bằng cách mang giường ghế chặn không cho xe qua lại. Bên cần vận chuyển cát không chịu, cho quân đồ cả thuốc trừ sâu trước nhà người ta để ngăn đê. Điều qua tiếng lại mãi nay đã được giải quyết, song yên hãn chưa thì không ai dám chắc.

Đặt những tin này cạnh nhau, thấy gọi lên đủ cảm giác lẫn lộn, vừa bực bội, vừa xót xa. Các cơ quan làm ăn đã vô trách nhiệm mà dân cũng hư quá đi. Cả hai đều là cách sống của thời hỗn mang quân hồi vô phùng, chả ai bảo được ai.

Lại có những tin nghe tưởng như không đâu, mà khi điếm lại trong đầu vẫn thấy rờn rợn: ở một góc rất nhỏ trên báo, thấy có tin ở một tỉnh nọ, có những em bé vị thành niên chót dại chữa đê, và người ta đã dùng que đê chọc cho những thai nhi bất hợp pháp đó “rụng” ra mới thôi. Chuyện nghe rùng rợn như hồi trung cổ, và có thể nói là hiếm hoi, không phổ biến! Thế nhưng nhẹ hơn một chút chỉ gần đến mức như vậy thì nhiều lắm. Một anh bạn tôi kể là ở vùng quê gần Hà Nội, đến nhiều nhà thấy có cạnh những đứa trẻ mười lăm mười bảy bị xích vào bên công, tới bữa bố mẹ mang cơm cho ăn. Thì ra đó là những đứa trẻ nghiện. Người kể lưu ý thêm là chỗ bị xích thường được đặt ngay chỗ đi vệ sinh để khi con chúng khỏi gào lên đòi giải quyết...

Những chuyện bé nhỏ lật vặt ấy tưởng là nó đã xa lắm lắm mà nó vẫn ở

ngay bên cạnh ta. Như những con đường khói xe đen đặc mà hàng ngày ta phải chen chúc để đi làm. Như những vỉa hè đen ngòm nước cống mà ta vẫn phải ngồi ăn sáng ngay bên cạnh.

Đây nữa, một câu chuyện liên quan đến giới văn nghệ của tôi, cũng tưởng không đâu vào đâu nhưng trong đầu vẫn cứ thấy vương vương. Đơn giản lắm, anh em bên điện ảnh kể rằng làm phim nhiều khi phải dùng đến ô tô. Mà ô tô nào thì cũng có biển số, ghi nhận rằng nó đăng ký ở một tỉnh nào đó. Điều khôn khéo là ở chỗ cứ đưa xe nào lên phim, mà có chuyện gì không hay một chút, thì lập tức ít hôm sau nhận được công văn biện bác rằng tỉnh tôi không có những xe làm chuyện đó, đề nghị không dùng loại xe như vừa qua, để tỉnh tôi khỏi mang tiếng. Chao ôi, bây giờ mà chúng ta còn quan niệm về phim ảnh như thế ư? Lần này thì đích thực là những dư âm của thời xa vắng, chứ còn gì nữa?! Không khí xa vắng ôm trùm, đâu mà chẳng gặp.

2. TỪ ĐÔI DÉP ĐẾN CHIẾC MŨ BẢO HIỂM

Các bạn còn trẻ hiện nay có lẽ ít ai biết rằng ở nông thôn Việt Nam cũ người ta phân lớn đi đất. Giày dép là một thứ xa xỉ. Không ai nghĩ tới chuyện làm ra chúng nữa. Sau một ngày làm ăn lam lũ chiều về cũng chỉ rũ chân qua loa. Chế giễu ai, người ta bảo người đó là loại dân “ba xoa hai đập”. Thế là thế nào? Tức là trước khi đi ngủ thì lấy hai chân xoa vào nhau vài cái cho bụi rã ra, rồi cuối cùng phải nột bụi bằng cách đập thật mạnh hai bàn chân vào nhau một hai cái. Coi như xong! Ở nông thôn xưa nhiều nhà mùa rét chỉ nằm ổ rơm (tục ngữ có câu No cơm tấm ấm ổ rơm). Không sợ chân đi đất thì làm bẩn chân, sự tiện lợi của việc đi đất lại có thêm một lý do để duy trì.

Thói quen coi thường giày dép còn lại đến ngày nay. Chỉ còn nhìn vào cái mà đôi thân người ta đang mang và thái độ người đó với giày dép nói chung, tôi biết được một phần mức độ người đó văn minh lịch sự đến đâu, làm chủ con người mình đến đâu.

Không phải là tôi ra cái điều cầu kỳ, muốn mọi người học đòi chơi bời ăn diện. Ý tôi chỉ muốn đề nghị chúng ta phải nghĩ thêm về những chuyện nhỏ nhặt, vì nó liên quan đến trình độ làm người cũng như cái sự sẵn sàng tự điều chỉnh để thích ứng với cuộc sống đang biến chuyển rất cần cho chúng ta hôm nay.

Hàng ngày vào lúc mờ sáng tôi thường có dịp qua cầu Long Biên. Đây là lúc các loại rau quả gà vịt đưa về Hà Nội. Đây cũng là thời điểm để các xe đạp thồ đưa than sang thành phố phục vụ việc đun nấu của các hộ nghèo bắt đầu hoạt động mạnh.

Khỏi phải nói là những người đạp xe đưa than này vất vả như thế nào rồi.

Xe thì cũ, than thì ướt, lại tham chở nhiều. Mà lấy đâu ra xe tốt bây giờ, những xe này may lắm chỉ được đôi vành cứng, ngoài ra “không phanh không chuông không gác đờ bu”, là cái giá đỡ biết đi, chứ đâu còn là xe nữa.

Lúc tôi hiểu rằng họ không chỉ điều khiển xe bằng đôi tay mà bằng cả sự vận vẹo của thân hình và đôi chân, thì cũng là lúc tôi nhận ra họ chỉ có đôi dép rất tồi. Dép không có quai hậu. Lại nát lại hỏng. Một mặt tôi khâm phục sự nhẫn nại của họ. Mặt khác tôi băn khoăn: Tại sao họ không nghĩ đến việc kiếm lấy một đôi giày cho chắc chắn? Sao họ cứ bám lấy đôi dép lê cà tàng vậy? Một đôi giày vải thì có đất dơ gì? Mà sao họ ra để những đôi dép nát vất kiệt thêm sức lực?

Phố phường Hà Nội hàng ngày được lấp đầy bằng vô số người từ nông thôn lên. Có bao nhiêu người bán rong thì bấy nhiêu người chỉ kéo lê trên đường bằng những đôi dép cà khổ. Chỉ cần nhìn vào đây đủ hiểu trình độ đô thị hóa của dân ta.

Tôi nhắc lại chuyện những đôi dép để liên hệ tới một việc bây khác, bây giờ mới thành nếp, nhưng lúc đầu trầy trật mãi: đội mũ bảo hiểm.

Tại sao cái việc đơn giản, ai cũng thấy phải, nước nào cũng làm, mà ở mình lại phải có một cuộc vận động rồi thành nghị quyết và tổ chức ra đủ mọi lực lượng kiểm tra cũng như xử phạt như vậy?

Ở đây có lý do nằm trong tâm lý con người hậu chiến. Đã từng vào sinh ra tử, người ta dễ coi thường cái chết. Rồi có lý do của cái nếp sống quen tự do, không muốn có gì bận vào mình.

Khi Sài Gòn mới giải phóng tôi cùng với các đồng nghiệp ở tạp chí Văn Nghệ Quân đội thuộc biên chế của Tổng cục chính trị và một thời gian cùng sống trong căn nhà 61 Lý Tự Trọng. Tôi còn nhớ một chuyện hơi kỳ: mặc dầu các phòng đều có toa-lét, nhưng nhiều người cứ thích ra cái bê nước công cộng, ở đây người ta được vừa tắm vừa kháo nhau chuyện nọ chuyện kia, rồi dội nước ào ào.

Tôi chỉ thực hiểu ra điều này, khi nhớ lại là, phần lớn đồng đội của tôi là những người nông dân. Một khúc sông tự nhiên hoang sơ, một cái đầm làng bát ngát, hoặc một cái giếng khơi..., đó là những chỗ tắm quen của chúng tôi trước khi vào đây. Từ nơi tắm của đến cái mũ trên đầu, bất kỳ cái gì gò bó và gây cảm giác chật thối, chúng ta đều ngại.

Sau hết tôi muốn trở lại câu chuyện nói trên, về những đôi dép. Bước ra từ xã hội của nền kinh tế tiểu nông ta quen gặp đâu hay đấy thế nào cũng xong. Ta bằng lòng với sự cầu thả. Ta có tâm lý bảo thủ, khó từ bỏ những thói quen cũ cũng như ngại thích ứng với cái mới. Tất cả những biểu hiện của một quan niệm sống lạc hậu mà tôi đã chứng minh qua việc coi thường những đôi dép lại thấy xuất hiện trong sự lẩn tránh không chịu kiếm ngay cái mũ cần thiết mỗi khi đi lại trên những con đường lớn.

Vài chục năm nữa, sự kiện này sẽ được nhắc lại với nụ cười mỉm: chúng

ta đã từng ngây thơ như thế, trên con đường đi tới xã hội hiện đại.

3. CÁI NGHÈO DAI DẰNG

Người ta thường chỉ nhớ tới là các đầu lĩnh cai quản PMU 18 như những quái kiệt vùng tiền nhà nước làm bậy và đua nhau ăn chơi hưởng thụ. Lẽ ra, tôi nghĩ, phải kết tội họ - cũng như các đồng nghiệp hư hỏng của họ trong ngành giao thông vận tải - ở một khía cạnh quan trọng hơn: vì sự kém cỏi và thiếu hiệu quả của toàn ngành mà khi gia nhập WTO (= hòa mạng với nền thương mại toàn cầu), chúng ta đang có một hệ thống giao thông thuộc loại cổ lỗ nhất thế giới. Hậu quả xảy ra trông thấy nhãn tiền. Các vùng sâu vùng xa vẫn sống như những hoang đảo. Các công ty nước ngoài không thể lên đó đầu tư. Thế mạnh của kinh tế thị trường không phát huy tác dụng. Nông thổ sản của từng vùng dừng lại ở dạng tự cung tự cấp. Mà người dân vùng đó đại khái xưa thế nào nay vẫn thế. Họ đã bị tước đi cơ hội tham gia vào cuộc cạnh tranh lành mạnh trong phạm vi cả nước.

Những suy nghĩ đó đến với tôi, khi đọc lại bài tạp bút Cái cốc ba mươi năm trong tập Giác mơ ông thợ diu do nhà xuất bản Hội nhà văn cho in, 2006. Trong bài này, Tô Hoài kể chuyện, có lần đến một vùng núi, vùng đất quá nghèo, có mỗi chuyện lo nước ăn ở sinh hoạt cũng chật vật, mấy lần tỉnh huyện về giúp cũng không làm nổi. Ghé vào một gia đình xin nước, Tô Hoài đưa cho ông cụ chủ nhà một đôi cốc thô, loại cốc thủy tinh cầm đi từ một cửa hàng bia. Vậy mà ba chục năm sau, đi qua thì đó vẫn là một vùng thiếu nước. Tại các chợ vẫn thấy bán loại chậu gỗ, các gia đình mua về, vo gạo rửa thịt khô, rửa chân cũng chậu nước ấy. Gia đình thay đổi, ông cụ già xưa đã chết, người con trai ngồi đầy trông cũng nhang nhác như ông bố ngày trước, và giữa đồng gọi là tài sản gia đình vẫn đôi cốc xưa, như một của gia bảo.

Hai mốc thời gian mà Tô Hoài kể là những năm sáu mươi và chín mươi của thế kỷ trước. Giờ đây thì sao? Bản tin VTVI tối 24.4.2007 cho thấy: dân Mèo Vạc thiếu nước. Các bể nước do UNICEF tài trợ đã bé tí mà vẫn cạn khô. Dân cả tuần mới được tắm một lần. Học sinh phải bỏ học đi gùi nước. Quý cô giáo lắm thì san sẻ cho cô mấy bát.

Còn bao nhiêu bản miền núi phải sống trong cảnh tương tự, chứ đâu phải riêng Mèo Vạc?

Tưởng như có buồng bao nhiêu lời oán trách đối với những người tham nhũng trong giao thông cũng là không đủ. Vì họ một phần mà trong xã hội sự khác biệt giữa người giàu và người nghèo, giữa các vùng đô thị ngày càng tăng lên. Và đứng ngoài mà nói thì cả xã hội có lỗi. Nếu chưa đến nỗi vô cảm dửng dưng thì chúng ta cũng đang bất lực trước mọi đau khổ tưởng như không còn trong thời đại hiện nay.

Thế là lan man lại nhớ sang những đợt làm từ thiện xã hội vẫn phát động. Không phải đợi đến những kỳ lũ lụt mà hàng ngày chúng ta vẫn nghe có sự kêu gọi giúp đỡ người nghèo. Cái cảnh người đứng xếp hàng bỏ phong bì vào hòm kính để quyên góp đã thành quen thuộc trên các chương trình truyền hình. Mấy tháng trước, còn nghe có chính sách cho các hộ nghèo được vay với mức lãi 0%, điều kiện được vay là phải thật nghèo, tổng giá trị tài sản không quá ba triệu đồng, cố nhiên phải có hợp hành bình tuyến xác minh trước khi cho vay chính thức.

Thế nhưng thử hỏi chúng ta đã có thể an tâm với cái việc đó chưa? Đáng lẽ phải lo đường sá cho đàng hoàng để đưa khoa học kỹ thuật và nền nếp làm ăn mới tới những vùng đó. Đáng lẽ phải lo mở trường đưa con em đồng bào đi học. Đáng lẽ phải giúp để người dân địa phương có thể tự trưởng thành lên, tự lo lấy đời sống của mình và với thế mạnh tiềm tàng, đóng góp vào hoạt động chung của đất nước... Đáng lẽ phải như thế! Đó là trách nhiệm chung mà chính đó mới là sự giúp đỡ nhau thiết thực. Những việc cơ bản đó, ta đã làm được bao nhiêu?

Nếu xem xét sự việc theo kiểu ấy thì chắc chắn còn lâu chúng ta mới có thể an tâm với lòng từ thiện mà chúng ta đang tự hào, một thứ từ thiện đắp điểm tạm thời hơn là có ý nghĩa lâu dài. Đài báo lại còn tố cáo nhiều nơi quỹ từ thiện quản lý lỏng lẻo, người ta xà xẻo ngay vào số tiền thu được từ quỹ trước khi đưa nó tới các địa chỉ cần tới. Liệu có phải các sáng kiến loại đó chỉ có tăng lên chứ không giảm? Rồi còn trường hợp các công ty tham gia quyên góp cốt để quảng cáo tiếp thị nữa chứ. Nghĩa là họ chỉ lấy cớ làm từ thiện để trục lợi. Từ hồi 1936-1939, trong Võ đê, Vũ Trọng Phụng đã nói tới cảnh mỗi lần làm từ thiện là một dịp để con cái các ông quan huyện quan tỉnh trung diện, lãng-xê những một quần áo mới, và khoe khoang về một nếp sống xa hoa vừa du nhập từ nước ngoài về. Sáu bảy chục năm qua đi mà lòng người có khác được bao nhiêu?

4. BỮA ĂN NGOÀI CHỢ

Miếng ăn quá khẩu thành tàn, người xưa có lúc đã nói như vậy, ngụ ý đừng quá coi trọng chuyện ăn uống. Nhưng cũng không ai xem thường chuyện này được. Chữ Hán có câu Dĩ thực vi thiên, ngụ ý cái ăn to như ông trời. Dân gian ở ta đọc trạch đi thành Dĩ thực vi tiên, vẫn giữ được cái ý chính, coi cái ăn là quan trọng hàng đầu.

Quan niệm về ăn uống của một cộng đồng vốn không mấy khi được nói ra, song nó vẫn ổn định với thời gian và làm nên chứng tích của một giai đoạn cụ thể.

Đọc lại văn chương hồi trước, thấy cái ăn luôn được mô tả ở cận cảnh rất

đáng buồn. Trong văn Nguyễn Công Hoan có cảnh một thằng bé lang thang bị cả chợ đuổi đánh chỉ vì ăn của bà hai xu bún riêu rồi... quyt, bỏ chạy. Nam Cao có truyện Một bữa no kể về cái chết của một bà già quá đói. Sâu sắc hơn nữa, Nam Cao tả ngay cái đói của những người có suy nghĩ như nhà văn còm nọ, với đám bạn mê thịt chó của anh ta. Nhân vật chính trong một truyện ngắn của Nguyên Hồng ngủ nhờ nhà bạn đang đêm đói quá không ngủ được, trở dậy lục cơm nguội ăn vội và đây là một trong những đoạn văn hay nhất của tác giả này. Ở Kim Lân đầu đuôi mối tình của nhân vật Tràng với người vợ nhặt của gã là ở câu ví “Muốn ăn cơm nắm với giò - Lại đây mà đẩy xe bò với anh”.

Những chuyện ăn uống như thế này biết nói về chúng ta không kém gì mọi chuyện quan trọng khác.

Những chi tiết đó mấy hôm nay vừa trở lại với tâm trí tôi. Đó là cái lần tôi ngồi xem bản tin thời sự, thấy các phóng viên truyền hình chìa ống kính vào bữa ăn của mấy người bán hàng ngoài chợ. Bà này cầm suất cơm chạy vội về nơi mình ngồi, bà nọ tay vừa cầm vào con cá trong chậu nước vẫn đục, đã cầm ngay vào cái thìa. Cô kia lúng búng vừa nhai vừa gỡ ra sợi tóc trong bát canh trước mắt.

Chả là dạo này đang có dịch bệnh. Ban đầu mọi người chỉ nghĩ đến một vài tác nhân gây bệnh cụ thể, sau mới hiểu rằng vấn đề là toàn bộ cách ăn uống của chúng ta, từ đó mới có chuyện đưa mấy cảnh ăn uống nói trên lên màn ảnh nhỏ.

Tôi xem mà giật mình.

- Ăn uống như thế, thì làm sao tránh khỏi dịch bệnh cho được?

Chắc mọi người cũng như tôi, cảm tưởng đầu tiên đến với chúng ta là vậy.

Phần tôi chỉ muốn bổ sung ở đây không chỉ có vấn đề vệ sinh mà còn một cái gì lớn hơn, nó cho tôi thấy thực chất cuộc sống quanh mình mà hàng ngày mình quan liêu, xao nhãng.

Mấy chục năm nay cuộc sống đã bao thay đổi. Đường phố chật xe ô tô. Các khu chung cư mọc lên san sát. Nhìn vào nhà nào cũng ti vi màu. Các một quần áo của nước ngoài tràn ngập phố xá.

Giá kể có nhắc tới chuyện ăn, thì trên màn ảnh toàn thấy tiệc tùng hoành tráng, những người thất cơ-ra-vát chúc rượu nhau, và thịt cá thì ê hề trên các bàn.

Thế nhưng thử nghĩ lại, có phải người nghèo còn quá đông, cảnh sống nhếch nhác còn phổ biến, và những bữa cơm ăn vội ăn vàng như vừa thấy trên ti vi vẫn là cuộc sống hàng ngày của rất nhiều người?

Chẳng phải đó chính là cuộc sống trần trụi của chúng ta đó sao?

Chưa nói những vùng lũ lụt miền Trung, ngay trong đám đông những người dân nghèo thành thị hôm nay, mọi chuyện ăn uống bao lâu nay vẫn đại

khái vậy. Và đằng sau những thứ ta ăn, cái cách hiểu của chúng ta về bữa ăn lại càng là một sự lặp lại. Chúng ta chỉ có một cuộc sống “tự nhiên nhi nhiên” chuỗi theo thói quen. Chúng ta sống cho qua ngày. Chúng ta không bao giờ chủ động được trong cái việc lớn hàng ngày là việc nuôi thân mình. Chúng ta sống đến đâu hay đến đấy. Sự nguy hiểm rình rập không phải là ta không biết, nhưng không có cách lựa chọn, âu là tặc lưỡi làm liều cho xong...

Từ những cảnh vẫn xảy ra hàng ngày, thấy hiểu thêm những vấn đề chung của đời sống chung.

Lâu nay thấy chuyện bà con sẵn sàng bán các loại rau có phun cả thuốc trừ sâu, cả những con gà dịch bệnh cho người mua, nói chung là các loại hàng không rõ nguồn gốc, tôi thường thắc mắc đơn giản sao mà người mình ầu, vô trách nhiệm với nhau đến thế. Nhưng hôm nay nhìn lại bữa ăn trưa của họ thì hiểu ngay. Với chính miếng ăn đưa vào bụng mình, người ta còn không lo nôi, làm sao lo cho mọi người bây giờ?

Trong truyện ngắn Phiên chợ tết, Nguyễn Minh Châu kể: Sau mấy chục năm xa quê trở về làng, ông cảm thấy mấy người bán hàng ở chợ hình như vẫn là người có còn sống sót. Sau hỏi ra mới biết họ là con cái của người bán hàng ngày xưa. Hôm qua mẹ bán ở chỗ nào mặt hàng gì thì hôm nay con vẫn chỗ ấy, mặt hàng ấy. Sự trì trệ của đời sống đã được nhà văn miêu tả đầy ấn tượng.

Bữa ăn và cái cách ăn của mấy người ngoài chợ hôm nay cũng gợi cho tôi những ấn tượng tương tự. Về sự ngưng đọng của đời sống và sự dai dẳng của cái cũ.

5. HIỆN ĐẠI ĐẦY MÀ CỔ LỖ ĐẦY

“Đi chậm thôi! Đừng có phóng! Nhớ là con nhà cô Mơ đã bị đập sọ vì xe bị rải đinh trên đường từ cầu Thăng Long lên Nội Bài đấy thôi!”.

Buổi chiều một ngày cuối năm âm lịch, vợ tôi ngồi sau xe máy luôn mồm nhắc tôi như vậy, khi chúng tôi đi theo con đường cao tốc từ Hà Nội lên Bắc Ninh để về quê Đông Hồ.

Vì muốn đi nhanh, nên lần đầu chúng tôi chọn con đường này. Đường vắng. Xe pháo thừa thớt. Nhưng chỉ một lúc thì thấy ngần ngại. Hóa ra cái điều mà con người ta từng ước ao, lúc đối mặt lại thoáng qua một chút rợn ngợp, và có lúc như là hãi sợ. Mình thuộc về những con đường mấp ma mấp mô và xe cộ chen chúc, còi bóp inh ỏi cơ? Chứ mình không sinh ra để đi trên con đường này.

Từ mạn Tây Sơn trở lên, bắt đầu thấy có những chiếc cầu vượt bắc ngang. Dưới chân cầu, hiện ra những hàng rào thưa thưa đan bằng dây thép gai. Đã đoán được là cần làm thế để ngăn không cho dân lợi dụng mở quán bán hàng (?), song bọn tôi vẫn cứ thấy chơng chơng thế nào. Dây thép gai gọi một thời rất hung dữ và rất hoang dại, chẳng nhẽ không có gì thay thế chẳng? Cả con đường còn làm được, sao không làm nốt ít tấm chắn bảo vệ?

Đã đến khu vực ngoại ô Bắc Ninh, trước một cây cầu bắc ngang, chúng tôi tìm biển trở đường về Cầu Hồ không thấy, đành phóng độ nửa cây số lên cây cầu phía trước. Đến đây mới lại thấy bảng chỉ dẫn là cầu sau này đi về Phả Lại. Tức là đáng lẽ phải rẽ lên từ cây cầu đã bỏ qua. Đành quay ngược xe tìm đường cũ. Mà có đơn giản đâu phải lên cầu ngang rồi rẽ theo đường xuống, sang con đường xuôi về Hà Nội. Rồi lại qua cây cầu vượt thứ hai mới tới đường rẽ về Hồ. Lòng vòng một hồi, tính ra mất hơn nửa tiếng đồng hồ, nghĩa là bao nhiêu ý định đi theo con đường hiện đại cho nó nhanh, hóa ra hỏng hết.

Rút kinh nghiệm đợt đi, lần ra, chúng tôi đi theo con đường trên tỉnh, từ Đông Côi qua Dâu Keo, đổ về đường 5. Vì có nhiều công trường mới mở, đường bụi mù. Và cũng vì bị xe công trường chở cát san lấp mặt bằng quần suốt ngày, đường đầy ổ gà. Suýt nữa vì muốn tránh một đoạn ổ gà đó (đúng hơn là ổ trâu), xe tôi đã húc phải một xe tải. Lúc này, mới thấy nhớ đoạn đường cao tốc buổi sáng, và tự nhủ không chừng bạn sau mình sẽ vẫn đi con đường ấy ít ra là một lượt.

Câu chuyện một ngày trên đường cũng là cái tâm trạng của bọn tôi trước nhiều vấn đề xã hội.

Từ lâu tôi đã bị ám ảnh bởi cái thành kiến là ở xứ mình, chẳng bao giờ có cái gì hiện đại cho được triệt để. Chẳng nói đâu xa, cầu Thăng Long tồn tại đã từng ấy năm nhưng riêng đoạn đường từ đê sông Hồng lên cầu vẫn như

dang dở, cát có chỗ từ đường đất tràn ra tận đường nhựa tha hồ bốc bụi. Cái tình trạng nửa chừng xuân ấy, chỗ nào là chẳng có mặt.

Cái mới bao giờ cũng đòi hỏi một quá trình thích ứng. Nghe dân tình đồn đại là một vài người Hà Nội có tiền lần đầu sang châu Âu, đến với những Venice, Milan, Madrid, thấy xa lạ quá, khóc đòi về. Chắc lúc ấy họ cũng ở vào cái tâm trạng của chúng tôi trên đường cao tốc hôm ấy. Sống quá lâu trong cái cổ lỗ thô sơ, làm sao người ta quen ngay với những cái hiện đại kia! Muốn theo kịp những văn minh tiến bộ ấy, phải có trình độ, chúng tôi đâu có ai bảo để học, và giá kể có ai bảo học thì cũng viện cớ đã mệt mỏi quá rồi tìm cách thoái thác.

Trước mọi cái mới, lòng người tự nhiên ngần ngại, và trong thoáng chốc chợt nhận ra một ước ao mơ hồ, giá kể quay về quá khứ thì thích.

Nhưng làm gì có quá khứ mà về! Cuộc sống thô sơ hôm qua đâu có đứng nguyên như chúng ta vốn nghĩ. Mà nó đang trong tình trạng thoái hóa. Như con đường trở ra chúng tôi đã đi. Cũ càng. Mực nát. Đầy tai vạ. Sở dĩ cái hiện đại hôm nay nham nhở nhếch nhác, thì cũng vì nó là con đẻ của cái tình trạng thô sơ đã tha hóa đó.

Mọi sự quỵên luyến vừa nói ra đã thấy vô lý. Ấy vậy mà không gạt bỏ hẳn nó đi được, nghĩ cũng thấy lạ cho lòng mình.

Trong truyện ngắn Con so về nhà mẹ, nhà văn Thanh Tịnh từng kể trường hợp một cô gái đi làm dâu ở làng xa, cứ về nhà chồng thì nhớ nhà mẹ đẻ, lúc quay về nhà mẹ đẻ lại nhớ nhà chồng. Vì cả hai nơi đều không phải cuộc đời dễ chịu gì. Nơi nào cũng quá thấp so với cuộc đời mà người ta - với tất cả sự biết điều vốn có - tin rằng mình được hưởng. Nên sinh ra những thấp thỏm phân vân lưỡng lự rất buồn cười. Nhiều người chúng tôi hôm nay cũng ở vào tâm trạng như vậy, xin đừng có ai cười cả.

6. DÂN NHẬP CƯ TRONG VĂN CHƯƠNG VÀ BÁO CHÍ

Người ta thường coi Nguyễn Bính như một nhà thơ có tâm hồn đồng ruộng và tha thiết kêu gọi trở về với chân quê. Thật ra nhà thơ đã bị hiểu nhầm. Tác giả Lữ bước sang ngang chỉ gợi lại những kỷ niệm về quê hương trong lòng người. Chứ trong thâm tâm ông cũng biết rằng cây đa bên nước hoặc môi tình của cô hàng xóm chỉ còn là kỷ niệm trong tâm trí. Nó thuộc hẳn về quá khứ. Một đi là ông không trở về với nó nữa, trừ phi bị bắt buộc. Nhìn từ góc độ xã hội học, Nguyễn Bính là một hồn thơ của dân di cư. Từ nông thôn ra thành thị, họ như cái cây bị mang từ mảnh đất này sang trồng ở mảnh đất khác và cuộc đời họ phải chấp nhận nhiều bi kịch tiêu biểu cho số phận con người trong xã hội hiện đại.

Suốt thế kỷ XX, làn sóng người dân quê Việt Nam rời bỏ làng xóm ra thành thị chia thành nhiều đợt dồn dập. Chiến tranh khiến cho người ta không còn có thể tự do lựa chọn. Hết chiến tranh thì lại nhu cầu tái thiết kinh tế. Số dân quá đông. Kỹ thuật làm ăn cũ kỹ. Tình trạng lạc hậu không phải bỗng chốc mà được cải thiện. Dù không muốn đi, dù biết rời quê là trăm cay ngàn đắng trên phương diện tình cảm, họ cứ phải theo nhau mà đi. Một nhà văn như Nguyễn Minh Châu đã thông cảm với cái nỗi niềm ấy ở họ. Trong thiên truyện Ngày tết về thăm quê in đầu 1986, nông thôn trì trệ được ông miêu tả dưới con mắt một người xa quê đã lâu. Hàng mấy chục năm cả con người lẫn cách sống vùng quê này không đổi. Bởi vậy ở cuối thiên truyện rất hay nhưng lại ít người biết này, nhân vật của Nguyễn Minh Châu sau cuộc trò chuyện với một thanh niên tên Kim đã thăm kêu lên đau đớn “Kim, Kim, Kim. Đời cháu mai ngày sẽ ra sao nếu gắn chặt với những làng xóm quê nhà yêu dấu!”

Hai chục năm nay, dù đã dạn dò nhau rất nhiều song các vấn đề nông thôn chưa được chúng ta đề cập tới đúng như nó cần phải có. Nông thôn ta đã thay đổi ra sao trong hiện đại hóa? Khi tìm cách trả lời cho câu hỏi này, nhìn vào văn chương, người ta không khỏi lúng túng.

May mà gần đây còn có Cảnh đồng bất tận. Tác phẩm này đã đáp ứng được sự chờ đợi của nhiều người.

Nhưng những sáng tác như của Nguyễn Ngọc Tư mới nói về cái bộ phận nông dân ở lại chính mảnh đất cũ. Còn các vấn đề của cái bộ phận “nông thôn ra đi” - “nông thôn từ bỏ chính mình”, vẫn ít được văn chương báo chí nhắc nhở tới. Một con số thống kê cho biết hàng ngày có khoảng nửa triệu dân nhập cư sống, làm việc ở một đô thị như Hà Nội. Có người sáng đi tối lại quay về với làng xóm của họ. Có người lên theo mùa. Ngày càng có thêm những người lên một thời gian dài và mỗi năm chỉ lai vãng về quê vài lần. Song họ mới là dân đô thị một nửa. Sinh hoạt của họ có cái gì chấp nối vá vúi tạm bợ.

Họ cần có một Nguyễn Ngọc Tư của họ.

Và trước mắt họ cần được thông cảm của toàn xã hội, được nhắc tới và chia sẻ trong các phương tiện thông tin đại chúng.

Những ý nghĩ trên lâu nay vốn đã lớn vồn trong đầu óc tôi, càng dội lên như ám ảnh trong những ngày tết. Lúc này, Hà Nội như vắng đi, tàu xe khó khăn vì người về quê. Còn sau tết, có tin nhiều khu công nghiệp ở các tỉnh phía Nam, công nhân không chịu lên làm việc tiếp. Thế là người ta lại nháo lên bàn bạc. Chính sách cần thay đổi thế nào, ngoài lương thì còn phải lo cho đời sống hàng ngày của họ ra sao, trong câu chuyện bên bữa cơm ở các gia đình, nhiều người đã có nhắc nhở.

Nhưng so với chuyện thị trường chứng khoán, chuyện cúm gà cúm vịt, thì các câu chuyện tương tự rộ lên được ít ngày rồi lại lụi thối đi.

Có lần, tôi đọc được một mẫu tin ngắn trên mạng: Việt Nam cần giải quyết tình trạng di cư gia tăng. Đó là khuyến nghị của Quỹ Dân số Liên hợp quốc (UNFPA) tại Việt Nam đưa ra trong hội thảo về vấn đề di cư tổ chức hôm nay ở Hà Nội.

Cho là chủ đề quan trọng, tôi đi tìm tiếp. Nhưng tìm suốt lượt các tờ báo chính chỉ thấy có một ít tờ đưa tin này, và cách đưa thì hết sức sơ lược, chẳng hề nói hội thảo đã diễn ra với sự tham dự của những ai, có báo cáo nào xuất sắc, đâu là vấn đề tiếp theo cần khai thác. Tóm lại là tin đưa không mấy mặn mà như những tin về cô ca sĩ này có bầu hoặc hoa hậu kia thay một ăn mặc.

Nghĩ ra mà thấy cảm cảnh quá!

7. HỒN TRƯỞNG BA, DA HÀNG THỊT

Đường phố Hà Nội trước toàn xe đạp nay toàn xe máy - nhiều khách nước ngoài từng qua thăm Việt Nam nhiều lần có nhận xét như vậy. Cái việc Việt Nam trở thành một “xe máy quốc”, thì dân ta ai cũng biết rồi. Điều phát hiện gần đây của nhiều người chỉ là chúng ta thường đi xe máy bằng chính cái tâm lý từng đi xe đạp hôm qua. Khi rú lên phóng thật nhanh, khi dậm đà làm dáng điệu bộ trên đường. Hoặc nếu gặp đoạn tắc mà các nhà gần đây không chiếm dụng vỉa hè làm chỗ bán hàng, thì sẵn sàng lao lên luôn lách cho mau. Lại còn những kiện hàng to tướng người ta thường buộc sau xe nữa, nó khiến cho những con đường nhựa cũ kỹ ở Hà Nội hiện ra chẳng khác nhau bao nhiêu so với những con đường làng mấp mô. Và đó chính là đặc điểm của giao thông ở các đô thị hiện nay.

Con đê ven sông Hồng mà ngày nào tôi cũng đi qua vốn là con đường để hàng hóa ngoại tỉnh tràn về Hà Nội. Ngoài rau cỏ, trong các thứ hàng mang lên bao giờ cũng có gà vịt. Và trong số những kỷ niệm vui vui từ mười năm trước, tôi nhớ thường có cảnh những xe đạp chở vịt đang đi bỗng dừng lại. Một ít bánh đúc được lôi ra. Người ta dang rộng mỏ vịt để nhồi mớ bánh đúc ấy vào cho chúng thật đầy điều, nhồi cho đến “lòi tù và” mới thôi. Rồi sang chợ Long Biên cân kẹo với nhau, số cân con vịt sẽ gồm cả cái đồng bánh đúc mới tọng đó. Có lần thấy tôi ngạc nhiên, các bà bán vịt cười xòa, nghề của chúng tôi nó thế, từ đời các cụ xưa đã truyền lại, ai cũng phải làm, ngồi tọng bánh đúc cho vịt thế này còn hơn chốc nữa lên mặc cả với đám lái ngồi sẵn trên chợ.

Một hai năm nay chuyện nhồi bánh đúc hôm qua không còn nữa. Đám lái các tỉnh mang vịt lên Hà Nội đã chuyển qua đi xe máy cả. Song cái tâm lý làm ăn kiêu ấy vẫn đang hiện ra thiên hình vạn trạng. Ngay trong các lô hàng xuất đi các nước, dân mình cũng có nhiều chiêu thức tương tự, khiến người

ta khó chịu, có khi bị trả về vì không đạt tiêu chuẩn. Trong tôm có dư thừa lượng kháng sinh không được phép. Hàng thủ công chất lượng kém. Sức mạnh của thói quen thật ghê gớm. Tôi chợt tưởng tượng giá có ai đến tận các cơ sở sản xuất mà hỏi, thì chắc cũng thấy mấy người phụ trách cười xòa, các cụ xưa đã truyền lại, ai cũng phải làm, nhiều khi đã biết là sai mà không bỏ được. Vậy là cái tâm lý của người quen nhồi vẹt vẫn đang chi phối những người làm hàng xuất khẩu.

Nhiều huyện cũ của Hà Nội nay lên quận, các xã được gọi là phường. Cũng như ở các tỉnh, nhiều huyện lỵ nhỏ trở thành thị trấn, thị xã thành ra thành phố. Một quá trình đô thị hóa cũng đến với chúng ta, như ở nhiều nước khác. Chỉ có điều ở những đô thị mới ấy, phố xá thường vẫn cong queo xệch xạc - chẳng qua nó là con đường làng được đổ bê-tông mà thành. So với các khu phố cũ thì lượng xe ở các “phố làng” này có ít hơn, và suốt ngày thấy có nhiều người đi bộ hơn. Quan sát kỹ hơn thì thấy người ta - cả trẻ con lẫn người lớn - thường vẫn đi bộ nghênh ngang ra tận giữa đường. Tại xưa nay vẫn đi vậy một phần. Nhưng cũng tại những căn phố mới này phần lớn không có vỉa hè, muốn trở thành người thành phố đi theo vỉa hè cũng không có chỗ mà đi.

Những thói quen cũ còn có mặt trong mọi sinh hoạt gia đình. Bên Gia Lâm tôi, hồi sốt đất, nhiều nhà có vài trăm mét tự nhiên thành tỷ phú, xây nhà ba tầng bốn tầng, nhà cũng chia làm nhiều phòng kiểu cách như các biệt thự. Nhưng tôi tối nhìn vào nhiều nhà, thấy người ta chỉ quanh quẩn phòng khách dưới nhà. Ở đó, con cái học bài, bố mẹ xem ti vi hoặc trò chuyện với hàng xóm. Cả nhà cứ phải sống bên cạnh nhau, chứ không ai tính chuyện về phòng riêng làm việc một mình. Vả là dân thành phố, nhưng ruột vẫn là người nông dân thời cũ, ngay trong nếp sống.

Thời nào thì trong con người cũng có cái chen cả mới lẫn cũ. Anh Trương Ba chết, nhưng hồn không chịu chết, cứ tồn tại trong cái vỏ anh hàng thịt.

Bi kịch riêng của con người hiện đại chúng ta chỉ bắt đầu từ chỗ nhập nhèm sau đây:

- Bởi biết rằng cái cũ không bao giờ thay đổi nổi, nên mặc dầu đã ngán ngẩm nó lắm rồi, song lại quay ra lý tưởng hóa nó.

- Còn với cái mới, biết rằng không bao giờ đạt tới, liền lờ đi coi như không có, chỉ cốt sao có cái danh hào là được rồi.

Cũ mới nhập nhèm, trông cũng buồn cười. Nhưng vì ai cũng thế, cả mình cũng thế, nên không dám cười nữa.

8. ẢO TƯỢNG, ĐÂU ĐỂ TỪ BỎ

Giữa bao nhiêu vụ bê bối đương thời, thì vụ bán độ trong bóng đá năm

2004 chỉ là một cái gì rất nhỏ. Sau khi điều tra trên diện rộng, và có lẽ chỉ có một số nhỏ người có liên quan là có án cụ thể. Song tôi nghĩ cái số người không có án, số đó mới đáng sợ. Nghĩ tới họ ta hình dung ra cả một tình trạng lầm lỗi tràn lan với những biểu hiện muôn màu muôn vẻ.

Đã có những con người hư hỏng, cậy chút tài năng để buông thả, và thường xuyên đầu cơ lòng yêu mến của người hâm mộ. Đã có những cán bộ phụ trách làm ăn với xã hội đen để kiếm chác. Đã có những tập thể cùng nhất trí đưa tiền đi hối lộ. Đã có những thành tích có được do đi xin đi chạy. Đã có lối sống bài bạc trai gái rủ rê nhau làm bậy rồi phản bội nhau, ăn chặn tiền công của nhau. Đã có những cuộc chạy làng. Đã có lì lợm chối quanh, ngoan cố cãi chày cãi bừa sau khi bị cơ quan điều tra phát hiện. Tóm lại, đã có những tội lỗi mà lâu nay chúng ta chỉ đọc trong sách vở, hoặc xem trong phim ảnh, nay trong thực tế còn bản hơn, ghê hơn. Không gì xa lạ với chúng ta cả.

Đây, cái chính làm cho người ta nghĩ ngợi nhân chuyện cá độ bóng đá là ở chỗ ấy: Nó không phải là một “hiện tượng cá biệt” như chữ ta hay dùng. Nó tiêu biểu cho một xu thế thấy ở nhiều ngành, nhiều địa phương. Chẳng qua, những ngành những địa phương đó quan trọng, lỗi ra thì xấu hổ chung nên người ta im đi. Còn thể thao ư, thể thao có vẻ chẳng là gì cả, nên người ta cho “bớt tung” ra như vậy. Dầu sao, nó - cái hiện tượng tiêu cực chung, cũng đã có dịp được bộc lộ, và ai cũng thấy đây không phải là chuyện riêng của một ngành thể thao.

Nhân đây tôi nhớ lại một mẩu chuyện cũ.

Nhà thơ Thợ Rèn có lần kể với tôi: Cụ Tuân (tức nhà văn Nguyễn Tuân) mang tiếng là hay thắc mắc chứ thật ra nhiều khi cũng ngây thơ lắm. Đầu mấy năm đầu hòa bình 1954, chính cụ đã có lần kêu tướng lên rằng nay là lúc ai cũng tốt cả, vậy thì các loại nhà tù như Hỏa Lò cần giải tán đi chứ để làm gì nữa. Sau này nghĩ lại, chính Nguyễn Tuân cũng thấy buồn cười cho mình.

Nhắc lại chuyện ấy để thấy ngay ở những nhân vật xuất sắc của xã hội, trong sự suy nghĩ nhiều khi cũng có ảo tưởng. Mà cái ảo tưởng lớn nhất là làm tưởng rằng chúng ta có một xã hội khác hẳn mọi xã hội khác. Xấu xa đê tiện hư hỏng tàn ác... không có đất sống. Có thể còn nghèo nhưng “đói mà sạch rách mà thơm”. Mọi người đều “trên mức tuyệt vời”. Ai cũng thành chủ nhân chân chính của đất nước. Ai cũng đáng yêu. Vâng, kỳ lạ, ngớ ngẩn, ảo tưởng, bốc thế đấy! Có người còn ngờ vực chưa tin ư? Chỉ cần giở sách giáo khoa mà học sinh các cấp đang học. Chỉ cần giở các sáng tác văn thơ “kinh điển” ra, những câu kiểu như “Gặp mỗi mặt người đều muốn ghé môi hôn” (Chế Lan Viên) nhan nhản, nó là bằng chứng của một cách nghĩ đã thuộc về quá khứ.

“Răng không cô gái trên sông - Ngày mai cô sẽ từ trong ra ngoài - Thơm

như hương luy hoa nhài - Sạch như nước suối ban mai cửa rừng...”

Đó là mấy câu trong bài Tiếng hát sông Hương của Tố Hữu mà nhiều thế hệ học sinh nửa thế kỷ nay phải học thuộc lòng, và nếu tôi không lầm thì ai cũng thấy đúng. Ngày mai sẽ hơn ngày nay, còn gì đúng hơn thế nữa? Nhưng nay nghĩ lại, nó không phải là ảo tưởng thì còn là một cái gì khác?

Ảo tưởng mãi mãi nảy sinh là vì thế, nó thuộc về tất cả chúng ta, khi chúng ta chưa trưởng thành. Và nó khó vượt qua, là vì khi đã nảy sinh rồi thì cứ làm người ta quẩn luyện mãi.

Năm 2006 có vụ tự truyện Lê Văn yêu và sống bị nhiều người phản đối. Nhiều người không thể chấp nhận chuyện một người con gái - ở đây là một diễn viên nổi tiếng - mang kể tung những chuyện riêng trong gia đình mình cho mọi người cùng nghe. Một mặt người ta tỏ ý thạo đời: “Ai chả biết!”. Mặt khác người ta vẫn cho là nhiều điều chẳng hay ho gì ấy nhất thiết không được đưa lên trang giấy, không được cho lớp trẻ đọc.

Qua việc này tôi nhận thấy thói quen sống trong ảo tưởng vốn đã trở nên thâm căn cố đế nơi nhiều người lại có thêm cách bộc lộ mới. Ảo tưởng rằng nếu ta nhắm mắt không muốn nhìn một hiện tượng xấu nào đó thì rồi tự khắc nó sẽ biến đi. Nhất là ảo tưởng là chúng ta muốn nhào nặn lớp trẻ thế nào cũng nên, muốn nói dối những công dân tương lai đó thế nào cũng được.

Trên nguyên tắc thì ai cũng biết phải dám nhìn thẳng vào sự thật. Nhưng trong thực tế thì đã bao lâu nay lối sợ khuyết điểm, sợ sự thực kéo dài, dẫn tới che giấu cho nhau và nhiều khi cả đám đông hòa vào cùng bảo nhau che giấu. Người nọ sợ người kia biết. Cấp dưới sợ cấp trên biết. Người già sợ thanh niên biết. Người phụ trách sợ dân biết... Thoạt đầu là thành tâm, là có dụng ý tốt. Nhưng do đã kéo quá dài nên những động cơ tốt đẹp ấy không đủ để biện minh cho bao nhiêu tai hại tiếp nối.

9. TẤT CẢ ĐÃ CÓ TRONG LỊCH SỬ

Trần Khánh Dư (không rõ năm sinh, mất năm 1339), thường được biết tới như một trong những công thần trong cuộc kháng chiến chống Nguyên Mông. Có điều ông cũng rất giỏi tham lam vợ vét. Khi làm trấn thủ Vân Đồn, tục ở đây quần áo đồ dùng còn bắt chước người Trong Quốc, ông ra lệnh cho quân không được đội các nón kiểu phương bắc mà phải đội nón của một làng gần đấy gọi là nón ma lô để phân biệt. Nghe thì có vẻ rất nghiêm! Có biết đâu, trước đó ông đã sai người nhà mua sẵn nón về bán, mỗi chiếc giá đắt gần bằng một tấm vải, nhờ thế cũng có được một “chiến công tung bừa” trên phương diện kiếm lợi bỏ túi.

Câu chuyện trên không thấy ghi trong các bộ sử hiện đại kể cả Việt Nam sử lược, tôi chỉ biết được nhờ mấy hôm buồn tình lấy bộ Lịch triều hiến

chương loại chí của Phan Huy Chú ra đọc. Đến khi tìm lại Đại Việt sử ký toàn thư thấy có thêm một chi tiết có sức tố cáo mạnh hơn. Có lần người dân đã kiện Trần Khánh Dư đến tận triều đình, nhưng ông không sợ mà còn công khai tuyên bố: “Tướng là chim ưng, dân lính là vịt, dùng vịt để nuôi chim ưng có gì là lạ?”.

Câu chuyện về Trần Khánh Dư trước tiên mang lại cho tôi một sự an ủi, hóa ra nhiều chuyện đời nay chỉ là phóng chiếu những chuyện đời xưa.

Về tham nhũng, Đại Việt sử ký toàn thư ghi, không phải đến thời vua Lê chúa Trịnh, mà ngay từ đời Lê Nhân Tông (sau Lê Thái Tổ và Lê Thái Tôn, trước Lê Thánh Tôn) tức khi vương triều thịnh trị, đã có hiện tượng “trên thì tể tướng, dưới thì trăm quan, hối lộ bừa bãi”.

Về những dễ dãi trong việc ban quan tước, sách Lịch triều hiến chương loại chí của Phan Huy Chú ghi: “Triều Tây Sơn phong tước quá lạm, đến cả phu quét chợ, lính đẩy xe cũng đều trao cho tước hầu tước bá. Danh khí tôi đến như thế! Muốn cho khỏi loạn, có thể được không?”

Theo nhà triết học B.Russel “Đọc sử để biết những ngu xuẩn của quá khứ, nhờ thế người ta có thể chịu đựng tốt hơn những ngu xuẩn của hiện tại” (trích lại từ giáo sư Hà Văn Tấn). Nghe ra có vẻ đau đớn chua xót, nhưng thực ra đó mới là động cơ đủ sức thúc đẩy người ta “đi tìm thời gian đã mất”.

Mấy năm nay ở ta có hiện tượng điếm sử của các học sinh trong các kỳ thi trung học kém một cách thảm hại. Và nói rộng hơn, lớp trẻ hiện nay ngán các bài sử ở trường đến tận mang tai, bắt buộc dĩ phải học sử, lúc học lên có không biết thi vào trường nào khác mới chịu thi vào sử.

Tại sao như vậy? Nhiều người nói là các giáo viên chúng ta không biết dạy. Có người dám viết rằng đã gọi là lịch sử thì bao giờ cũng nhàm chán khô khan, khó hiểu, lặp đi lặp lại. Họ tính chuyện tăng tính hấp dẫn của môn sử bằng tranh vẽ với lại phim ảnh, bởi tin rằng chỉ các biện pháp kỹ thuật thật xịn ấy mới giúp cho môn học đỡ ngấy.

Nếu chúng ta biết rằng ở các nước, lịch sử vẫn được người ta coi là một môn học sinh động và có sức lôi cuốn bậc nhất với học sinh, thì có thể thấy đầu mỗi câu chuyện không phải là ở chỗ ấy. Lịch sử sao lại nhàm chán cho được?!

Việc học sinh và người dân ở ta ngán sử, theo tôi có nhiều nguyên nhân khác nhau.

Các bài sử được giảng khô cứng tẻ nhạt thiếu hẳn chi tiết thực tế. Chuyện ngày xưa được kể lại mà cứ như chuyện ngày nay. Ngôn từ và cách nói của lịch sử thiếu vắng. Cũng như thiếu hẳn cảm giác về một thời gian đã qua, vừa xa lạ vừa gần gũi. Thế thì ai mà thích được?

Vỏ đã vậy còn ruột thì sao? Một môn học chỉ hấp dẫn khi người ta tạo cho người học cảm tưởng ở trong đó có rất nhiều bí mật, kể cả những chuyện có thực mà không một đầu óc nào tưởng tượng nổi. Nó mời gọi người ta

khám phá, chứng kiến, lý giải.

Cái hồn này của sử ở ta không có. Ngược lại, người viết sử chỉ cho thấy một thứ lịch sử trên sơ đồ, lịch sử đã chung cất phục vụ cho một mục đích giáo dục đúng đắn nhưng quá đơn điệu. Thí dụ nói đến nhà Trần đánh quân Nguyên chỉ toàn cho thấy mấy lần vua tôi bàn nhau quyết tâm Sát Thát, nói đến vua Quang Trung chỉ nói đến chiến thắng Đống Đa, Ngọc Hồi... ở trung học cũng vậy, mà lên đại học cũng vậy. Còn chuyện những người cầm quân và làm việc nước lúc ấy quan hệ với nhau ra sao, suy nghĩ cụ thể như thế nào trong hành động, có những chính sách cụ thể ra sao sau chiến thắng - tương tự như hai mẩu chuyện tôi vừa đọc được - thì không bao giờ cho học sinh biết và gọi cho chúng cần biết.

Sau khi học qua chục năm ở trường phổ thông đám trẻ thông minh hiện nay lúc vui đùa thường mang những công thức mà chúng học được trong các giờ sử ra giễu cợt: nào “có áp bức có đấu tranh”, nào “tinh thần yêu nước và căm thù giặc đã tạo nên sức mạnh”.

Khi cảm thấy không được tôn trọng, không cảm thấy cái thiêng liêng trong kiến thức mà vẫn buộc phải học, người ta không có cách phản ứng nào khác.

Muối mà không mặn còn gì là muối, sử mà không có cái phập phồng của đời sống con người trong quá khứ, làm sao gọi là sử được?

10. MỘT LẦN LỖ TẤN NỔI CÁU

Nguyễn Hiến Lê, trong cuốn Sử Trung Quốc, có kể lại một mẩu chuyện nhỏ. Khoảng 1920, nhà triết học Anh Bertrand Russell tới tham quan cảnh Tây Hồ ở Hàng Châu. Trời nắng gắt, bọn phu khiêng kiệu cho ông leo những đường dốc hiểm trở để lên một ngọn núi. Thấy họ vất vả ông tỏ ý thương hại. Nhưng ông lấy làm lạ là đến lúc ngồi nghỉ, họ liền lấy thuốc ra hút rồi cười đùa âm ỹ, tưởng như đời hạnh phúc lắm. Và ông khen ngợi, cho là họ biết sống.

Nghe được chuyện này, Lỗ Tấn bực lắm, trước tiên là vì những lời khen của ông bạn ngoại quốc.

Lỗ Tấn mai mỉa: “Tôi không rõ khi khen vậy, ông ấy muốn nói gì. Và tác giả AQ bày tỏ ý muốn nhìn thấy ở những người phu kiệu cách phản ứng khác: “Tôi chỉ biết một điều là nếu những tên phu đó biết đau đớn về thân phận của mình thì Trung Hoa đã thoát khỏi cảnh điêu đứng từ lâu rồi.”

Ai đã từng ra nước ngoài đều biết, ghé lại đất nước nào đó ít ngày, phải cố ý tránh cho mình mọi phiền phức. Cái lối ban phát lời khen vô tội vạ, do đó, là rất phổ biến, vì “có mất gì của họ đâu mà họ tiếc”. Một sự nghi ngại như của Lỗ Tấn không phải là vô lý.

Tuy nhiên phải nhận ai cũng thấy cái cách phớt lờ những chuyện không được như ý, vui tươi trước mọi vất vả, càng khổ càng cười mạnh, đây là một cách nghĩ thông thường đã có từ ngàn đời nay. Không những nó có ở phương Đông mà có cả ở phương Tây. Nó chỉ là một phương thức giúp người ta tự vệ. Ai chưa có cũng muốn học!

Thành thử tôi cũng không đại gì mà bài bác những tiếng cười thỏa hiệp hiện đang khá phổ biến.

Chỉ có điều trong thực tế hiện nay, không phải mọi người dừng lại ở chỗ ấy. Hình như chúng ta đang mãi cười quá. Cười để khỏi phải nghĩ. Cười để lảng tránh thực tế nó đang không được như ta mong muốn. Cười để cào bằng hay dở tốt xấu, xí xóa mọi chuyện. Cười để “ra cái điều” mình bất cần đời. Tiếng cười trong nhiều trường hợp đã trở thành một thứ hành động vô cảm. Và vô trách nhiệm nữa.

Tới lúc này thì tôi lại thấy Lỗ Tấn là rất có lý.

Sinh thời Lỗ Tấn vốn nổi tiếng với tinh thần phê phán xã hội. Không những ông phê phán giai cấp thống trị mà phê phán luôn cả đại chúng nữa. Các tài liệu nghiên cứu về xã hội và con người Trung Quốc hiện đại đều ghi nhận Lỗ Tấn là người đi đầu trong việc chỉ ra quốc dân tính đáng chê trách của người Trung Quốc. Liên quan tới đám đông, bộ phận dưới đáy của xã hội, thái độ của ông thu gọn lại trong công thức “ái kỳ bất hạnh nộ kỳ bất tranh”, hàm ý ông thông cảm với những đau đớn của họ, nhưng giận vì họ

nhát, hèn, không dám tranh đấu.

Sự bực bội mà Nguyễn Hiến Lê kể lại nói trên như vậy là nằm trong cái mạch xử thế nhất quán của Lỗ Tấn.

Cần nhắc lại câu chuyện trên vì có vẻ như đến nay nó vẫn còn ý nghĩa. Sự bất mãn trước thực tế vốn không phải là độc quyền của con người bất cứ thời đại nào xứ sở nào. Thậm chí còn có thể nói là xã hội càng đi lên thì người ta càng cảm thấy sự không hoàn thiện của nó. Tình trạng mệt mỏi nhanh chóng xảy ra.

Một thời đề mắt (1995) là tên một cuốn sách viết về Nguyên Hồng của nhà văn Bùi Ngọc Tấn. Hiện lên trong sách là một Nguyên Hồng về già đau khổ trước bao điều chướng tai gai mắt và sự bất lực của bản thân cũng như chung quanh. Không phải ông không biết như thế là chưa hoàn thành sứ mệnh của một nhà văn, nhưng làm cách nào để thay đổi thì ông chịu. Bùi Ngọc Tấn đặt vào đoạn kết một kỷ niệm. Lần ấy tác giả Bỉ vô đến thăm ông, đang nằm trên giường đọc sách, bỗng nhồm dậy vì một câu nói trùng ý mình:

- Tấn ơi! Làm gì đấy. Nghe đã nhé. Đây là câu kết một vở kịch Ba Lan. Nhân vật chính quay ra nói với khán giả: “Các bạn có biết vì sao người ta nói dối không? Có hai lý do. Thứ nhất: Người ta sợ nói khác mọi người. Thứ hai: Người ta mệt quá rồi”.

Sự mệt mỏi đã là một thứ bạn đồng hành bất đắc dĩ mà còn sống ta còn phải chịu đựng.

Khi bị đẩy đến mức cao nhất, sự mệt mỏi thường xuyên này trở nên một tác nhân làm tha hóa con người. Người ta hoặc là nói dối như trong vở kịch Ba Lan nói trên, hoặc là chỉ còn biết cười, cười để lảng tránh.

Một mặt phải chấp nhận rằng nó - sự tha hóa này - cũng là một cái gì tự nhiên, một phản ứng nhân bản, với nghĩa nó là điều ở đâu con người cũng tìm lấy cho mình để yên tâm và sống sót.

Nhưng mặt khác, sẽ là nhân bản hơn, nếu chúng ta đặt vấn đề yêu cầu cao ở con người không để thực tế kéo mình thấp xuống, duy trì lấy sự bất mãn chính đáng và tìm tới những suy nghĩ và hành động thích hợp, tức phấn đấu cho một cuộc sống tốt đẹp hơn. Đây mới chính là cách vượt lên trên sự mệt mỏi và tiêu hóa nó một cách hiệu nghiệm nhất. Cười là cần nhưng cái suy nghĩ sau đó lại còn cần kíp hơn hẳn một bậc.

11 . ĐỘC ĐÁO VỚI BẤT CỨ GIÁ NÀO!

Hồi còn chuyên mục Gặp nhau cuối tuần, VTV3 từng cho diễn một chương trình khá thú vị mang tên Hội ơi là hội! Chuyện kể về một làng nọ có cái tên là làng Cự Phách làm hội. Làm như thế nào? Nói nôm na là không

có cũng vẽ ra mà làm, cái gì sẵn có thì tưởng là mình đã quá tài, làm liêu làm ầu, làm một cách bôi bác. Còn cái gì không có thì bảo nhau bắt chước người khác (ai đó đạo văn, đạo nhạc thì ở đây người ta sẵn sàng đạo hội). Như thấy các làng khác có chọi trâu chọi gà thì nghĩ ra việc... chọi lợn. Đến là lắm trò nhỏ nhăng, không ai nhin cười nổi!

Ngay sau tiếng cười, cố nhiên, màn kịch cũng làm cho người ta phải nghĩ. Thấy có chút gì nhoi nhói trong lòng. Thấy thoáng qua một chút xấu hổ. Trong không khí Việt Nam gia nhập WTO, đi vào hội nhập với thế giới, có thể từ vở kịch đọc ra vài nét tâm lý hiện thời.

Sau những năm tháng bao cấp, ngủ dài trong uể oải, nay ai cũng trở nên cực kỳ năng động, không ai bảo ai cùng cuống cuống lên cả một lượt, mê mãi sống mê mãi hưởng thụ. Thay đổi với bất cứ giá nào. Nhanh nhẩu đến mức giả tạo. Ma mãnh đủ trò. Đắp điểm vay mượn đủ kiểu. Miễn sao gây được sự chú ý, miễn sao thu về tiền bạc.

Trong cơn say kiếm ăn, người ta mang quá khứ ra để làm thương mại. Không phải tét nhất cũng nấu bánh chưng. Và không có đỗ thì lấy ngô lấy khoai, không có nhân thịt lợn thì lấy thịt trâu thịt chuột. Nhân danh một mục đích tốt đẹp, tự cho rằng có gian dối một tí rồi thần phật cũng tha bổng cho hết.

Khi tiếp xúc với nước ngoài, không chịu chuẩn bị nghiên cứu kỹ càng, mà quen lối lấu vặt học đòi, nhiều khi bê nguyên xi về mình những cái rất xa lạ, mà vẫn không thấy chướng và càng lạ càng coi là hay. Như trên đã nói, trong kịch có cảnh mấy người phỏng theo lối đấu bò ở Tây Ban Nha, tổ chức đấu lợn. Đấu thế nào? Người ra đấu ngồi xổm trên mặt đất tay cầm miếng vải đỏ khiêu khích lợn, tay kia cầm cái gì na ná như cái khiên để tự che đỡ.

Tận trong tâm lý sâu xa, rõ là con người ở đây ản giấu rất nhiều mặc cảm. Cái sự làm liêu ở đây vốn được bắt đầu từ một nguyện vọng có vẻ rất chính đáng. Đó là khi tiếp xúc muốn gây ấn tượng với người. Song do chỗ trong thâm tâm thừa biết mình kém sẵn, và không bao giờ có thể bằng người, nên chỉ còn cách cố ý tạo ra sự lập dị, nói chệch đi là độc đáo. Rồi nhận ra đây là ngón võ có vẻ hiệu quả, người ta còn hùa nhau nâng nó - cái sự độc đáo ấy lên thành lý tưởng, sùng bái nó, cho nó là quan trọng nhất trên đời.

Sự độc đáo hay bản sắc vốn không xa lạ với con người hiện đại. Nó thường được lưu ý khi người ta tìm cách phân biệt các cộng đồng. Nhưng theo các nhà xã hội học có độc đáo hay và độc đáo dở, độc đáo đáng triển khai tiếp tục và độc đáo như một cục bướu đáng cắt bỏ đi. Chỉ khi đằng sau cái bản sắc đó, thấy toát lên ý nghĩa phổ biến, người ta mới cảm thấy gần gũi, và coi đó là cái bản sắc chân chính.

Một điều quan trọng nữa là tự nó độc đáo trong bản sắc sẽ đến chứ không cần đi tìm. Đề tự nó đến thì nó sẽ tự nhiên. Lấy nó là mục đích, tìm sai, tìm nhầm, rồi lại tô vẽ cho nó, thì sẽ gây nhiều phản cảm.

Không thể nói rằng chỉ cần đọc sách là có giá trị. Trong việc này dân văn chương bọn tôi cũng có một ít kỷ niệm. Hồi đó là vào khoảng đầu những năm sáu mươi, ở Hà Nội, một số bạn trẻ mới tập viết, trong khao khát muốn tự khẳng định, cũng có cái lối đi tìm bằng được sự độc đáo để gây ấn tượng và coi đó là sáng tạo. May mà các bậc đàn anh đã sớm nhắc nhở. Nhà thơ Xuân Diệu “đá” mạnh nhất. Với lối nói riết róng vốn có, ông bảo nên nhớ là hai con lợn khác nhau cũng mỗi con một cá tính, nghĩa là chẳng con nào giống con nào; vậy đừng có lẫn cá tính với cá tật... Sự độc đáo chỉ đến qua con đường học hỏi khổ luyện hòa nhập với chung quanh, rút ra từ kẻ khác những điều tinh túy và phù hợp để tự làm giàu thêm bản thân.

Nói cho vui, không chừng cái làng Cự Phạm trong chương trình Hội ơi là hội! đã ăn phải đũa bọn tập tọng học nghề chúng tôi mấy chục năm trước. Nhưng hồi ấy chúng tôi làm thế vì sống trong một xã hội khép kín, tìm tòi không có đường ra nên phải tự mình lừa mình. Nay đã sang một thời buổi khác, cuộc sống lúc nào cũng trình ra trước mắt bạn bè xa gần, chẳng lẽ chúng ta không rút được ít kinh nghiệm?

Đọc tin du lịch, thấy có hiện tượng khách nước ngoài vào Việt Nam, một số bỏ cuộc sớm và hầu hết không tính chuyện quay lại. Lúc đầu thắc mắc, nay thì tôi đã hiểu. Không chỉ bị kéo vào đám hội tương tự như trong chương trình truyền hình nọ, mà họ còn vấp phải cả một cách nghĩ ấu trĩ, xuất hiện ở bất cứ nơi nào có thể. Ra họ có cái lý của họ!

12. MỘT NGÀN LÝ DO ĐỂ... MÃI MÃI LÃNG PHÍ

Bên cạnh sọt rác, các gia đình Hà Nội trước đây thường có thêm thùng nước gạo để chứa các loại thức ăn thừa. Sẽ có người đến đây lấy để về nuôi lợn. Bù lại, người ta nộp cho chủ nhà mỗi tháng vài cái chổi. Bây giờ thức ăn thừa nhiều hơn, nhưng ở nhiều gia đình, một chỗ để cái túi ny lông rác đã khó, nói chi thùng nước gạo. Nếu không phải tống xuống cống thì cũng vớt vào rác hết. Có lẽ các bạn trẻ nhìn đây là chuyện bình thường, nhưng với lớp già chúng tôi, nhìn cơm thừa canh cạn lẫn với rác rưởi thấy ghê ghê. Lại nhớ cái câu các cụ hồi trước vẫn dạy, một hạt cơm rơi cũng phải nhặt vào một chỗ, người không ăn thì con gà con lợn nó ăn, vớt đi phải tội. Ngày nay chẳng ai còn nghĩ thế nữa.

Truyện ngắn Giá ai cho cháu một hào của Nguyễn Công Hoan kể về một đứa nhỏ đi ăn cắp bị giải về quê. Nó than thở mỗi lần như thế này, nhà nước tốn về nó có đến bảy tám đồng bạc trong khi đó giá có ai cho nó một hào làm vốn, nó có đôi thùng đi gánh nước thuê, thì cũng chẳng đi ăn cắp làm gì. Đại ý tác giả muốn nói: do tiếc những món nhỏ người ta lãng phí những món rất to mà không hay biết.

Có nhiều hiện tượng có thể làm chứng cho nhận xét trên đây của Nguyễn Công Hoan. Một trong nhiều loại quà tặng mà những người làm nghề như tôi hay nhận được là những cái cặp đựng tài liệu. Mỗi ngày cặp lại được cải tiến cho đẹp hơn. Chỉ tội một nỗi nhiều khi cặp còn đẹp mà khóa đã hỏng. Phải vứt cả cái cặp đi luôn vì bây giờ loại thợ nhận chữa cặp khóa không có và nếu có thì họ cũng chỉ làm quấy làm quá để mình vứt đi sớm.

- Sao anh toàn nói những chuyện bé bằng mắt muỗi thế? Còn bao nhiêu chuyện các cơ quan nhà nước làm ăn lãng phí hàng tỉ tỉ tiền, sao anh không ghi vào đây mà toàn nói mấy cái phéc-mơ-tuya với lại thùng nước gạo?

- Vâng những chuyện lãng phí tà đình ai cũng biết, nhưng tôi vẫn muốn nhắc những chuyện nhỏ nhặt kia, vì từ cái nọ sinh ra cái kia. Ông Lý Quang Diệu của Singapore có lần viết trong hồi ký: điều làm ông ngạc nhiên là qua Hàn Quốc, ngay ở các phòng khách dành cho nguyên thủ quốc gia, người ta cũng ghi rõ là xin quý vị tiết kiệm điện. Còn ở ta, giá ai bàn làm thế, hẳn sẽ bị chê là bủn xỉn. Lãng phí đang là một nét tâm lý thời đại. Vì sao? Vì ban đầu của công tha hồ vung vít, lãng phí thành một thói quen, không kiềm chế nổi nữa. Vì nghèo lâu quá và chẳng bao giờ giàu bằng người nên thích lãng phí để ra cái điều mình xài sang không kém ai. Vì lúc nào cũng thích làm dáng khoe tài khoe giỏi với nhau, kể cả ra cái điều hư hỏng hơn người cũng thấy vui sướng. Vì không tiêu pha phí phạm thì của cải cũng chẳng thuộc về mình. Và một ngàn cơ khác nữa... trong đó có cái cơ quan trọng này: mình có tiết kiệm cũng vô nghĩa, chung quanh thiên hạ có ai tiết kiệm đâu mà “gái góa lo việc triều đình”.

Các khách sạn ở Singapore thường tổ chức những bữa ăn sáng theo kiểu tiệc đứng, nghĩa là thức ăn để thành từng loại, người vào ăn tùy thích, người ta chỉ viết thêm bằng tiếng Anh mấy chữ khuyên khách nên tiết kiệm, chỉ lấy đủ dùng. Nhưng tại một số nơi khách Việt Nam qua lại luôn, có thêm một dòng chữ bằng tiếng Việt: Lấy thừa không ăn hết sẽ bị phạt tiền. Nhiều người Việt thắc mắc họ làm nhục mình quá! Nhưng có người cãi lại, trông kia đúng là các bàn của khách Việt Nam vẫn để thừa thật. Chẳng qua thấy dân mình phá quen nên họ phải làm thế. Biết nhục mà sửa mới ra con người, chỉ sợ cái sườn vài hôm rồi sau vẫn cứ chứng nào tật ấy, và cái thói “nghèo mà hay lãng phí”, trở thành không thể sửa chữa, thì mới là cả một nỗi đau lớn.

13. ẨN KÍN MỘT TRIẾT LÝ CHUNG

Cấp quang dưới biển bị ăn cắp. Nước tương có thừa chất gây ung thư cũng được bày bán. Hàng hóa xuất ra nước ngoài kém phẩm chất bị trả về. Hơn hai ngàn học sinh bị đình chỉ trong kỳ thi tốt nghiệp phổ thông. Những

sự việc ấy nối tiếp vào các vụ việc tiêu cực bấy lâu chúng ta vẫn nghe - như phá rừng, lấn biển bừa bãi, ăn cắp nguyên vật liệu trong xây dựng, gọi là cải tạo nhưng thực ra phá hoại môi trường và tàn phá di sản... - khiến cho nhiều người phần nộ, và công thức chung để giải quyết vẫn là phải thật nghiêm khi xét xử cùng là tuyên truyền giáo dục nâng cao ý thức của con người.

Tôi cũng thấy thế, song trong bụng không khỏi thoáng qua một chút hoài nghi. Nhiều hiện tượng cứ nối tiếp theo kiểu “chém đầu này mọc đầu khác”. Muốn chữa tận gốc, cần đi tìm cội rễ của sự việc trong tâm lý xã hội và trong từng con người.

Trong các hành động vừa kể, có cái coi như đã phạm pháp và sẽ bị truy tố, có cái có vẻ không sao, ta biết để rồi bảo nhau. Tuy nhiên nhìn chung thì nay là lúc kỷ cương lỏng lẻo và con người buông thả tùy tiện. Trên đại thể có thể hình dung là trước khi hành động, người ta thường tự nhủ cuộc sống là một canh bạc. Được làm vua thua làm giặc. Thoát thì giàu to, thành người đàng hoàng, không thoát đành chịu. Không có luật pháp, không có lương tâm tự trọng gì hết. Việc gì kiếm ra tiền là có quyền làm.

Tức là có cả một triết lý đứng đằng sau các hành động nói trên.

Theo cách hiểu thông thường thì triết lý là một thứ sợi chỉ xuyên suốt toát ra qua các hành động của con người. Việc hiểu triết lý rút ra trong trường hợp này sẽ giúp cho người ta hiểu thêm các trường hợp khác.

Tuy nhiên điều đáng nói là ở ta hiện nay những triết lý đó chỉ xuất hiện dưới dạng một thứ “tập mờ”, một thứ cảm giác mông lung thứ không đề lên thành những luận thuyết chặt chẽ. Và ta lầm tưởng là ta chỉ sống theo bản năng tự nhiên chứ có “triết lý triết học” gì đâu, nên lại càng dễ bị cuốn theo nó.

Tôi muốn kết nối những hiện tượng trên với những vấn đề căn bản của đời sống mấy chục năm nay ở một đất nước chiến tranh.

Còn nhớ hồi ấy, ở miền Bắc, nhu cầu động viên thanh niên đi bộ đội là rất cao. Nhiều học sinh đang ngồi trên ghế nhà trường khi cần cũng được gọi đi. Và để giúp người đi thêm yên lòng, có hẳn một chủ trương là những thanh niên như vậy dù không học xong cấp III cũng cho tốt nghiệp. Hơn thế nữa dù trước đó họ có là những thanh niên càn quấy đi nữa thì việc họ tự nguyện ra đi đã xóa sạch tất cả. Họ được coi là những người có hạnh kiểm tốt. Sự có mặt ở chiến trường - nói rộng ra, sự đóng góp cho cuộc chiến đấu chung - đã là cái tiêu chuẩn lớn nhất để đánh giá con người.

Liên hệ với những trường hợp khác, tôi tạm rút ra một kết luận: chiến tranh cho phép làm tất cả miễn là chiến thắng.

Hơn ba chục năm nay, kinh tế đóng vai trò mặt trận chính. Nhu cầu của đất nước là phát triển sản xuất để thêm nhiều của cải hàng hóa, là xây dựng, là làm hàng xuất khẩu là hội nhập... Trong hoàn cảnh một đất nước còn quá nghèo, hàng núi chi phí bày ra trước mắt, thì tất cả các hoạt động đa dạng đó

nói nôm na rút lại là làm sao để có tiền. Lý tưởng nhất là mỗi địa phương mỗi đơn vị cơ quan bót ngựa tay xin trên mà tự làm thêm ra tiền để tự nuôi và nếu nộp cho nhà nước thì càng tốt.

Khả năng sinh lợi được coi là khả năng lớn nhất mà cấp trên đòi hỏi ở cấp dưới, nhà nước đòi hỏi ở người dân. Nó là tư tưởng mà cũng là đạo lý trong thời đại mới.

Một xu thế suy nghĩ đang thịnh hành, đóng vai một thứ luật miêng, người ta hiểu ngầm với nhau. Anh có thể đi buôn dù chức năng anh không phải là buôn; anh có thể chạy chọt xin xỏ, anh có thể có những sáng kiến kỳ cục, miễn là anh gây được một thành tựu có tiếng vang trong xã hội... Trong hoàn cảnh một đất nước mà luật lệ còn mơ hồ và sơ hở, gần như tất cả đều được phép, miễn sao nảy sinh lợi nhuận, và góp thêm năng lượng cho cái bộ máy chung đang hoạt động.

Vậy là một trong những quy luật chủ yếu của chiến tranh đang được tiếp tục. Chiến tranh tưởng đã lùi xa mà dư âm còn vang vọng. Tinh thần của nó có mặt trong nhiều hành động của chúng ta hôm nay.

Một mặt ai cũng rõ trong hoàn cảnh hiện nay, thứ triết lý này không nên tiếp tục. Nó không bảo đảm cho sự phát triển bền vững. Tức không giúp cho sự phát triển lành mạnh của con người. Khổ một nỗi, nó lại gắn liền với quá khứ vinh quang của chúng ta. Hơn thế nữa, nó chỉ cho chúng ta con đường dễ mà đi. Giữa lúc khó khăn, nó mở ra cho chúng ta những thành tựu theo lối “ăn xổi ở thì”, tóm lại là nó ve vuốt nịnh bợ chúng ta. Từ già sao nôi?

14. NGHĨ MÌNH CÔNG ÍT TỘI NHIỀU

Chiến tranh cần đến sự có mặt của người văn nghệ sĩ ngay ở chiến trường. Bởi vậy từ hồi ấy, giới văn nghệ chúng tôi có thói quen tôn vinh những người làm nghề dấm có mặt ngay bên cạnh người lính để viết. Bất kể tác phẩm của họ chất lượng ra sao, riêng sự ra đời của chúng đã được xem như những chiến công. Và chúng tôi dành cho cả người lẫn tác phẩm loại đó đủ thứ ưu ái, kể cả những danh hiệu cùng những phần thưởng sang trọng.

Trong chiến tranh làm vậy có thể là đúng. Nhưng trượt dài theo thói quen, chúng tôi kéo nó sang cả thời bình. Các sáng tác được bình giá nhiều khi không phải do chất lượng mà do người viết ra nó có vị trí ra sao trong giới. Từ đó tạo ra một sự hỗn loạn về giá trị. Cũng từ đó muốn hay không muốn trong tâm lý nhiều người làm nghề nảy sinh một xu hướng dễ dãi, không chịu khổ công lao động nghệ thuật mà chỉ cốt lo tạo cho mình những uy tín hão. Thậm chí một số cố bám vào những công trạng hôm qua để hạch sách và đòi hỏi. Bề nào mà xét cũng phải nhận lúc này, đóng góp hôm qua đã trở thành vật cản níu kéo người ta lại.

Một trong những chi tiết gây bất bình trong vụ án sơ thẩm xử quan chức “ăn đất” ở Đồ Sơn: ông X. giám đốc Sở tài nguyên và môi trường thành phố, một trong những người chủ trì vụ này được cấp ủy và ủy ban đề nghị miễn truy cứu trách nhiệm. Lý do được gói gọn trong mấy chữ đại ý ông vẫn là người có công trong hoạt động ở địa phương từ trước tới nay.

Đã bao nhiêu lần tôi thấy cách tòa án các cấp giảm nhẹ tội cho những viên chức có lỗi theo lý do tương tự. Xét vì họ lớn lên trong một gia đình có truyền thống... Hoặc, xét vì vốn có nhiều đóng góp... rồi án nặng trở thành nhẹ - tiêu phí của nhà nước và mang về cho vợ con tiền tỷ, lúc bị phanh phui, cũng dễ dàng được tha bổng.

Về tình mà xét thì trong những trường hợp này có thể không ai cãi được. Uống nước nhớ nguồn là đạo lý dân tộc. Nhưng có phải có ít công hôm qua rồi hôm nay muốn làm gì thì làm? Đã rõ là trong trường hợp này, người ta đem công lao làm quân tầy để vô hiệu hóa luật pháp, cố tình không đếm xỉa đến sự đổi thay trong hoàn cảnh, và lấy hiện tại làm vật hy sinh cho quá khứ.

Cái khó ở đây bắt nguồn từ một lỗi ứng xử phổ biến của xã hội. Anh có công ư? Trước mắt đất nước còn nghèo chưa tính hết đóng góp cho anh được. Thôi chỉ còn có ít chức vụ đi kèm với những quyền hành. Ở đây anh có thể có đóng góp thêm, rồi “khéo làm thì no khéo co thì ấm”, anh liệu mà tìm cách tự bồi dưỡng (!).

Nhưng như thế là gì nếu không phải là đẩy người có công hôm qua vào chỗ lộng quyền và cho người ta lý do để tự biện hộ cho mình khi sa vào vũng bùn tội lỗi.

Ca dao xưa “*Ăn mày là ai ăn mày là ta - Đói cơm rách áo hóa ra ăn mày*”. Tôi muốn sử dụng thêm cả bút pháp của Bút Tre để nhại thành

Tham nhùng (những) là ai, tham nhùng là ta

Cây công cây thế hóa ra tham nhùng.

Truyện Kiều từng làm đau lòng bao người bởi cái kết cục thâm thảm. Trong cơn nhớ quê, Kiều khuyên Từ Hải ra hàng. Rồi Hồ Tôn Hiến phản bội và Từ chết giữa trận tiền. Chứng kiến cái chết của Từ, Kiều đau lòng tự trách mình rất nhiều. Lúc tỉnh táo nhất cũng là lúc nàng sòng phẳng tự đánh giá “Nghĩ mình công ít tội nhiều”.

Hơn hai trăm năm đã qua mà nhiều người từng vào sinh ra tử hiện nay không có nổi cái tự nhận thức sâu sắc đó thì còn làm ăn gì nữa!

15. CẦN NHỮNG KHÁNG SINH CHO NHỮNG CĂN BỆNH TÂM LÝ

Khi nghe chuyện cáp quang trên biển bị lấy trộm nhiều người thường than thở.

- Thật không sao hiểu nổi tại sao dân mình lại có việc làm kỳ cục đến vậy. Có người bỏ sung:

- Mà việc làm đó được chính quyền địa phương cho phép cơ chứ!

Tự lý giải để hiểu tại sao lại xảy ra những trường hợp như thế này không quá khó:

Với con người hiện đại, việc gì cũng có thể. Trong khao khát kiếm sống mà lại không được chuẩn bị, sự liều lĩnh của mỗi cá nhân ngày một được đẩy xa mãi so với giới hạn cho phép. Chỉ cần nhìn nhiều ngã tư Hà Nội như ngã tư Bà Triệu - Nguyễn Du thì biết. Người ta bán hoa quả ngay trên lòng đường nhựa bắt chấp xe pháo xếp hàng chờ đèn hiệu và sự ùn tắc có thể gây ra tai nạn bất cứ lúc nào. Trước khi có vụ PMU 18, tôi cũng không thể tin là có những người có trách nhiệm trong ngành giao thông lại dám thay lõi sắt bằng lõi tre trong những cọc tiêu chắn bên các đường quốc lộ. Có việc gì dân mình ngán đâu?

Mấy ông chính quyền đó không tự trên trời rơi xuống. Họ cũng từ dân mà ra. Bao nhiêu năm nay đã vậy! Còn nhớ là khoảng mấy năm sau 1975, có những tỉnh cho dân phá rừng để trồng sắn. Nay thiếu gì người cùng làng cùng xóm hoặc anh em họ hàng họ là ngư dân, đang không biết làm ăn trên biển ra sao, những người này hàng ngày thúc bách các ông ấy cho phép làm mọi việc miễn sao có tiền. Biết đâu trong số đứng ra lo cái giấy phép này chẳng có người mấy năm trước cũng là ngư dân và đã từng đi cắt cáp quang mang bán?

Để hiểu và đỡ bất ngờ về những chuyện còn xảy ra nữa, hãy thử xem lại quan niệm về những người dân thường.

Trong số các truyện ngắn của nhà văn Nga Anton Tchekhov (1860-1904), tôi nhớ có một truyện (hình như tên là Cái đinh đóng móng ngựa). Truyện viết về một nông dân Nga (mà người ta hay gọi là một mugich) ra tháo một bù loong trên đường sắt để về làm đinh đóng móng ngựa. Đến khi đưa ra tòa anh ta còn cãi. Lý sự của người mugich đó khá đơn giản. Thiếu một cái bù loong, xe lửa vẫn chạy. Còn thiếu đinh đóng móng ngựa, tôi biết làm sao cày ruộng lấy lúa mì nuôi vợ con tôi.

Tôi đã một đôi lần nhắc tới thiên truyện này, nhưng vẫn cứ thích trở về với nó, bởi thấy nó gần với xã hội mình, con người mình hôm nay quá. Gần tới mức giá có nói dân mình bây giờ chẳng khác dân Nga thế kỷ XIX cũng không phải quá. Cả hai, do khô quá lâu, đều thiếu ý thức đầy đủ về cuộc

sống hiện đại nói chung. Và cụ thể hơn, thiếu ý thức pháp luật. Tức là cái ý thức rằng mình buộc phải tuân theo những quy định nào đó mà xã hội đã đề ra, bất chấp cái đó có lợi cho mình hay không.

Có một triết lý lờ mờ nằm sau việc làm của họ. Triết lý đó là “Chỉ có những việc không làm được, chứ không có việc gì không được làm”. Buộc họ phải chịu trách nhiệm về mọi hậu quả xảy ra ư, vô ích. Họ không thể nghĩ quá sâu xa như vậy.

Do chỗ lâu nay, những việc như thế này kéo dài mà không hề bị lên án - hoặc nói như nghề y, để bệnh thành ra mãn tính - nên vào những ngày này, tình hình đã có những diễn biến mới.

Hãy nhớ lại chuyện ở nhiều vùng đánh cá, dân vay tiền về không lo đóng thuyền mua lưới làm ăn, mà trước tiên ăn uống lu bù, rồi sắm sanh quần áo xe cộ, rồi đổ đi xây nhà, sau ngân hàng có đến kiểm tra thì cười trừ.

Chỉ cần nghe nói vùng đất mình ở sắp vào quy hoạch là người ta bơi ra đủ thứ diện tích xây dựng nham nhở để bắt nhà nước đền bù - chuyện ấy xảy ra ở đủ các nơi, từ vùng xa vùng sâu, tới ngay đất thánh Hà Nội.

Sau cái thời “đói ăn vụng túng làm càn”, nay đã sang cái thời “không đói cũng ăn vụng, không túng cũng làm càn”, khiến cho cái câu “bạc như dân bất nhân như lính” của người xưa cứ len trở lại trong đầu mà không sao tìm ra cách gạt hẳn nó đi được.

Nhưng sự hư hỏng của một bộ phận nhân dân là cái có thực làm sao chối cãi được nữa?! Là một căn bệnh với nhiều người nó đã vào sâu lục phủ ngũ tạng.

Nhận thức có liên quan đến cách giải quyết.

Sau sự kiện này ai cũng bảo phải xem xét về ý thức. Phải chăm lo giáo dục. Và giáo dục đại khái là tập hợp lại lên lớp người ta, buộc người ta phải hứa nay mai không tiếp tục. Dù có đưa ra các hình phạt ra răn đe nhưng chỗ trong nhà với nhau, ai cũng hiểu là giờ cao đánh khế, rồi hòa cả làng.

Còn một cách làm nữa là tìm hiểu tâm lý người ta, trình độ hiểu biết của người ta để chữa chạy bằng những biện pháp cần thiết, kể cả các loại thuốc đắng.

Chỉ bước sang thời hiện đại nhân loại mới tìm ra kháng sinh. Kháng sinh là thuốc hủy diệt mầm bệnh. Kháng sinh dùng quá liều thì nguy hiểm. Nhưng để chữa chạy các bệnh mà người xưa bó tay, nó là đặc trị.

Cần những liều kháng sinh như thế trên phương diện chính sách xã hội.

16. TỘI LÀM HƯ DÂN

Đại Đường Tây vực ký của nhà sư Huyền Trang vừa được dịch ra tiếng Việt (NXB Phương Đông, 2007). Trong thiên bút ký này, Đường Tăng ghi

lại ấn tượng sau khi đi qua 138 nước nằm giữa Trung Hoa và Ấn Độ (có thời gộp chung là Tây vực). Đoạn tổng thuật về địa khu Tốt Lợi kể “Người Tốt Lợi phong tục kiêu ngạo, chuyên môn lừa đảo tham lam háms lợi, giữa cha con với nhau cũng tính toán hơn thua chẳng cần người tốt kẻ xấu, cứ nhiều tiền là được quý trọng... Cư dân một nửa làm ruộng, một nửa chuyên đi trục lợi”.

Tôi ghi lại đoạn này bởi lẽ nó góp phần gạt đi trong đầu một phân vân khi nhận thức. Từ nhỏ bọn tôi đã được học rằng chỉ có các cá nhân xấu, chứ nhân dân lao động nơi đâu cũng tốt. Hóa ra không phải vậy! Tùy hoàn cảnh mà con người biến đổi. Và là biến đổi trên diện rộng. Tục ngữ ta xưa cũng có câu “bạc như dân bất nhân như lính”. Đọc lại lịch sử thấy nhận xét chua chát đó không hoàn toàn sai.

Thế còn bây giờ? Một lần, chập choạng tối, tôi đang đi trên đoạn đường gần ngã tư Hàng Chiếu - Đồng Xuân Hà Nội thì gặp mưa, đành tính chuyện lánh tạm vào một mái hiên. Bất ngờ nghe người ở trong nhà nói hắt ra:

- Biến đi cho người ta còn bán hàng.

Trời ơi! Con người đô thị bây giờ càn rỡ và bất nhân ngoài sức tưởng tượng!

Ở các tỉnh xa, các vùng kinh tế, thì sự hư hỏng lại mang sắc thái khác. Có lần trên một tờ báo, đọc thấy tin ở huyện Tam Nông, Đồng Tháp nhiều người lấn chiếm đất công rừng công, bất tuân pháp luật. Lần khác xem tivi lại thấy dân một xã của Quảng Trạch Quảng Bình đua nhau chặt rừng phòng hộ ven biển bán cho tư thương, huyện xã đã tìm đủ cách ngăn chặn nhưng không nổi. Đủ chuyện đã xảy ra, dân ăn cướp, dân ăn cắp, dân ăn vạ, dân xà xẻo của công và tiếp tay cho kẻ xấu, dân làm hại lẫn nhau... thiên hình vạn trạng không xếp loại được.

Không phải do trong sách vở nhà trường mới có lối khái quát vậy mà sự thực là suốt thời chiến tranh, nhân dân lao động đã là những con người thuần hậu, chịu thương chịu khó, hướng về điều thiện và muốn sống theo pháp luật. Chắc chắn sự thay đổi diễn ra hôm nay thuộc diện “không thuộc về bản chất. Vấn đề còn lại chỉ là cắt nghĩa tại sao lại xảy ra cái chuyện chẳng ai muốn đó?

Trở lại việc dân ở huyện Tam Nông, Đồng Tháp nói trên. Đọc kỹ các bài viết liên quan thì thấy trước khi dân hư có chuyện ông phó chủ tịch huyện phá rừng. Người dân chung quanh thấy ông cán bộ to hành xử như trên (chặt tràn đào ao làm thành lãnh địa riêng), bảo nhau ùa vào làm bậy.

Đây cũng là diễn biến thấy ở nhiều nơi khác. Trong phần lớn trường hợp, tình trạng dân hư liên quan tới hiện tượng nhưc nhối là chuyện cán bộ kiểm chác vô nguyên tắc, tư lợi vô cảm, gộp chung là thoái hóa biến chất. Đáng lẽ phải gương mẫu tuân thủ pháp luật thì họ lại tự đặt mình cao hơn luật, phá luật để trục lợi.

Trước mặt người dân lúc ấy, lý tưởng như bị xúc phạm. Người ta không thể thờ ơ và dễ bảo mãi. Về mặt triết học có thể bảo con người bắt đầu rơi vào hư vô. Chúa đã chết rồi! Ai muốn làm gì thì làm! Bởi cảm thấy trên đời này không còn cái gì là thiêng liêng, họ rơi vào liêu lĩnh phá phách một cách hung hãn. Những cái xấu sẵn có mà bấy lâu họ kìm nén, được lúc vùng lên quấy lộn. Tự cho phép mình hư! Nhìn nhau để yên tâm mà hư! Khuyến khích nhau hư thêm, càng đông người hư càng thích! Sự bùng nổ lúc này là theo lối dây chuyền, không gì có thể giữ con người lại nữa.

Ta chưa có thói quen đánh giá bộ máy quan chức nên tưởng là khó. Sự thực khá đơn giản. Muốn biết giới quan chức một địa phương ra sao, cứ xem dân ở đấy thì biết. Dân ngoan làm ăn tử tế tức là bộ máy làm việc tạm gọi là chấp nhận được, người ta còn tin. Còn dân hư, nhất định là những người quản lý họ có vấn đề, không tham nhũng thì cũng kém cỏi trong quản lý. Chỉ cần chịu tìm sẽ thấy ai có lỗi.

Tòa án thường chỉ xét những tội cụ thể. Nhưng tôi tưởng tất cả các quan chức một khi hư hỏng, ngoài hành vi phạm pháp, còn phải xét thêm một tội nữa: Tội ngấm ngấm thúc đẩy và dung túng dân làm bậy. Tội làm hư dân.

Nhà xuất bản Tri thức từng cho in một cuốn sách thuộc loại kinh điển. Đó là cuốn Chính thể đại diện của John Stuart Mill (nguyên bản được viết từ năm 1861). Ở trang 82, tôi đọc được một câu đại ý như sau “Người ta phán xét một chính thể thông qua tác động của nó lên con người. Cụ thể là có thể và nên xét xem nó tạo nên những công dân như thế nào, nó làm cho dân tốt lên hay xấu đi”. Đúng là có liên quan tới vấn đề chúng ta đang bàn.

17. TÂM LÝ Ô-SIN

Tại nhiều địa phương, chính người dân xé rào để làm những việc không được pháp luật cho phép. Phá rừng. Đào than thổ phi. Lấn chiếm đất công. Thấy chỗ nào nhà nước cần là xoay ra ăn vạ để kiếm khoản đền bù. Lần đầu tiên ở Hà Nội xây hầm cho người đi bộ qua đường; nhưng trong lúc chưa khánh thành thì hầm bộ hành biến thành nơi tạm trú của mấy gia đình xóm liêu. Thảo nào các cụ xưa có câu Chưa họp chợ đã họp kẻ cắp. Lại có câu Bạc như dân, bắt nạt như lính. Hồi còn ảo tưởng, ta hay bảo nhau rằng đây là cái nhìn của bọn địa chủ phong kiến đối với quần chúng lao động. Nay thì có thể giải thích với nhau theo cách khác: Chính dân gian cũng đã có lúc tự ý thức được những thói xấu của mình. Chỉ có điều làm sao vượt lên trên thói xấu đó thì họ chưa biết!

Có một câu chuyện của năm ngoái năm kia mà tôi cứ nhớ mãi. Đó là chương trình đánh bắt xa bờ ở hàng loạt vùng biển bị phá sản (nghe đâu số vốn thất thoát lên tới vài trăm tỉ?!). Chúng ta muốn làm chủ biển. Chúng ta

muôn vươn ra xa. Những tưởng quần quanh ven bờ chỉ vì không có tiền. Hóa ra còn thiếu cả kinh nghiệm và ý chí nữa.

Nhưng không chỉ liên quan tới chủ đề bất lực mà vụ đầu tư này lại còn đáng chú ý ở một khía cạnh khác: Nhiều ngư dân thừa biết là làm ăn sẽ thất bát nhưng cứ vay. Họ đã tính sẵn là đến lúc cần hoàn lại đồng vốn cho nhà nước thì đánh bài ì. Không cách gì thu hồi vốn thì kệ nhà nước, họ không cần biết. Không ít người nhận tiền xong chỉ đầu tư một phần, còn chủ yếu mang tiền mua sắm tiện nghi tiêu xài qua ngày.

Đây là một câu tục ngữ mới: người làm sao tao làm vậy, người làm bậy tao cũng làm theo. Trong cái việc vay tiền để làm dự án vừa nói ở trên hình như có chuyện hùa theo nhau thực. Đại khái mọi người nghĩ nhà nước là cái thùng không đáy, ai không biết cách vơ vét người đó thiệt. Không còn lòng tự trọng tới thiếu, người ta tự thả lỏng bản thân. Giá kể có ai bảo rằng như thế tức là cá nhân đang biến thành một thứ ký sinh, ăn bám xã hội, cũng chẳng ai động lòng.

Xin tạm gọi cách sống nói trên là cách sống ô-sin.

Mọi chuyện bắt đầu từ hiện trạng các gia đình ở thành phố cần có thêm vài người giúp việc ở các tỉnh lên. Để tránh nhiều từ ngữ có tính chất xúc phạm, hoặc dài dòng, người ta sử dụng cái từ ô-sin. Nhiều gia đình công nhận những ô-sin ấy thật là thiết yếu. Nhưng do hợp đồng công việc chỉ được làm qua quýt, đặc biệt là việc xác định công xá không hợp lý, nhiều ô-sin dần dà cảm thấy mình bị bóc lột. Chẳng qua họ buộc phải làm chứ không vui vẻ gì. Vừa làm vừa phá. Học đòi lười biếng, ăn cắp lãng phí - nhiều thói xấu của người nông dân không những không được sửa chữa mà còn được khuếch đại thêm. Trong lúc nói chuyện riêng tư, nhiều người thành phố bắt đầu kêu khổ vì cái nạn này. Điều đáng nói là trong khi làm hại nhà chủ thì chính các ô sin cũng làm hại bản thân mình luôn thể. Tức là tất cả những thói xấu nói trên bắt rễ đóng kén cô đúc lại, làm thành một cách sống ổn định, mà hạt nhân là cái triết lý hư vô “có phải của mình đâu mà phải tử tế với lại giữ gìn?!”. Dù sau này có ra độc lập làm ăn, nhiều người trong họ cũng vẫn giữ thói xấu của người đi giúp việc bắt đết dĩ và không bao giờ bỏ nổi.

Cách sống ô-sin, tâm lý ô-sin vốn bắt nguồn từ một tình trạng xã hội hỗn loạn, giữa người với người không tìm ra được cách quan hệ hợp lý. Bề ngoài chiều nịnh nhau nhưng đúng ra là người ta đang thả lỏng nhau, mặc kệ cho nhau hư hỏng thế nào cũng được. Trong sự tự phát chung của xã hội, cứ thế nó ngày một trở nên phổ biến.

Nhà văn Lê Minh Khuê bạn tôi khi phải biên tập một tập sách gồm nhiều bài báo về chủ đề này (mang tên Bên ô-sin) đã vụt ra cái ý xuất thân: tâm lý ô-sin đang trở thành một thứ tâm lý thời đại. Có lần, nhân trả lời phỏng vấn, Lê Minh Khuê bảo thứ tâm lý của kẻ làm thuê vô trách nhiệm này đang chi phối cả lối sống liêu lĩnh của người dân, lẫn thói mặt dày kiêu chác của các

quan chức tham nhũng.

Phần tôi, tôi muốn bổ sung một chi tiết nhỏ: Tâm lý ô-sin đồng thời cũng là lý do sâu xa khiến khả năng quản lý của chúng ta cũng bị hạn chế. Trong cải cách ruộng đất ở miền Bắc những năm từ 1957 về trước, cùng với việc lấy lại đồng điền đất đai, có việc lấy ngay nhà cửa địa chủ chia cho dân nghèo, hồi ấy gọi là chia quả thực. Trong số này, có những cơ ngơi được bồi đắp xây dựng từ nhiều đời. Cố nhiên khi mang nó ra làm quả thực thì không chia riêng cho một ai cả. Nhiều gia đình cùng đến ở. Thế là xảy ra cái cảnh ai thích kiểu gì phá kiểu đó, cuối cùng những dinh cơ đẹp đẽ biến thành những khu nhà hỗn độn xấu xí. Một việc hết sức chính đáng, và có dụng ý tốt, mang lại một kết quả xấu. Mà nguyên nhân chỉ vì các gia đình nông dân kia, không có nhà cửa bao giờ, không biết cách làm chủ nó. Thật là vừa đáng thông cảm, mà cũng vừa đáng trách!

18. KHỔ VÌ LẮM TIỀN

Đã dính vào nghiệp buôn, hẳn ai cũng biết cái câu “*Buôn tài không bằng dài vốn*”. Ấy vậy mà nhiều bà buôn bán nhỏ ở chợ Đồng Xuân gần đây bảo với tôi rằng có lúc thấy sợ cả những đồng vốn giời ơi đất hỡi, tức là cái đồng tiền từ đâu không rõ tự nhiên đến trong tay mình.

Sợ với nghĩa có nó thì người ta cứ thấp thỏm không yên. Muốn trở tài với thiên hạ. Ra tay buôn thật to, ôm thật nhiều hàng. Lòng tham làm mờ cả mắt.

Sau này nghĩ lại mới thấy dại.

Thế này nhé, có phải lúc nào cũng có hàng tốt hàng cần mà ôm đầu. Rồi kho chứa ra sao, bảo quản ra sao. Rồi lo bán lo đòi tiền. Đang đứng đỉnh “nửa ngày bán nửa ngày chơi”, giờ đám ô-sin nhà quê mới ra ngờ nghếch phải làm nhiều cứ cuống cả lên, không đỡ thì vỡ, không đếm nhầm thì vào sổ sai.

Đằng sau cái vẻ hoành tráng “phồng phênh như miếng tóp mỡ”, hóa ra cái mầm hậu họa đã nằm bên trong lúc nào không biết.

Kết luận rút ra là phải lượng sức mình. Mình có làm được không thì hãy làm. Không để cho đồng tiền nó kích động.

Đồng tiền không bản như mấy người đạo đức giả nguyên rủa. Nó được việc lắm, nếu biết sử dụng. Cái chính là anh có điều khiển được nó hay không. Như cái xe mới, trông ai mà chả thích. Nhưng không già tay lái là toi với nó như chơi!

Xét chung trong phạm vi cả nước, bài học của mấy bà chợ Đồng Xuân không phải là không đáng rút kinh nghiệm.

Cả nước đang khổ vì giá cả leo thang, lạm phát nếu không kiềm chế được sẽ gây ra nhiều phiền phức cho an sinh xã hội.

Nhiều lý do đã được viện dẫn. Lạm phát toàn cầu, thiên tai, mất mùa. Chính sách tiền tệ và tín dụng, trong đó có liên quan đến đầu tư. Và để chạy chữa, theo lô-gích thông thường có việc kêu gọi thực hành tiết kiệm, việc tăng cường kiểm tra các nhà buôn đầu cơ, việc giảm thuế...

Một số nhà kinh tế có cách cắt nghĩa khác. Họ bảo trong số rất nhiều nguyên nhân, một phần còn là đồng tiền nước ngoài chảy vào dồn dập và việc quản lý nó còn thiếu kinh nghiệm.

Đúng ra phải nói ta chưa bao giờ phải đối diện với một thực tế như thế này. Chính việc đồng tiền đổ vào mạnh mẽ - một điều tưởng là “trên cả tuyệt vời” xưa “nằm mơ cũng không thấy” - lại là một trong những nguyên nhân sâu xa gây ra rối loạn trong đời sống kinh tế nói chung và việc lạm phát nói riêng - toàn chuyện động trời mà ta không biết.

Tôi nghe chưa từng chuyện kinh tế, song bằng lương tri thông thường cứ cảm thấy không chừng đó là một hướng suy nghĩ có lý:

Tạm ví nôm na tiền tệ giống như thức ăn không đủ ngon miệng mà còn chứa hàm lượng dinh dưỡng cao. Bởi đã lâu ngày thiếu đói ta tưởng cứ như thật nhiều vào là đến ông trời cũng không sợ. Có biết đâu nếu sẵn cơ thể ốm yếu không có một bộ máy tiêu hóa khỏe thì mọi chuyện đều vô nghĩa. Tôi thiếu là thức ăn bỏ mấy cũng trôi tuột đi hết, còn trơ cái thân thể gầy còm. Mà nguy hơn còn là tác hại khôn lường. Cái phân béo bỏ kia, khi không được sử dụng thích đáng, tự nó trở thành nguồn bệnh. Thế là bệnh cũ chưa xong lại thêm ra những bệnh mới, hoặc bản thân bệnh cũ có thêm diễn biến mới.

Xưa nay có ai tự nhận là không biết cách ăn uống tầm bở bao giờ. Như xưa nay không mấy ai nhận là không biết tiêu tiền. Song sự thực là thế. Ta nghèo quá lâu, không thạo tiêu tiền có gì là lạ. Cả nỗi sợ của kẻ có tiền nhiều, ta cũng chưa biết. Chỉ lộ bịch ở chỗ bệnh rõ ràng rành rành mà còn cố đánh trống lấp.

Nhìn rộng ra là cả một nếp nghĩ chủ quan đơn giản. Lâu nay cứ tưởng ta khổ ta không góc đầu lên được chỉ vì quá nghèo. Dấn vốn không có. Tha thiết mời người ta đầu tư vào một phần. Lại càng không tiếc công sức đi vay. Cầm đồng tiền trong tay vẫn không biết lo. Đầu tư vào chỗ nào đây? Phân chia như thế nào đây? Người quản lý đâu, cơ sở kho tàng bến bãi ra sao? Ai là người biết làm để giao tiền giao vốn? Những câu hỏi ấy không hề được đặt ra.

Trong lúc còn đang lúng túng giải ngân thì cán bộ với dân được dịp “tê nước theo mưa” ăn chơi cứ vung cả lên. Xây trụ sở. Mua xe. Đi nước ngoài chơi bời. Và đánh bạc, không ai bảo ai cứ sênh ra là vào cuộc đỏ đen.

Thì tấn bi hài kịch đang diễn ra có gì là lạ?

Khu tôi đang ở nay là một quận mới thành lập. Trước kia là huyện ngoại thành nên dân khá nhiều đất, thổ cư mỗi nhà vài trăm mét là thường. Nay

được dịp đô thị hóa, mỗi nhà cầu trăm mét mang bán cũng thành tỉ phú như chơi. Tiền được dùng vào việc thiết thực, xây lấy cái nhà, mua lấy cái xe. Vẫn chưa hết, một số người... tự mình phá mình. Con bé lái xe gây tai nạn đi tù, con lớn sa vào nghiện hút, nói như các cụ ngày xưa, đồng tiền đội nón đi cả.

Khi tình rượu lúc tàn canh, có người ngồi chống tay nghĩ lại đã thấy sợ đồng tiền. Nhưng sợ thì đã muộn.

Vậy là dù ở tâm vĩ mô hay ở tâm vi mô, thì đồng tiền cũng hiện ra với cả những phản tác dụng của nó. Thường ở từng cá nhân và từng gia đình, bệnh trạng được chỉ ra nhanh hơn. Còn trong phạm vi xã hội, người ta bị tình trạng phồn vinh giả tạo che lấp tầm mắt, ngại nghĩ thế lắm. Chưa nhận rõ bệnh, thì chạy chữa...còn là mệt!

19. THÔNG TIN TRONG MỘT XÃ HỘI TIỂU NÔNG

Rửa hờn của Nam Cao (Tuyển tập Nam Cao bản của NXB Văn học in 1987, tr.424) viết về cuộc hiềm khích kèn cựa giữa hai vị tai to mặt lớn làng nọ. Một bên là lý Nhung, một bên là khóa Mẫn. Kẻ thứ nhất - người xưa gọi là lý đương - là một thứ đang có thực quyền. Nhưng kẻ thứ hai cũng không phải chân trắng. Gọi là khóa Mẫn tức ông ta thuộc loại có học và sự học được cả cộng đồng làng xóm công nhận, từ đó loại người như ông ta kín đáo len vào bộ máy cầm quyền và bằng những cách khác nhau tác động tới sự vận hành của bộ máy này.

Họ kiện nhau đến vong gia bại sản. Mà ban đầu cái cớ chỉ là chuyện nhà chức trách (tức lý Nhung) tổng tiến ăn bản, rồi cả làng khinh ghét. Sau khi nghe ngóng tình hình thấy việc xấu của mình làng xóm đã hay biết, lý Nhung liền cho rằng tất cả là từ khóa Mẫn. Hẳn là ông này không được ăn thì đập đổ! Cứ thế người nọ ra đòn trị, người kia báo thù, cả hai ngày mỗi lút sâu vào cảnh thân bại danh liệt.

Có thể chú ý tới thiên truyện này của Nam Cao ở nhiều khía cạnh.

Từ thế kỷ XIX, Cao Bá Quát đã nói tới nạn cường hào ở nông thôn - cường hào (= kẻ có quyền) chứ không phải chỉ là địa chủ (= kẻ có đất). Ngoài Chí Phèo, chủ đề cường hào còn được tác giả Nam Cao đa động tới trong Nửa đêm, Đôi móng giò...

Trong các truyện ngắn ấy, nhà văn vẽ lại cả cơ chế quyền lực ở nông thôn. Như Rửa hờn nói ở đây đi vào khía cạnh bọn cường hào thù nhau, hại nhau ra sao.

Rửa hờn lại còn là một bằng chứng về các vấn đề có liên quan tới thông tin ở làng xã xưa.

Vụ lý Nhung bực ra từ một cái trần ngôn “Trời ơi có thấu tình chăng - Một con mẹ đẻ mấy thằng ăn no - Ai về tôi gửi có mo - Lý Nhung có thiếu thì cho mà dụng - Lý Nhung ơi hỏi lý Nhung - Tưởng là ông hóa ra thằng ăn dơ.

Trần ngôn (trần ở đây có nghĩa là bộc lộ, bày tỏ) chẳng qua chỉ một thứ vè viết lên giấy dán ở cửa đình. Nhung chẳng phải bước đầu nó đóng vai trò một thứ báo chí theo nghĩa hẹp nhất, một thứ sách trắng? Một mô hình có từ thời làng xã, được tiếp nối khi văn hóa phương Tây tràn vào?

Nó chứng tỏ xã hội đã hình thành một nhu cầu là phải có những thông tin về chính mình.

Có điều loại thông tin tự phát này dù dưới dạng truyền khẩu hay đã viết ra đều dễ bị làm hỏng. Nó giống như một khoảng trống, ai muốn bới bản thể nào cũng được. Thiếu sót rõ nhất của những lời đồn thổi, là người ta không sao xác minh được rõ ràng. Tự nhiên nó lại dễ trở thành công cụ để người ta hại nhau.

Sự phát ngôn của số đông người trong các “hương đảng tiêu triều đình” vậy là chưa trưởng thành đã tha hóa. Nó sớm là đất đẻ bọn cường hào tha hồ thao túng. Còn lâu một dư luận lành mạnh sáng suốt mới có thể xuất hiện.

Không phải ngẫu nhiên lại xảy ra tình hình ấy. Xã hội nào thông tin vậy. Xã hội lúc đó quá trì trệ. Đã tồn tại dai dẳng cả một cơ cấu bưng nhùng, cộng đồng thì vật vờ xiêu vẹo mà cá nhân cũng chưa thành hình. Người ta không có ý niệm chắc chắn về sự cùng sống cùng tồn tại. Rất khó khăn là việc hình thành cho được những chuẩn mực chung. Các quy phạm xử thế quá tùy tiện, ai mạnh áp đặt thì cộng đồng phải theo. Con người chỉ lấy việc chiều chuộng bản năng làm hứng thú.

Như thế tất cả chìm trong bóng tối. Mà trong bóng tối người ta vừa thờ ơ lảng tránh nhau lại vừa dòm hành soi mói nhau, đồn thổi về nhau, tung tin hại nhau, nghĩa là lợi dụng bóng tối đó mưu lợi riêng. Một cách gián tiếp, mọi người thầm mong bóng tối kéo dài mãi.

Đây là một thực tế nối tiếp trong lịch sử. Sách Tục lệ cổ truyền làng xã Việt Nam kể rằng ở hương ước nhiều làng có ghi rõ đàn ông cũng như đàn bà khi gặp viên quan sai trên phái về hỏi, thì việc gì cũng phải bảo là không biết. Nếu máy mồm trả lời, “bản xã phát hiện ra sẽ phạt nặng”.

Ấn tượng chung như vậy là sự bung bít. Một cái gì chỉ mới gần giống dư luận, mà đã bị chặn từ trong trứng, tại sao? Bởi người ta thừa biết người ta xấu, nên phải chặn.

Có thể làm cách nào để thay đổi việc này không? Có cách nào để thông báo về những bất công sai phạm? Người xưa đã định làm thử, mà làm hẳn trên phạm vi rộng. Sách Việt sử cương mục tiết yếu của Đặng Xuân Bảng kể thời Trịnh Doanh, chúa đã cho đặt một ống đồng ở cửa phủ, ai có việc gì oan khuất, hoặc thấy ai hư hỏng - nhất là quan lại tham nhũng - thì viết thành thư

bỏ vào đó, cứ năm ngày một lần trình lên chúa.

Nhưng sau xem lại người ta ngó ra phần lớn những lời kêu oan và tố cáo là không đúng, nên hình thức này bị bỏ luôn. Tức là người dân đã làm hỏng luôn cơ hội có một dư luận sáng suốt của cộng đồng mình.

Thiên truyện của Nam Cao có một cái kết ngờ ngợ. Cuối truyện, lý Nhung bại nên ức lắm, tìm bằng được mộ tổ nhà khóa Mẫn đái vào một bãi thì mới yên lòng. Đọc lên, con người ngày nay không khỏi cười thâm. Trong tình trạng dân trí như vậy thì còn hy vọng gì vào việc thay đổi nữa!

20. TÔI NGHIỆP DƯ, ANH NGHIỆP DƯ, NÓ CŨNG NGHIỆP DƯ

Tai nạn giao thông thường chỉ được nhắc tới trên báo chí khi xảy ra ở các trục đường lớn, người đi lại đông đúc, vụ việc ở mức độ nghiêm trọng, chắc chắn là có người chết.

Còn theo lời Liên, một cháu ô-sin làm với gia đình tôi thì ở quê nó, tai nạn như cơm bữa, gãy chân sảy tay là chuyện thường ngày, đi đâu chẳng nghe người kể.

Lại như nguyên nhân dẫn đến tai nạn. Nông thôn đường có đông máy vẫn là vắng so với thành thị. Mà nói tại người không có ý thức nghe cũng là chuyện xa xôi quá, ý thức gì thời sống như ăn cướp hiện nay? Khốn khổ, Liên bảo, cái chính là nhiều người có biết đi đâu, chỉ bảo nhau mấy câu là nhảy lên xe nổ máy, vừa gặp đám mấy con bò nghênh ngang đã lúng túng không biết phanh với lại về số thế nào. Liều thế mà chỉ sút đầu mề trán cũng còn phúc chán - cái Liên chép miệng kết luận.

Liên nói về chuyện đi lại của những người quê nó. Nhưng tôi muốn nghĩ rộng ra những trường hợp khác, cả tới cách làm ăn của dân mình hiện nay. Như chính những người như cháu Liên đây, từ nông thôn lên, có biết gì đâu về cách sống đô thị. Máy nước mở tràn. Nước rửa nước giặt có gì thừa đổ xuống toa lét. Ra đường thì dật dây hàng hai hàng ba. Như giữa đường làng, chạy đuổi nhau hét inh ỏi trên phố xá.

Thiếu gì người như Liên chưa hiểu gì về cuộc sống thành thị đã phải sống kiêu thành thị, tránh sao khỏi lỗi bịch. Mà đâu chỉ chuyện sống, còn tham gia vào việc buôn bán phục vụ bản dân thiên hạ nữa chứ. Dạy nhau theo lối truyền khẩu mấy câu, không qua huấn luyện, đã phải ra bán hàng. Bao nhiêu lầm lỡ hư hỏng thất thoát. Bao nhiêu dối trá làm liều. Và cả bao nhiêu chấn thương trong lòng người - tôi muốn nói tới chấn thương tinh thần - có cái phơi bày ra, có cái chỉ tự biết với mình, chỉ quên đi là không nổi.

Nói rộng ra, bước vào một cuộc chuyển đổi mà không được chuẩn bị, cả cộng đồng đang sống kiêu nghiệp dư như vậy.

Trong đầu óc đám người từ lúc lớn lên chỉ biết mỗi một thứ triết học là triết học Mác Lê như tôi, tên tuổi những Platon, Aristote chỉ tượng trưng cho những điều rắc rối trừu tượng. Nhưng đọc Platon qua mấy cuốn lịch sử triết học mới in, thấy bao chuyện cụ thể.

Trong lĩnh vực sinh đẻ, Platon bảo ở đây cũng phải có kế hoạch và kiểm soát. Cho đứa bé một nền giáo dục thì chưa đủ, cần phải bảo đảm nó thuộc về một giống tốt. Không một người nào được phép gây giống và sinh đẻ nếu họ không hoàn toàn khỏe mạnh.

Đối với công bằng xã hội, ông bảo trước tiên không phải là phân phối

bình quân mà là mỗi người nhận được đúng cái gì mình đã làm ra và làm công việc thích hợp với mình nhất. Một người thợ mộc đi làm việc thợ xây, một công nhân hoặc nhà buôn lại đi đăng lính hoặc thành một người có quyền thì sẽ trở thành tai họa cho cả xã hội.

Một chỗ khác ông có cái ý rằng đối với việc nhỏ như việc đóng giày, người ta còn cần tìm những người thợ chuyên môn, tại sao trong lĩnh vực quản lý rộng lớn hơn, người ta tưởng ai cũng làm được.

Nghe đúng quá mà lại toàn là chuyện chúng ta không biết, hơn thế nữa còn làm ngược.

Chúng tôi là lớp người được đào tạo từ chiến tranh. Mà chiến tranh là gì? Là đi bất cứ đâu thực tế đang cần. Là cấp trên bảo sao làm vậy. Là không cần chuyên môn cá tính gì cả.

Phải nói thực là hồi ấy chúng tôi đã biết sẽ khó tìm được chỗ đứng trong xã hội tương lai. Thứ dao gì mà vừa chẻ củi được vừa chẻ rau được, thì chẻ rau cũng dở mà chẻ củi cũng gãy luôn - lúc tinh táo, có người trong bọn, nhờ biết nhìn xa đã tự nghĩ như vậy. Nhưng học ở đâu bây giờ, có thầy đâu mà học, và nhìn quanh chả ai chịu học cả.

Sau 30.4.1975 tôi vào Sài Gòn, một bà cô tôi bảo:

- Kỹ sư bác sĩ ngoài Bắc người nào cũng biết nấu cơm với lại trông con, việc nhà đến khéo, không như cái bọn tốt nghiệp đại học trong này.

Biết mới tiếp xúc nên bà chưa hiểu đây thôi, để cô đỡ thất vọng, tôi phải thú nhận ngay:

- Rồi cô xem, nay mai chúng con kỹ sư không thạo việc, bác sĩ không sạch nghề và mang về rất ít lương, thì cô đừng có mắng đấy nhé.

Thoát cái đã mấy chục năm, chúng tôi tởa đi bao công việc, nắm đủ mọi ngành nghề, không biết lạ cái gì, thì lẽ tự nhiên cũng không việc gì gây cho chúng tôi nỗi sợ. Vốn dân đánh đồn diệt viện, học phổ thông qua loa, học đại học tại thức, học sau đại học theo kiểu nộp tiền cho thầy xin bằng, ấy vậy mà có người đang nắm những công ty lớn, mua bán tiêu pha bạc tỉ. Cờ đến tay ai người ấy phát, gặp việc gì cũng phải làm dần tới. Tôi nghiệp dư, anh nghiệp dư, nó cũng nghiệp dư nốt, chẳng phải thế sao? Thì so với cánh dân nông thôn ra đô thị như cháu Liên nói ở trên có khác là mấy?

Từ góc độ của những người từ chiến tranh bước ra, cái tội không thạo việc thạo chuyên môn chỉ là chuyện nhỏ, đánh nhau khó bằng mấy còn làm được, nữa là quản lý kinh tế, cứ quyết tâm và có kỷ luật là hoàn thành tất. Nhưng có phải sự đời đơn giản thế?

Nhớ có hồi có cả chủ trương phá rừng trong sẵn, nhắc lại mà vẫn nghe nhói trong lòng. Nhưng biết đâu lúc này cũng đang có những việc tương tự, để rồi sang năm sang năm nữa nhìn lại, cũng thấy nhói lòng tương tự?!

21. SỰ THA HÓA CỦA NGÔN TỪ

Lưỡi không xương nhiều đường lắt léo

Tục ngữ

Tôi xin hết lòng (truyện ngắn của Nguyễn Công Hoan) kể về một người đàn bà, thức nhiều đêm ròng để trông một cô gái ốm và lúc nào cũng xoén xoét cái miệng tôi xin hết lòng vì cô. Có gì đâu chỉ vì bà ta quá mê bộ tóc của cô bé. Sự việc lộ ra khi, lấy cớ giúp cho cái đầu cô bé khỏi vương vãi, trong lúc trông nom cô, bà ta đã đang tay cắt trộm mái tóc ấy.

Một cái ý ngầm toát lên qua thiên truyện: hóa ra ở đời này chẳng có ai tốt với ai cả!

Nhưng đọc Tôi xin hết lòng, tôi muốn lưu ý một khía cạnh khác: trong trường hợp này, lời nói đã trở thành công cụ cho người ta thực hiện ý đồ xấu xa. Nó trở nên hàm hồ, tùy tiện, lảng nhãng, giả dối, một thứ sản phẩm của tình trạng “lưỡi không xương nhiều đường lắt léo” như các cụ xưa vẫn nói.

Ý nghĩ này thường trở lại trong đầu tôi khi hàng ngày chứng kiến cảnh người ta lừa nhau ở các bến xe bến tàu. Thử đứng ở đầu cầu Chương Dương Hà Nội chẳng hạn. Những chiếc xe khách chở người các vùng quê về chưa kịp đỗ đã có hàng loạt xe ôm chờ sẵn. Mỗi hành khách xuống xe lập tức trở thành con mồi để đám xe ôm xô đến tỏ thiện ý muốn giúp đỡ. Lời nói bao giờ cũng ngọt xớt. Người ngoài nghe thấy mà rùng mình, sự thực là họ đang lừa nhau để bên này bù tai thì bên kia “chém”. Đại khái cũng giống như các chương trình khuyến mãi của các công ty bất chính quảng cáo trên tivi. Họ lấy ngay tiền người mua hàng để làm phần thưởng. Mỡ nó rán nó. Của người phúc ta. Nói ra rá hàng ngày mà không ai thấy chướng.

Có cái ác là nhiều khi biết người ta nói dối đấy mà không sao vạch mặt ra được. Chẳng hạn nhiều khi có việc cần đến một cơ quan thì thấy đập vào mắt tấm bảng viết nguệch ngoạc “Cơ quan chúng tôi xin được phép nghỉ sáng nay để họp”. Cùng là cán bộ nhà nước có, nên tôi cũng chẳng giận làm gì, mặc dầu biết tổng là nhiều khi người ta chẳng họp hành gì cả, mà chỉ yết bảng thế, để kéo nhau đi chơi (mùa xuân này là đi du xuân). Nhưng đau là đau ở khía cạnh khác: cái sự nói dối trắng trợn. Người ta coi thường và làm hỏng hết công việc của đám người đến quan hệ công tác, nhưng lại nhũn nhặn xin phép, ra cái điều tôn trọng chúng tôi, sợ chúng tôi lắm, phải được phép chúng tôi thì mới đuổi chúng tôi về hôm khác đến như vậy.

Từ góc độ xã hội học mà xét, đây là một biểu hiện sự tha hóa ngôn từ, khi con người không còn làm chủ được công cụ giao tiếp này nữa và bản thân công cụ có một sự phát triển tự thân vô tổ chức (tương tự như tình trạng tế bào trong ung thư), thậm chí đi dần đến tình trạng nổi loạn.

Bắt đầu là sự phát triển vô tội vạ của số lượng. Tiếp đó là những biến

dạng kỳ dị. Sự không phù hợp giữa nội dung và phương thức biểu hiện ngày càng trở thành một thiên hướng không thể cứu vãn.

Tương tự như tình trạng giao thông làm chậm tốc độ đi lại, sự hỗn loạn trong ngôn ngữ cũng ngăn trở sự tiếp xúc giữa người ta với nhau và làm giảm GDP xã hội - nghĩ xa một chút phải thấy như vậy. Nhưng ở đây ta hãy nói với nhau ít chuyện cụ thể.

Một lần lần mần tra từ điển tiếng Việt, tôi bắt gặp vài chục từ ghép đi liền với chữ nói, tạm ghi ra như sau: nói bóng nói gió, nói càn, nói cạnh nói khoét, nói chọc, nói chơi, nói chua, nói cứng, nói dựa, nói dóc, nói dối, nói điêu, nói gạt, nói gân nói xa, nói gỡ, nói hót, nói khoác, nói lảng, nói láo, nói leo, nói lửng, nói mát, nói mép, nói móc, nói mĩa, nói ngoa, nói ngang, nói nhăng nói cuội, nói như thánh phán, nói như vẹt, nói phách, nói phét, nói quanh, nói quấy nói quá, nói ra nói vào, nói suông, nói thách, nói thánh nói tướng, nói trạng, nói trống không, nói vợ, nói vụng, nói vuốt đuôi, nói xỏ... Trong số này, trên chín chục phần trăm là những từ mô tả sự nói với nghĩa xấu.

Hóa ra sự tha hóa tiếng nói ở ta đã bắt đầu từ lâu lắm.

Điều cần nói thêm là đến nay trong xã hội hiện đại, khuynh hướng này ngày càng phổ biến. Cảm giác xấu về lời nói đè nặng lên tâm lý con người, bởi sự làm hàng giả len vào tất cả mọi lãnh vực và sự giả dối hứa hão thì tìm đâu cũng ra ví dụ.

Trên một tờ báo chuyên về văn hóa, một lần thấy có thư của một bạn đọc than phiền vì những sự hứa hươu hứa vượn. Một bộ phim được quảng cáo là phim kinh dị “made in Việt Nam” và có tới 69 bài viết trên các báo lảng xê, sẽ không bao giờ bấm máy. Một bộ phim khác được giới thiệu là có đến hai diễn viên Hàn Quốc tham gia hóa ra... treo đầu dê, bán thịt chó, bởi chẳng có công ty nào của Hàn Quốc phối hợp cả. Đại khái như vậy. Người ta cứ làm hàng giả hàng ngày. Sợ gì đâu, chưa có thứ thuế nào dành riêng cho kẻ hứa hão. Còn muốn tiếp tục gieo rắc ảo tưởng ấy ư, hãy chi đậm thêm một chút cho “những cái lưỡi”, thế là xong tuốt!

22. THÁI ĐỘ TRƠ TRÁO, LỜI LẼ RÁO HOẢNH

Thuở chưa có cân bàn, các chợ ở xứ ta chỉ dùng một loại cân thô sơ, gồm một cái cân có khắc hoa thị và có một cái đĩa nhỏ. Tôi nhớ một câu đố vui “Có cây mà chả có cành – Từ gốc đến ngọn rành rành những hoa - Người bán thì bảo rằng già - Người mua thì bảo thực thà còn non” và câu giải đúng là “cái cân”.

Những ngày này thỉnh thoảng tôi lại nhớ đến câu đố cổ đó, không phải để suy nghĩ về tư duy kinh tế của người mình, mà cốt ghi nhận một xu hướng

trong giao tiếp.

Là hình như nay là lúc trong nhiều chuyện chẳng có đúng sai nữa. Tranh cãi nối tiếp tranh cãi. Ai cũng sẵn sàng bẻ queo sự thực, cốt sao bản thân có lợi.

Có những việc “bánh đúc bày sàng”, giữa thanh thiên bạch nhật rành rành ra thế, mà cứ mỗi bên nói một khác, và người nào cũng chỉ biết có lý lẽ của mình. Có người mắc tội bị bắt quả tang, vẫn cứ tìm cách chống chế luôn lách cãi chày cãi cối, làm như mình không có liên quan gì đến thứ tội lỗi đó, phủi tay nhẹ nhàng như phủi bụi.

Trong dân gian người ta gọi đó là lối nói ráo hoảnh.

Chẳng hạn chỉ có thể gọi là ráo hoảnh là cái sự việc năm trước, bưu điện một số tỉnh móc ngoặc với gian thương mua thiết bị như mua mớ rau mớ cá, khai tăng giá hàng mua vào để chia nhau, đến lúc bị phát hiện thì mấy ông ký mua chỉ nhận: “Chúng tôi hơi không được cẩn thận”, “Chúng tôi chưa có kinh nghiệm”.

Nghe kể là ở một tỉnh nọ, khi một đại biểu hội đồng nhân dân chất vấn “Sao tham nhũng ghê thế?” thì một quan chức đầu tỉnh, với cái giọng thản nhiên, cho một câu xanh rờn: “Làm gì mà nhiều? Có tham thía gì đâu so với thành tích mà chúng ta đạt được”...

Sau cái trớ tráo trong thái độ, vẻ ráo hoảnh trong lời nói bộc lộ như vậy cho thấy người ta không coi dư luận là cái gì hết. Rồi mọi việc sẽ cứ theo nếp cũ mà làm. Tức những mưu toan, những áp đặt, những dối lừa... lại tiếp tục trong bóng tối.

Trong giới cầm bút của tôi có trường hợp nhà thơ kiêm nhà viết kịch T.Đ. Từ thời tiền chiến, ông không chỉ nổi tiếng về những trò chơi động trời mà còn vì lì lợm trong việc chối tội và giới đánh tháo. Nghe kể rằng có lần ông vào nhà bạn, ăn nằm với vợ người ta và... bị bắt quả tang. Giá kẻ người khác thì mặt sẽ đại đi, cả người chết điếng. Song ông vẫn không có gì hoảng hốt. Bảo đợi tôi mặc quần áo đã. Và mặc xong thì thản nhiên nói rằng tôi vào chơi nói chuyện đỡ buồn, có gì mà phải ký vào biên bản. Thế thôi, rồi lững thững ra về. Chẳng ai làm gì được ông cả!

Nói thật, theo dõi nhiều vụ tham nhũng và cứu tham nhũng thời nay, tôi ngờ hóa ra kinh nghiệm của T.Đ trong cái chuyện kín đáo kia, được nhiều người áp dụng khá thuần thục.

Trong Cổ học tinh hoa có một mẩu chuyện về sự hàm hồ trong ăn nói và ứng xử của con người. Một người lục tú thấy mất cái áo thâm, liền ra đường tìm. Thấy một người đàn bà mặc áo thâm anh ta níu lại đòi. Chị ta cãi: “Áo tôi mặc đây là áo của tôi chính tay tôi may ra”. Anh kia đáp lại bằng cái lý lẽ kỳ cục như sau: cái áo thâm của tôi mất thì dày, áo chị thì mỏng. Lấy cái mỏng đền cho cái dày là hợp quá, còn phải nói lời thôi gì nữa”.

Theo các tác giả Cổ học tinh hoa mất áo trong nhà lại ra đường tìm là một

việc buồn cười; mất áo đàn ông mà đòi áo đàn bà là chuyện buồn cười thứ hai; mất áo dây mà đòi áo mỏng là chuyện buồn cười thứ ba. Tóm lại, sự vụ lợi làm cho người ta mờ cả mắt, quên cả phải trái, cái gì cũng dám làm, cái gì cũng dám nói.

Tôi muốn bổ sung thêm, đây cũng là một ví dụ kinh điển để hiểu về sự tráo tráo và lời lẽ ráo hoảnh của con người. Trong những trường hợp như thế này, nó thật đã vượt lên trên hết mọi cách xử thế thông thường.

Và bạn có biết lúc đó chúng ta trở nên thế nào không? Tôi muốn nói khi tráo tráo và ráo hoảnh vậy, ta trở về giống như tuổi ấu thơ của ta vậy.

Người lớn nào chẳng nhiều lúc bực vì có nhiều chuyện dạy mỗi mồm mà trẻ không nghe, ngược lại có những chuyện chẳng cần bảo, nó đã bắt chước mình thành thạo. Ví như trong việc nói dối, thôi thì chúng học nhanh lắm.

Đôi lúc trong cơn liều lĩnh, chúng không ngại mở tủ hoặc lục áo, thó của chúng ta vài đồng tiêu vặt. Bị bắt quả tang, chúng trưng ra bộ mặt hồn nhiên “Ồ! Con cứ tưởng...” hoặc “Thế à, thế mà cháu không biết”.

Giờ đây khi bị tố là tham nhũng, nhiều người lớn cũng giả bộ ngây thơ rất giỏi “Ồ! Tôi cứ tưởng...Tôi đâu có biết”.

Nghĩa là họ đang trẻ con trở lại. Chỉ có chỗ khác là trẻ con thường chỉ “cháu không biết” trước một vài đồng, còn người lớn bây giờ thì “tôi đâu có biết” khi bỏ túi bạc tỉ.

23. NHỮNG LỜI ĐOẠN TRƯỜNG

Thư viện Quốc gia Hà Nội hàng tháng thường có những buổi nói chuyện về đủ loại vấn đề đang được dư luận quan tâm. Một ngày hè 1976, tôi có dịp được nghe một buổi nói chuyện loại đó mà diễn giả là kỹ sư Trần Đại Nghĩa. Đất nước vừa ra khỏi chiến tranh, ông cũng như nhiều người nghĩ nhiều đến sự phát triển kinh tế, trong đó có việc học hỏi kinh nghiệm nước ngoài. Bây giờ nước Nhật còn là cái gì xa xôi lắm. Trần Đại Nghĩa kể ở Tokyo, các kỹ sư đứng ở ngã tư, để nghe mọi người phát biểu về kinh tế, ai nói họ cũng ghi để tham khảo, ai nói hay họ còn trả tiền. Quay về mình ông bảo đừng ý vào tài nguyên mà phải dành nhiều quan tâm tới khâu quản lý, không quản lý tốt kinh tế thì không khác gì thùng không đáy. Đất nước được quản lý kém thì có độc lập cũng chỉ là độc lập hờ, độc lập giả. Nước mình lạ lắm, càng những ngành then chốt càng lạc hậu, ông nói tiếp. Về hướng phát triển ông gợi ý đủ chuyện từ chuyện nhỏ tới chuyện lớn. Chuyện nhỏ (đúng ra phải nói “có vẻ là nhỏ”) đào tạo công nhân lành nghề khó lắm, thợ hàn cao áp ở Việt Nam đào tạo 100 người chỉ đậu được 4 người. Chuyện lớn (cái này thì lớn thật) - phải hiện đại hóa về giao thông và thông tin. Phải tiêu chuẩn hóa mọi chuyện. Tiêu chuẩn hóa là công cụ để đạt tới hiệu lực, biến khó thành dễ.

Một điều lạ nữa với bọn tôi là ở chỗ tuy làm khoa học kỹ thuật, nhưng Trần Đại Nghĩa lại xem trọng khoa học xã hội. Ông báo động là cả nước 50 triệu người mà gần như không có ai nghiên cứu tâm lý. Hiểu và xử lý tâm lý xã hội, tâm lý nhân dân không tốt, thì cũng quản lý kinh tế không tốt. Tổng quát hơn, ông nói đến cái sự mình phải minh bạch với mình, rành mạch với mình. Bây giờ là những năm tháng đầu tiên sau chiến tranh nên cái sự giấu giấu gièm gièm còn tạm tha thứ được. Song Trần Đại Nghĩa đã thấy đủ những tai hại mà cái lối “gi cũng coi là bí mật” ấy gây ra. Theo Trần Đại Nghĩa, trong quản lý xã hội phải xác định bằng được số liệu chính xác. Vì đây là bước đầu để đi tới mình nắm được mình, tự xác định được vị trí của mình trên thế giới.

Lần giờ lại những trang ghi chép được hôm ấy tôi thấy nó giống như một lời tiên tri. Bởi nó đúng quá, đúng cả với “thời gian lớn” là hơn ba chục năm nay, cả với “thời gian nhỏ” là khoảng dăm bảy năm nay. Cả cái cách nó bị quên lãng nữa chứ! Và tôi thậm nghĩ sao lịch sử oái oăm vậy, những suy nghĩ đúng thì không được thực hiện, những cảnh báo đúng thì không được đề phòng, khiến cho đất nước cứ ì ạch mãi.

Vào lúc này trên báo chí có đăng nhiều ý kiến liên quan tới tình hình lạm phát và nhân đó thử nêu ra những “cách đọc” khác nhau với nền kinh tế. Không kể nhiều chuyên gia nước ngoài, ngay các nhà chuyên môn người mình như Lê Đăng Doanh, Phạm Chi Lan, Nguyễn Quang A, Vũ Quang Việt, Vũ Thành Tự Anh,... cũng nêu được nhiều sự lý giải rất xác đáng. Giữa tháng 9 vừa qua, qua mạng VietNamnet, tôi được đọc ông Bùi Kiến Thành. Ông bảo một đất nước không có thị trường nội địa mà chỉ lo xuất khẩu thì không thể tự chủ. Ông bảo nhiều ngành kinh tế của ta đang trong tình trạng học việc mà lại học không đến nơi đến chốn, ngân hàng thì như tiệm cầm đồ cho vay. Vừa rồi có chuyện nông dân nuôi cá ba sa lao đao vì không bán được hàng, còn xí nghiệp xuất khẩu thì không vay được tiền để mua cá. “Qua chuyện này” - Bùi Kiến Thành nói tiếp - “tôi liên tưởng tới tình ảnh, chúng ta có một đám ruộng rất tốt, ở trong đó có mấy đám cỏ dại, vấn đề đặt ra làm sao diệt được đám cỏ dại đó thì chúng ta ra một chính sách là rút hết nước ra cho cỏ chết, chính sách vĩ mô là như vậy.”

Đọc những ý kiến loại này tôi lại nhớ cái buổi nói chuyện hơn ba chục năm trước của Trần Đại Nghĩa. Chẳng nhẽ rồi đây lịch sử sẽ lặp lại như cũ?

Hàng ngày có nhiều việc khiến tôi hối hận. Ai mà chẳng thế, có làm là có sai. Nhưng tôi nhớ nhất một số trường hợp rất lạ, trước đó mình đã nghĩ đúng rồi, vậy mà khi bắt tay hành động, vẫn làm lỡ thảm hại. Những lần như thế khiến tôi đau xót và tiếc nuối bội phần. Tại sao mình lại đổ đốn vậy? Do dốt một phần. Nhưng tôi nghĩ đến một thủ phạm nữa là những thói quen cũ không chế ngự nổi. Để chỉ cái tình trạng lưỡng phân rất đáng tiếc này, người xưa có nhiều cách nói thú vị Hòn chì thì mất hòn đất thì còn, Hoa thường hay héo cỏ thường tươi, Răng cắn phải lưỡi... Nghe hơi tục thì có câu Miệng

khôn tròn đại. Nhưng tôi thích hơn cả là câu trong Truyện Kiều: Ma đưa lối quỷ đưa đường, lại tìm những lối đoạn trường mà đi. Đoạn trường ở đây có nghĩa là đứt ruột. Có những làm lỡ làm người ta tiếc đến đứt ruột, và e sợ hình như ở đây đã có vai trò của ma quỷ. Cá nhân mắc nạn loại này đã đau lắm rồi. Đến như cả cộng đồng, cả xã hội, nếu không tránh được thì sự đời chẳng phải là oan nghiệt quá sao?

24. LẤY TƯƠNG LAI LÀM TIÊU CHUẨN

Có một đạo Đồ Việt Khoa trở thành một trong những tên tuổi vào hạng được nhắc nhở tương đối thường xuyên trên đài trên báo và cả nơi đầu miệng mọi người. Vâng, nổi tiếng thật bởi anh đã làm cái việc người khác không dám làm. Đó là tố cáo những trò gian lận ở một hội đồng thi của tỉnh Hà Tây. Trong lá thư anh Khoa nói với lớp trẻ có đoạn “Tôi kêu gọi các em học sinh và các thầy cô giáo: Hãy lên tiếng cùng tôi chấm dứt tiêu cực này. Đừng dối mình, hay im lặng mãi thế. Năm nay nếu các em trượt nhiều, đừng vội trách thầy. Các em hãy chịu thiệt một chút. Sang năm, các em sẽ được thi lại mà. Các em mất 1-2 năm thôi, quá ngắn ngủi so với cuộc đời một con người. Nhưng 1-2 năm đó rất quý: Hàng chục thế hệ sau sẽ không bị làm hỏng nữa. Nên giáo dục sẽ trở về đúng nghĩa của nó. Tính trung thực của thầy trò ta mới không bị đánh cắp nữa. Hãy ủng hộ thầy!” (Mạng VietNamnet 24.6.2006)

Có thể đọc ra từ vụ thầy Khoa hôm nay nhiều chuyện, riêng tôi chú ý một điểm là những cách nghĩ cách ứng xử khác nhau đối với tương lai.

Cả nền giáo dục như một con bệnh trầm trọng, ở nhiều địa phương chưa đi thi mà cả thầy lẫn trò đều thừa biết rằng nếu nghiêm ra thì trượt nhiều lắm, rút cuộc thi cử là một thứ thủ tục để kẻ có quyền thì bán bằng, kẻ cần tiến thân thì mua bằng.

Trước cái thực tế ngồn ngang đó ta nên làm thế nào?

Nhiều người nghĩ, thôi đã hỏng thì cho hỏng luôn thế, thiên hạ đầy những hàng giả, thêm một ít bằng giả của bọn tôi có thấm thía gì? Trong tình cảnh hỗn loạn này, chúng tôi sẽ sống ra sao nếu thi trượt?

Tức là người ta chỉ nghĩ chuyện trước mắt, còn tương lai thế nào, tính sau. Thậm chí có thể hy sinh cả tương lai cho hiện tại cũng được.

Nhưng vẫn có một cách nghĩ khác. Hãy tính cả cuộc đời dài dặc của mỗi con người. Lẽ nào ta sẽ gian dối suốt đời sao?! Vậy hãy thử chịu đựng một phen. Dám trượt, dám thua. Trượt để quay về học cho ra học. Thua để thắng. Không những được cái bằng mà còn được những con người. Thầy Khoa thuộc loại thứ hai.

Rồi đây không biết vụ thầy Khoa này hiệu quả đến đâu song với riêng tôi,

ít nhất cũng có một điểm đáng ghi nhận: Hóa ra lúc nào cũng còn người tốt, cụ thể là còn những người tin rằng chúng ta có thể sống tốt hơn, chứ không “cù nhây” với nhau mãi thế này. Mà chỗ khác nhau giữa nhiều người hiện nay là ở tâm nghĩ. Do thiếu tự tin, do thiên cận mà một số người sẵn sàng làm việc xấu và ủng hộ cái xấu. Còn chỉ cần nghĩ xa ra một chút, ta sẽ thấy cuộc đời là ở trong tay ta, sống tốt không phải chỉ là ước ao mà hoàn toàn là chuyện có thể, nếu chúng ta muốn.

Lại phải trở lại với nhà văn Nga Tchekhov (1860-1904), tác giả của những Con hoạt đầu, Anh béo và anh gầy, Người trong bao... Ông đặc biệt dị ứng với cuộc sống tầm thường quanh mình. Với ông cả những kẻ chỉ có ước mơ tầm thường cũng đáng ghét. Có lần ông bảo các vị ơi, cứ sống thế này thì nhắm mắt sao nôi! Một ý tưởng lớn mà ông muốn làm lây truyền trong người đọc: cuộc sống là thiêng liêng lắm, cái chính là lòng tự trọng, là cái khát khao tốt đẹp ở mỗi con người bình thường; nếu còn giữ được cái đó thì một hai người có thể thua, nhưng cả xã hội sẽ thắng.

Lúc này tôi chỉ ước ao giá Tchekhov được in lại để có thêm người đọc!

25. ĂN LẬN VÀO TƯƠNG LAI CỦA CON CHÁU!

Nhân đi tập thể dục, tôi thường kiêm thêm việc mua quà sáng cho cả nhà (các thứ bánh mì, xôi, khoai sắn...). Chợt một lần, nảy ra cái ý định vui vui là thử đếm số túi ny lông mà chỉ một buổi sáng thôi, gia đình tôi mang từ chợ về. Khoảng độ một chục chiếc, vâng, không bao nhiêu. Cố nhiên là sau khi lấy thức ăn ra, tất cả đã được vợ tôi vo viên vút vào thùng rác. Nhưng mãi mà không quen, nhiều lần tôi vẫn cứ nảy ra cái ý nghĩ mà nhiều người cho là kỳ quặc. Câu hỏi tôi tự đặt ra đơn giản như sau: Riêng buổi sáng nhà mình đã vút độ một chục chiếc. Vậy cả ngày, nhà mình đóng góp cho môi trường bao nhiêu túi? Và cả cái phường mình ở, cả cái thành phố này, mỗi ngày góp cho lòng đất thủ đô bao nhiêu mét khối, bao nhiêu tấn cái nhân tố tàn hại ấy - bảo là tàn hại vì dù được chôn, nó rất khó phân hủy, nên sẽ làm hỏng môi trường, làm hại đất đai cho đến vài chục năm hoặc kéo dài hơn nữa.

Từ lâu, đã nghe nói là các nước họ có chính sách bảo vệ môi trường rất ghê. Họ buộc mọi người phân loại rác ra làm hai thứ riêng. Thứ rác hữu cơ, dồn lại làm phân bón. Rác từ các hóa chất thì đưa vào máy móc xử lý. Riêng các thứ túi ny lông, họ chỉ cho sản xuất thứ dễ phân hủy, giá thành có đội lên nhiều lần, nhưng đây là chính sách cần thiết để người dân đừng phóng tay dùng nó một cách vô tội vạ (ngoài ra không còn biện pháp nào khác).

Nghe thấy hay quá. Nhưng không biết bao giờ nước mình học theo được!

Không cần là người trong cuộc mà chỉ qua đồn đại thì cũng biết rằng nước mình có cách “nổi ruột” với thế giới rất độc đáo. Những loại ô tô mới đắt tiền. Các loại mỹ phẩm. Các loại rượu quý. Ngay cả thức ăn và các loại thuốc cũng vậy. Thời buổi hội nhập, cái gì thế giới họ có, mình cũng có khá nhanh. Hễ có nhu cầu thì có người tìm ngay phương thức thỏa mãn. Nhưng cũng có những thứ sao khó học đến vậy. Như là cách làm ăn nghiêm túc, bảo đảm quy trình và chất lượng. Như là tinh thần tự trọng và hết mình với việc công của các quan chức. Như là thái độ sống ngoan ngoãn, lịch sự mà vẫn hiện đại của lớp trẻ... Thậm chí như là cách đối xử với rác tôi nói ở đây. Tóm tắt một câu: cái tử tế khó vào; cái hư hỏng thì đến tự nhiên và cấm rể cũng một cách tự nhiên, như là chính ta phát minh ra vậy.

Có mấy hiện tượng dạo này thấy nói nhiều trên mặt báo. Các khu rừng đầu nguồn bị phá hoại. Tình trạng khai thác bừa bãi diễn ra ngay ở các mỏ lớn như mỏ cơ-rôm ở Thanh Hóa, mỏ sắt ở Trại Cau, Thái Nguyên. Nhiều mỏ đồng mỏ than nhỏ ở các vùng xa được dân thổ phỉ ngày đêm đeo bám “tùng xẻo”. Tình trạng thương mại hóa lễ hội khiến cho đền chùa miếu mạo biến dạng rõ rệt. Việc công nhận Hạ Long là Khu di sản thiên nhiên thế giới có thể bị thu hồi, bởi vì để đủ các loại ô nhiễm xuất hiện.

Cũng giống như chuyện rác, đó đều là các vấn đề liên quan tới môi

trường. Khôn nổi, những gì có dính dáng tới môi trường cũng tức là dính tới tương lai, người dân thường ở ta chỉ nói miệng thôi, chứ ít chú ý lắm. Nhân danh việc kiếm sống thiêng liêng, thôi thì không hành động bừa bãi nào người ta không dám làm! Nhìn vào cách phá rừng, cách nuôi tôm, cách khai thác di sản văn hóa... hiện nay, hoàn toàn có thể nói là trong “con diên” lo làm sang làm giàu, ta đang ăn lận cả vào tương lai của con cháu.

26. SỰ CỐ TRƯỜNG DIỄN

“Nắng, nắng rất dữ, cái nắng cháy da làm mất đi vẻ đẹp riêng của những con người xứ lạnh”.

“Bình minh không còn màn sương phảng phất bay qua cành cây ngọn cỏ”.

“Những dải hoa hồng hoang sơ, đẹp một vẻ đẹp kiêu sa, trước kia bốn mùa khoe sắc trên nhiều con đường ngõ xóm, nay không còn nữa”.

“Những cây thông cổ thụ bị dọn sạch”.

“Trong các mảnh vườn riêng của từng gia đình ở đây, các loại sâu bọ kỳ lạ xuất hiện”.

“Nhiều người vào đây từ sau 1975 bắt đầu nhớ lại Đà Lạt ngày họ mới vào, nhớ tới Đà Lạt ngày xưa mà họ mơ ước”.

Trên đây là sự thay đổi môi trường Đà Lạt được bạn đọc Tuổi Trẻ viết trong số báo ra ngày 7.3.2007.

Sự thay đổi ở đây vậy là gây ấn tượng đậm và thật đáng lo ngại: đó là những biến động ở tận bề sâu của môi sinh, biến đổi về mặt khí hậu.

Đọc lên ai mà chẳng thấy đau lòng.

So với Đà Lạt, tình hình thay đổi các thành phố trong cả nước chưa nguy hiểm bằng. Có vẻ tình trạng ô nhiễm và sự biến đổi cảnh quan ở đây là chấp nhận được. Ta dễ bỏ qua.

Nhưng chúng ta đã nhầm.

Đọc một tài liệu nghiên cứu về môi trường, tôi thấy một nhà khoa học bảo rằng cái đáng sợ nhất là những sự cố trường diễn, tức là những thay đổi theo hướng thoái hóa, tác động rất lớn, song rĩ rả mỗi ngày một chút, nên dễ lọt lưới, và khi nghĩ ra thì đã muộn.

Ví dụ như ở Hà Nội. Hà Nội rãnh nước đen ngòm chảy bên lề đường phố cổ và chuột chết vút cho xe kẹt. Hà Nội nhà xây cái cao cái thấp, cái lai tàu cái lai tây, lô nhô loạn xị và cây xanh bị triệt hạ để lấy chỗ bán hàng. Hà Nội nắng hanh đường quần đất bụi. Hà Nội những tầng nước ngầm trong lòng đất bị tàn phá, một số giếng đào lên nước không dùng được. Hà Nội người ném rác hàng ngày xuống sông Hồng. Hà Nội không còn vỉa hè và thanh niên không biết thế nào là niềm vui đi bộ.

Chỉ cần so với Hà Nội 1954, hoặc Hà Nội trước 1975 thôi thì đã có bao điều tốt đẹp mất đi mà nếu thành tâm yêu Hà Nội người ta phải lấy làm tiếc. Và lo lắng nữa.

Báo chí gần đây có nhiều bài đả động đến những biến động nho nhỏ. Hoặc là rầy nâu tấn công Cao Lãnh, thị xã của tỉnh Đồng Tháp. “Rầy bay đầy đường như trâu, rầy bu đen kín các bức tường. Rầy đi thành từng đám như một lớp sương, người đi đường không thể đi được nên tấp vào quán để trốn rầy”. Hoặc là muỗi ở quận Bình Thạnh TPHCM “cứ khi trời sập tối là muỗi dày ken đặc, 10 phút quơ được một muống canh muỗi” (Nông thôn ngày nay, 19.3.2007).

Đó chính là dấu hiệu của những sự cố trường diễn. Sự thay đổi của khí hậu - như ta thấy phần nào ở Đà Lạt - chính là kết quả của những đổi thay ngấm ngấm như vậy.

Nhìn rộng ra, người ta còn nói rằng tình hình ô nhiễm khói bụi ở khu vực Thái Bình Dương khiến cho nơi đây ngày càng xuất hiện nhiều hơn những cơn bão lớn...

Từ chuyện môi trường cây cối sâu bọ, tôi còn nghĩ đến những biến động sâu xa ở con người. Tình trạng trường lớp tồi tàn, bàn ghế không hợp lứa tuổi khiến cho tỷ lệ học sinh cận thị ngày mỗi cao. Xe máy chen chúc trên đường, phố xá ồn ào, khiến con người giờ đây “ăn sống nói gió” hơn bao giờ hết. Những khó khăn trong cuộc sống gặm nhấm mỗi ngày một ít, sự bươn trải kéo dài, giờ đây chả thấy ai nhường ai, nghĩ mãi về người quen không biết ai đáng gọi là dìu dàng hiền hậu.

Thậm chí nét mặt con người nữa.

Những khi đang đi gặp phải đèn đỏ, tôi nhìn chung quanh, sao thấy mặt mũi người nào trên đường cũng căng thẳng và đầy chất sát phạt. Tham vọng ghê gớm. Khao khát khăng định. Ham hố sống, hưởng thụ... Tôi chưa tìm ra được chữ nghĩa cho chính xác, nhưng hình như có tất cả những cái đó trên nhiều khuôn mặt tôi gặp hàng ngày, quen cũng như lạ.

Lại nhớ những con người của cái thời tiền chiến đọc được trong những truyện ngắn Thạch Lam, Thanh Tịnh, hoặc hiện lên trong tranh Nguyễn Phan Chánh. Lại nhớ những bức ảnh chân dung tập thể bày ở các bảo tàng hoặc trong một số sưu tầm ảnh đây đó. Có phải là chúng ta đã thay đổi đến khó ngờ. Thời gian mang lại cho con người rất nhiều nhưng cũng lấy đi rất nhiều. Không thể luyến tiếc, nhưng phải nhớ rằng nhiều cái tốt đẹp đã bị đánh mất.

27. TỔ CHỨC ĐỜI SỐNG NÔNG DÂN SAO ĐÂY?

Thình thoảng lại thấy râm ran chuyện buồn về các cô gái Việt Nam, nhất là các cô gái nông thôn, lấy chồng ngoại quốc. Họ bị hành hạ đủ điều. Bị

ngược đãi một cách oan uổng. Nghe chuyện này nhiều người lại được dịp gạt nước mắt thông cảm.

Tôi không phải loại gỗ đá gì, nghe cũng thấy thảm.

Nhưng tôi lại cũng biết rằng vào lúc này đây bao cô gái khác đang làm công việc tương tự. Tại sao ư? Tại vì tình cảnh của họ ở làng xóm là hoàn toàn tuyệt vọng. Họ còn đi, và đám em họ sẽ đi nữa.

Muốn tránh cái điều đau đớn đó, lẽ ra chúng ta phải tìm nguyên nhân để giải quyết từ gốc, mà phương án lớn nhất là nâng cao trình độ sống và cả đời sống tinh thần của lớp thanh niên mới lớn.

Câu chuyện về nông dân mất đất hiện nay cũng nên nhìn nhận tương tự.

Tôi biết ở đây có lỗi của một số cấp chính quyền. Họ tùy tiện giải quyết lấy đất để xây dựng, làm khu kinh tế, và len vào đó là chuyện tham nhũng. Rồi ngay trong nông dân cũng có chuyện vụng trộm mua đi bán lại với nhau. Tất cả dẫn đến tình cảnh một số nông dân không còn phương tiện làm ăn sinh sống.

Nhưng theo tôi đây chưa phải là vấn đề chính của nông thôn hiện nay.

Có một sự thực đáng lo lắng hơn: đó là tình trạng người nông dân không muốn làm ruộng nữa. Năng suất không lên. Thu nhập từ hạt thóc quá thấp. Và việc này đã kéo dài quá lâu, kéo dài trong lúc đời sống xã hội chuyển động rầm rập, khiến họ không sao an tâm.

Thanh niên lao ra thành phố làm thuê làm mướn. Nói chung là lớp người năng động và thông minh nhất của nông thôn tìm mọi cách để xa rời mảnh đất..

Nếu không mất đất vào các khu công nghiệp thì trước sau họ cũng đặt mảnh đất đang có vào vòng tay của tình trạng lạc hậu và sự quên lãng.

Mảnh đất mà cha ông họ mơ ước, nay họ không thấy thiết tha nữa. Có mà cũng như không có!

Tôi không phải là một chuyên gia nghiên cứu về nông thôn. Nhưng chỉ ở Hà Nội, nghe chuyện ô-sin trong gia đình và hàng xóm, nói chuyện với mấy người đẩy xe hàng rong trên đường và dừng lại ở các xóm liều tạm bợ..., tôi tin rằng mình không nói lie.

Cái lỗi lấy đất bừa bãi của nông dân kẻ cũng đã lớn lắm.

Nhưng theo tôi các lỗi lớn hơn của cả chúng ta là không giúp cho người nông dân bước vào đời sống hiện đại một cách đàng hoàng, hợp lý.

Giúp như thế nào? Là làm cho người nông dân có thông tin để hiểu cái xu thế thời đại và con đường mà họ sẽ phải trải qua. Là giúp cho họ làm chủ số phận của mình mà không trở thành nạn nhân của công cuộc hiện đại hóa.

Đây không phải là công việc riêng của các cấp chính quyền địa phương mà là việc chung của nhiều người. Của cả những người dân thành thị. Của các nhà quản lý lẫn các nhà nghiên cứu. Nhất là của những người hiểu biết về con đường hiện đại hóa của các nước trên thế giới.

Giữa năm 2007, chính tai tôi được nghe nhà kinh tế Lê Đăng Doanh kể là ở Đài Loan, khi lấy đất của nông dân trao cho các loại công ty sản xuất và kinh doanh, người ta buộc công ty phải bán cổ phần cho nông dân, và coi như giữ tiền hộ họ, tiền lãi ở đây một phần đáng kể giúp họ bảo đảm sinh kế lâu dài.

Ồ tuyệt quá, tôi vừa nghe đã nghĩ kinh nghiệm hay thế sao ở mình không làm nhỉ.

Nhưng vừa nói lại với một người bạn, liền bị anh ta chỉnh cho ngay:

- Hảo huyền! Làm thế các công ty bị ràng buộc, mà chính quyền chẳng được lợi gì. Công ty cũng không muốn làm mà chính quyền cũng không muốn làm.

Rồi anh lại xoay qua một khía cạnh khác:

- Thử đặt mình vào tâm lý ông nông dân nhà mình mới thấy hết rắc rối. Mấy ai nghĩ rộng là mình sẽ sống sao trong thời đại hội nhập. Trước mắt họ chỉ nhìn vào đồng tiền. Nếu không dùng tiền chơi bời mua sắm thì cũng dùng để làm vốn buôn vật. Họ thừa tự tin trong việc này. Chứ mua cổ phần của các công ty đến làm ăn ở quê hương họ ấy ư, còn lâu! Đến lúc thất cơ lỡ vận, nghĩ ra con đường đúng thì đã muộn!

Phân tích một hồi, hóa ra trách nhiệm là ở nhiều phía. Mà trách nhiệm lớn nhất vẫn thấy là trên vai chính quyền các cấp. Nông dân có thể nghĩ làm chứ chính quyền thì không thể.

Nhưng để giải quyết đúng đắn chuyện này, còn mất thời gian mò mẫm, và tất cả các phía đều bắt chúng ta chờ đợi.

Quay trở lại chuyện mấy cô gái tìm cách lấy chồng Hàn Quốc hoặc Đài Loan. Nên nhớ rằng việc nhân duyên với họ bao hàm cả việc kiếm sống, mà cả hai đều là tự nguyện. Vậy cảm thế nào bây giờ?

Anh bạn tôi, cuối câu chuyện, khóa lại bằng một câu có vẻ vô cảm, nhưng là thực tế:

- Khi không thay đổi được hoàn cảnh, tốt hơn hết là chấp nhận cho xong. Chứ đã biết là không ngăn chặn được tình trạng này từ gốc, mà thỉnh thoảng lại nổi cơn sứt sùi thương xót, cho phép nói thật nhé, thấy buồn cười lắm!

28. ĐỌC LẠI KHÔNG TỬ ĐỂ HIỂU CON NGƯỜI HIỆN ĐẠI

Nhiều năm làm nghề phê bình văn học, song mấy năm nay, mỗi lần cầm trên tay một sáng tác, dù văn hay thơ, tôi đều rất ngại. Đọc vào cứ thấy tức tức. Hoặc đây không phải văn chương, hoặc cảm quan văn học mình bị hỏng. Để giải tỏa môi nghi ngờ bản thân, tôi quay lại đọc văn chương quá khứ, đại khái như Nửa chừng xuân, Gió đầu mùa, Chí Phèo, hoặc Tiếng thu,

Lửa thiêng. Thì vẫn thấy mình bị hấp dẫn, nghĩa là mình không có lỗi... Đành buông hẳn sách tác đương thời, mà đặt toàn bộ công sức vào việc quay trở lại với văn chương cũ.

Tương đó chỉ là chuyện riêng của mình, hóa ra có nhiều người trong nhiều lĩnh vực khác cũng đang nghĩ vậy.

Báo chí đưa tin loại sách cổ điển đang trở lại với người ta. Trong hoàn cảnh khủng hoảng kinh tế, châu Âu đang đọc lại Mác. Cũng như ở Trung Quốc, người ta đọc lại các nhà triết học thời Bách gia chư tử.

Tại sao lại có hiện tượng như vậy? Trên nét lớn có thể ngờ rằng nay là lúc nhiều người đang bối rối trước đời sống trước mắt, và không tìm ra cách cắt nghĩa các hiện tượng đang xảy ra, nên đành tìm cách khác, hoặc đi đường vòng hoặc lùi xa hơn, chứ không quá chăm chú vào các sự việc trước mắt. Ta đặt mình vào vị thế người xưa. Thấy xã hội xưa nay vẫn vậy, kiếp người xưa nay vẫn vậy, ta yên lòng mà sống...

Lấy ví dụ như trường hợp cuốn Luận ngữ của Khổng tử. Bên cạnh nguyên văn, sách được các nhà khoa học Trung Hoa lục địa chú giải và “dịch” ra ngôn ngữ hiện đại. Hàng chục triệu bản loại này đã được in ra trong mười năm gần đây.

Lại còn loại sách mà ở Việt Nam mình hay gọi là ăn theo, thật ra là sách giải thích các bộ kinh điển nói trên. Vụ Đan với Luận ngữ tâm đắc là một kỳ tích của giới nghiên cứu và xuất bản truyền thông Trung Quốc. Bản in cuốn sách này mà tôi đang có trong tay ghi rõ là tới tháng 7-2008 đã in ra được tới 31 lần, tổng cộng tới 4.750.000 bản (có tin là sách in lậu cũng phải dăm triệu nữa, tổng cộng lên tới cả chục triệu).

Sự vô vấp này được cắt nghĩa từ nhiều góc độ. Có người nói Trung Quốc đang Tây phương hóa quá đậm, phải lo bảo nhau quay về cội nguồn. Đằng sau sự huy hoàng của phát triển là những băng hoại đến từ cuộc va chạm giữa hai nền văn minh. “Một quốc gia đã quen với việc coi các giá trị đạo đức đứng trên tất cả bỗng nhiên thấy mình lâm vào tình trạng phi chuẩn mực. Điều này tạo nên những lo âu không thể tháo gỡ” - “Sự sụp đổ các giá trị và làn sóng đồ xô vào làm giàu với tiền là thước đo thành công duy nhất đã khiến cho nhiều người cảm thấy hoang mang và mất mát... Có rất nhiều tâm hồn bị thương tổn. Người ta phải tìm kiếm điều gì đó để tin và bám lấy”. Luận ngữ dành đề dạy chúng ta cách làm thế nào để đạt được hạnh phúc tinh thần, điều chỉnh những thói thường và tìm ra vị trí của mình trong xã hội hiện đại.

Trong phạm vi một bài báo nhỏ, tôi chỉ tạm giới hạn mấy lời giới thiệu như vậy, dưới đây mạn phép trình bày một khía cạnh thu hoạch riêng.

Khổng Tử thường được hậu thế xem như một người đưa ra những lẽ luật mà người ta phải theo trong phép xử thế. Khi những lẽ luật này được đẩy lên thành những ràng buộc nghiệt ngã thì ông trở nên một đối tượng khiến nhiều

người căm ghét. Song đọc Luận ngữ tôi lại căm thấy ông là một người rất biết điều, do đó rất dễ gần. Làm nên cho những đề nghị đôi khi quá phiền phức là một nhận thức sâu sắc về con người, nhất là những chỗ yếu, cái phần bản năng tự nhiên, cái phần bần lầy ngẫu đực tự phát hầu như ai cũng có. Thuyết tính thiện về sau mới được Mạnh Tử đưa lên thành nguyên lý. Con người ở Khổng Tử đa dạng hơn nhiều. Mọi cơ hội dường như đều được mở ra. Một khi tiềm năng hư hỏng đã chực sẵn, mọi rối loạn xã hội và những chấn thương trong lòng người là chuyện khó lòng tránh nổi.

Ta biết rằng cùng với Luận ngữ có một cặp khái niệm đã hình thành đó là quân tử và tiểu nhân. Đây là cặp phạm trù bị người đời đả phá kịch liệt, bởi cho là khi nhấn mạnh sự phân biệt đó, cụ Khổng đã mở đường cho giai cấp thống trị áp bức nhân dân. Nhưng có thể có cách hiểu khác - đây chỉ là những giả định để nhà nghiên cứu này hình dung về các đối tượng. Tiểu nhân là gì? Là cái dạng thức tự phát tự nhiên về con người mà ở trên vừa nói. Còn quân tử đó là cái đích mà con người phải tới, phải phấn đấu để trở thành. Và như vậy trong khi hướng tới quân tử thì những con người tiểu nhân kia lại không xa lạ với chúng ta, muốn tự hiểu mình ta hãy chăm chú nhìn vào hình ảnh tiểu nhân mà cụ Khổng miêu tả. Đó là những kẻ liều lĩnh cuồng bạo lấy cơ nghèo đói cho phép mình tha hồ làm bậy. Đó là những kẻ quá tự tin, không bao giờ nghĩ là mình có thể có lỗi, đứng trước việc lớn việc nhỏ không bao giờ băn khoăn xem mình làm thế nào thì đúng thế nào thì sai, mà chỉ nhắm mắt lao tới. Chẳng phải là những mẫu người phổ biến quanh ta đó sao? Trong tâm lý học hiện đại, Gustave le Bon (1841-1931) nổi lên như một người biết gọi ra chân dung tinh thần của các đám đông: nặng về bản năng, dễ bị kích động và bị sai khiến. Về phần mình, Khổng tử bảo: Quân cư chung nhật - ngôn bất cấp nghĩa - hiếu hành tiểu tuệ - nan hĩ tai (tạm dịch: Túm tùm với nhau suốt ngày, không bàn về đạo lý, toàn tính toán theo lối khôn vặt, thực là khó dùng). Hoặc Cuồng nhi bất trực - đồng nhi bất nguyện - không không nhi bất tín - ngô bất tri chi hĩ (tạm dịch: Kẻ cuồng vọng mà không ngay thẳng, dốt nát mà không trung hậu, có vẻ thực thà mà không thủ tín, ta chẳng biết hạng người đó ra sao). Những câu loại này nhiều lắm, cần hẳn một chuyên đề nghiên cứu.

Lâu nay tôi vẫn tự nhủ hãy hiểu con người hôm nay ra sao đã, sau đó mới bàn cái đích phải hướng tới. Không dè cách nghĩ này đã sẵn trong Khổng Tử. Muốn nghiền ngẫm lại Luận ngữ là vì vậy.

29. SỰ ĐỒNG ĐÁNH CỦA MÙA XUÂN

Ở cơ quan tạp chí Văn nghệ Quân đội trước 1975, Nguyễn Minh Châu nổi tiếng là... hay xô ra những câu ngược đời. Chẳng hạn trong khi ai cũng nói là

mùa xuân đẹp mùa xuân mơn mớn sức sống, thì có lần ông cho mọi người thất vọng bằng một câu xanh rờn:

- Chính ra ở mình, mùa xuân lại là mùa bản nhất. Đây các ông thử nhìn xem đường sá lầy lội có kinh không? Làng nào còn ít bụi tre, thì xuân này lá tre rụng đầy đường, mà chính các thân tre lại xơ xác trông gớm chết đi được!

Lúc nghe, vì quá sốc nên chúng tôi gần như lặng đi không nói gì. Chỉ khổ một nỗi về sau nghĩ kỹ lại, thấy đúng. Không ai dám nói tuột ra như Nguyễn Minh Châu, nhưng đúng có lúc ngại xuân thật! Mưa phùn gió bắc, hơi một tí thì lạnh, hơi một tí lại nóng. Vừa trở gió, cửa nhà đã nhoe nhoét vì nồm. Muối ở đâu ra mà dày như trấu. Nỗi sợ viêm họng với sợ sung phổi làm người ta quên cả ngắm cảnh đẹp. May lắm thì chúng tôi chỉ còn tự an ủi, phải nói thực ra mùa xuân quá nhiều về. Nó mang trong mình quá nhiều tiềm năng. Cũng giống như việc đời, nó đỏng đảnh, nó bất trắc. Tức là luôn luôn có thể thế này và có thể thế, khác đẹp đây mà cũng nhếch nhác ngay đây.

Mấy hôm mừng một mừng hai bận bịu vì nghi thức và ăn uống, chính ra về không khí Tết hơn cả lại là rằm tháng giêng. Lễ tết quanh năm không bằng ngày rằm tháng giêng. Từ nhỏ tôi đã được nghe nói như vậy, và càng lớn càng thấy nó đã ăn sâu vào tâm lý mọi người đến như thế nào. Người đi lễ nườm nượp từ sáng đến tối. Tết Đinh Tỵ (1977) lúc đã muộn, khoảng mười giờ đêm, tôi mới đi bộ ra đền Quan Thánh (vì Văn nghệ Quân đội gần đấy), trở về chỉ nhớ hai chi tiết. Một là nhiều người đến chậm, không chen được vào cắm hương, quay ra cắm cổ vào các ngách tường gốc cây ngoài sân, hai là sau khi khách đến lễ ra về, các vị hành nghề ở đền (thờ gọi là thủ từ) để đỡ mệt mỏi, quay ra xả hơi bằng cách... mở băng Sơn ca 7 của Trịnh Công Sơn. Hôm sau kể với Nguyễn Khải, ông cười sặc sụa, bảo là bịa, nhất định không tin. Tôi thì tôi nghĩ, chẳng qua nó chỉ cho thấy một tình trạng hỗn độn mà lớp người cũ như chúng tôi không quen. Hỗn độn, nham nhở, pha tạp, không thuần khiết, những cái chả ăn nhập gì với nhau lại đặt cạnh nhau..., đó là tình trạng có thể gặp ở bất cứ đâu trong mùa xuân.

Nhân chuyện lễ bái ngày Tết, còn nhớ một câu tục ngữ nữa Ăn trộm ăn cướp thành Phật thành tiên - Đi chùa đi chiền bán thân bất toại. Hình như có một thời xã hội có sự phân chia rành mạch. Đã ăn cắp thì không dám tính chuyện đi đền đi chùa. Ngược lại lễ bái là cả một việc thiêng liêng mà chỉ những người tin chắc ở sự lương thiện của mình mới thành tâm theo đuổi. Hai loại người hai cách sống, rành mạch đâu ra đấy. Còn ngày nay, càng những người “có chuyện”, bao gồm từ đám buôn bán bất chính giả dối lừa lọc cho tới các loại hôi lộ, tham ô ăn cắp (nói nôm na thì tham những cũng chỉ là một loại ăn cắp) lại càng kỹ càng trong việc cúng bái. Thành ra cuộc đời cứ nháo nhào cả lên. Về mặt ý nghĩa, câu nói cảnh báo một sự thật: mọi chuyện không phải bao giờ cũng công bằng, sự thành tâm không phải bao giờ cũng tương ứng với hậu quả, không riêng gì con người mà thiên nhiên và

thần thánh cũng đồng đánh, và đây chính là sự hấp dẫn của những thế lực siêu phàm ấy.

Mỗi mùa đông lại cho người ta thấy một sự bất ngờ mới của thiên nhiên. Như mùa đông năm ấy, 2006. Ba bốn tháng liền, gần như không mưa. Trời đẹp, nhiều hôm nghe mục thời tiết trên truyền hình “Chúc các bạn có những ngày nghỉ cuối tuần tuyệt vời” cứ thấy nao nao. Vẫn biết nắng vàng trời hanh thì thú vị thật, nhưng tận trong đáy lòng, vẫn nhớ những ngày mưa, hình như mình quen với mưa hơn.

Cầu được ước thấy cả tuần trước tết Nguyên tiêu, không có lấy một ngày nắng trọn vẹn. Lúc nào bầu trời trên đầu cũng lảng vảng những đám mây. Lúc nào trời cũng ủ mưa. Cái nắng thoang thoáng. Có thể sắp nắng bùng lên nữa. Mà cũng không chừng lại sắp mưa.

Những ngày khô hạn đã dạy cho tôi biết thế nào là sự quyết liệt của đời sống. Mấy năm nay, cả trái đất nóng lên. Nhiều thành phố nằm sát mép nước biển bên Italia có khả năng bị nước tấn công. Năm ngoài năm kia bên Paris khối cụ già chết vì nắng cơ mà. (Bây giờ cái gì cũng thái quá. Chuyện mưa thuận gió hòa chắc chỉ còn trong sách vở.)

Những ngày dờ dang mưa nắng lại càng dạy tôi tập quen với mọi diễn biến sắp tới. Điều gì cũng có thể xảy ra, kể cả những điều xấu nhất lẫn những điều tốt nhất. Đây là quy luật của đời sống hiện đại.

Một nỗi buồn dù to lớn đến đâu, khi ta nhận thức được thì tự nó cũng mang lại một niềm vui chân chính. Câu nói đã thành công thức ấy, hôm nay với tôi vẫn là một phát hiện.

30. TA CHỊU TRÁCH NHIỆM VỀ BẢN THÂN TA

Ngày Đại hội sinh viên toàn quốc kết thúc (17.2.2009) cả trong các báo cáo chính thức lẫn trong những lời bàn bạc trao đổi bên ngoài, tôi đọc được một khía cạnh mới trong ứng xử của xã hội với giới trẻ. Từ nay, họ không còn bị coi như một lớp người ngây thơ trong sáng quen sống với lời khen và làm theo những cái mẫu có sẵn. Trong chừng mực có thể, họ được giới thiệu bức tranh chân thực về đời sống đất nước cũng như chỉ ra những non kém của chính họ. Thái độ tôn trọng đó chính là tiền đề cần thiết để một lời yêu cầu mới được phát ra. Lớp trẻ phải tập làm quen với vai trò chủ nhân và họ sẽ phải chịu trách nhiệm về tương lai của chính mình cũng như của xã hội.

Tôi ngờ rằng trong tâm tư sâu kín của người thanh niên biết suy nghĩ, những định hướng này là những gợi ý tích cực. Tuy nhiên, đây chỉ là với một số ít. Còn nếu nhìn ra cả đám đông, thì vấn đề lại rất phức tạp.

Từ những hành động của nhiều người trẻ hiện nay, tôi đọc ra những lý lẽ phản bác:

- Sở dĩ chúng tôi đến nông nổi như thế này là tại người lớn quá hư hỏng!
- Chúng tôi có được dạy bảo tử tế đâu mà đòi chúng tôi tử tế!
- Muốn tốt phải có điều kiện... Chúng tôi làm gì có cái đồ xa xỉ đó?

Những lời than vãn oán trách này có cái lý của nó. Nhưng tôi cho rằng không thể dùng để biện hộ cho những buông trôi bừa bãi thậm chí những phá phách thác loạn. Nếu tự mình làm hỏng mình thì chính là chúng ta trở thành vật hy sinh của những mưu đồ xấu.

Bởi tin rằng không phải người ta dễ dàng làm theo những điều tự mình coi là đúng, tôi muốn chia sẻ một kinh nghiệm nhỏ. Là đừng nên nghĩ rằng thế hệ trẻ hiện nay khổ nhất. Hãy tự đặt mình vào địa vị của một người trẻ ở Bắc Triều Tiên, ở Iraq, ở Afghanistan, ở nhiều nước châu Phi... để thấy có phải thế giới này đã tốt đẹp hết đâu. Hoặc lùi lại trong thời gian, nếu sống lại kỷ lưỡng với các thế hệ trẻ Việt Nam thời trước các bạn sẽ thấy thời nào thanh niên cũng có những vấn đề tương tự: Và bài học cuối cùng vẫn là nghiêm túc đòi hỏi mình, chọn con đường khó mà đi, vượt lên chính mình.

Kiến thức chân chính sẽ là chỗ dựa thiết yếu cho mọi sự phấn đấu. Miễn là chúng ta chịu học.

Người ta sẽ tìm thấy nghị lực lớn lao khi sống với cả lịch sử và cả thế giới... cái điều tưởng như quá to tát ấy thật ra lại quá thiết thực nên cũng là điều ta cần tự nhủ.

Hãy biết sống ngay cả khi cuộc đời trở nên không thể chịu được nữa- Câu này là của Pavel Korsaghin, nhân vật chính trong Thép đã tôi thế đấy, tôi thường nhớ lại mỗi khi gặp những tình cảnh gần như tuyệt vọng.

Còn dưới đây là mẫu đối thoại giữa hai nhân vật trẻ trong một tiểu thuyết

của nhà văn Tiệp Jan Otčenášek, cũng với cái ý tương tự:

- Tôi chỉ sợ bây giờ không sửa chữa được gì nữa. Tất cả thế gian là một sự lừa dối, sự tàn nhẫn và máu, tính ngẫu nhiên độc ác và cái chết chẳng để làm gì cả. Tôi sợ hãi cả thế giới, tôi không tin ở nó, không tin ở những cái sẽ tới sau này, tôi không muốn nhìn thấy tất cả những cái đó.

- Không, cô bé ơi, không có thế giới nào khác cả, cần phải sống ngay trong thế giới này, do đó cần phải tác động vào nó để thay đổi nó. Chưa bao giờ và cũng chẳng bao giờ nó hoàn thiện. Có thể là nó vô nghĩa, nhưng chúng ta cần phải mang lại cho nó một ý nghĩa. Chính vì như thế chúng ta cần sống và khi không có cách nào khác, chúng ta cần chết.

Tôi đã ghi được đoạn văn này từ thời còn trai trẻ và cứ tưởng nó chỉ cần cho người ta trong những năm chiến tranh cay đắng. Hóa ra, hôm nay, vẫn thấy nó đúng. Chép ra đây không biết có bạn đọc nào cùng chia sẻ, chỉ biết với chính tôi nó vẫn đang có sức thuyết phục, tôi thường đọc lại để tự nhủ mình mỗi khi gặp những chuyện ngang trái.